

Văn nghệ

Thái Nguyên

TẠP CHÍ CỦA HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT TỈNH THÁI NGUYÊN
Phát hành ngày 10 và 25 hàng tháng
Website: vannghehainguyen.vn

SỐ
12
(36)
RA NGÀY 25 THÁNG 6
NĂM 2022



Hoa rừng
Tranh lụa. Nguyễn Lộc

Văn nghệ

Thái Nguyên

Trong số này

- | | | | |
|---|----|----|---|
| Trang thơ
(Nhiều tác giả) | 8 | 22 | Nghi lễ cầu tự
của người Nùng Phàn Slinh ở
huyện Võ Nhai
(Việt Anh) |
| Triệu Vương luận pháp
(Phùng Văn Khai) | 10 | 26 | Xa rồi giếng xưa
(Hồ Điệp) |
| Báo chí văn nghệ
đứng ở đâu trong Giải Báo
chí quốc gia?
(Thái Văn) | 12 | 27 | Miền thơm cỏ mật
(Mai Đình) |
| Giang Tiên
(Nguyễn Trọng Luân) | 13 | 28 | Sân khấu truyền thống khó
mà không khó
(Hoài Hương) |
| Đổi mới hoạt động văn học
nghệ thuật trên cơ sở
tiếp cận các ứng dụng
công nghệ thông tin,
chuyển đổi số
(Nguyễn Thúy Quỳnh) | 14 | 30 | Tâm quan trọng của văn hóa
và thiết kế đô thị (kỳ 2)
(Lê Cao Hải) |
| Sẽ triển khai công việc
theo hướng ngày càng chặt
chẽ, cụ thể và có hiệu quả
(Thái Thanh) | 15 | 32 | Ảnh hưởng của Nho giáo
trong Truyện Kiều
(Trần Ngọc Hồ Trường) |
| Phận mệnh, đời cọ
(Kim Ngân) | 16 | 34 | Đôi điều trao đổi
về vấn đề địa danh trong tác
phẩm văn học
(Phạm Quý) |
| Hoa bất tử
(Phạm Ngọc Chuẩn) | 18 | 36 | "Ru một mình" tiếng vọng
của những nỗi niềm
(Hồ Thủy Giang) |
| Có một cách tôn thờ
"Mẹ thiên nhiên" như thế!
(Lê Công Hội) | 20 | 38 | Mẹ Sauvage
(Dịch giả: Trần Ngọc Bian) |
| Đưa trẻ học giỏi
(Ngô Minh) | 21 | 42 | Xử phạt người hút thuốc
lá nơi công cộng:
"bài toán" nan giải?
(Anh Anh) |



Văn nghệ Thái Nguyên tri ân cộng tác viên và ra mắt chuyên mục mới

(Quang Khải)
Xem trang 4



Nhà báo Nguyễn Ái Quốc

(Quyên Gavoye)
Xem trang 6



Lặng im

(Nguyễn Bích Hồng)
Xem trang 24

Tạp chí Văn nghệ Thái Nguyên: Phường Trưng Vương, TP. Thái Nguyên. Tổng Biên tập: **TRẦN VĂN THẾP**. Thư ký Tòa soạn: **NGUYỄN THỊ THU HUYỀN**.
Trình bày: **ĐÀO TUẤN**. Điện thoại: 0912552124 - 0208 3656514. Fax: 0208 3855513. Email: vannghehainguyen@gmail.com. Giấy phép hoạt động báo chí
số: 72/GP-BTTTT, cấp ngày 1/2/2021. In và gia công tại Công ty Cổ phần In Công Đoàn Việt Nam

GIÁ: 25.000Đ

Thư cảm ơn

Nhân dịp kỷ niệm 97 năm Ngày Báo chí cách mạng Việt Nam (21/6/1925 - 21/6/2022), Tạp chí Văn nghệ Thái Nguyên - Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên trân trọng cảm ơn sự lãnh đạo, chỉ đạo và ủng hộ của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các ban, ngành, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn; trân trọng cảm ơn các thế hệ lãnh đạo Hội, hội viên, cộng tác viên gần xa, đồng nghiệp và bạn đọc đã tin yêu, đóng góp tâm huyết, tài năng, trí tuệ xây dựng và phát triển tờ báo.

Trân trọng cảm ơn các cơ quan, tổ chức và cá nhân đã đến chúc mừng, chung vui cùng đội ngũ cán bộ phóng viên, người lao động của Tòa soạn trong những ngày qua.

Phát huy truyền thống đoàn kết và xây dựng, bám sát tinh thần Nhân văn - Trí tuệ - Phát triển, trong thời gian tới Tạp chí Văn nghệ Thái Nguyên sẽ tiếp tục nỗ lực cải tiến và hoàn thiện, tích cực hơn nữa trong việc kiến tạo và quảng bá các giá trị Chân - Thiện - Mỹ, góp phần vào sự nghiệp phát triển văn học nghệ thuật, xây dựng nền văn hóa mới, con người mới của tỉnh nhà và cả nước.

Kính chúc các quý vị và các đồng chí luôn mạnh khỏe, hạnh phúc, tiếp tục đồng hành với Tạp chí Văn nghệ Thái Nguyên trên những chặng đường mới!

TỔNG BIÊN TẬP

Nhà báo Trần Văn Thép



Đồng chí Nguyễn Thanh Hải, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Thái Nguyên tặng hoa chúc mừng đồng chí Tổng Biên tập Tạp chí Văn nghệ Thái Nguyên

Rộn ràng ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam

Năm nào cũng vậy, cứ vào ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam 21/6, Tạp chí Văn nghệ Thái Nguyên lại được đón nhận sự quan tâm đặc biệt của Thường trực Tỉnh ủy – HĐND – UBND – UB Mặt trận Tổ quốc và các sở, ban, ngành, các đơn vị, địa phương trong tỉnh; sự cổ vũ động viên của các đồng nghiệp và cộng tác viên xa gần. Đó là niềm vui, là nguồn động lực, đồng thời cũng là trách nhiệm để đội ngũ những người làm báo chúng tôi thêm yêu nghề và quyết tâm phấn đấu để ngày một phát triển hơn, theo kịp yêu cầu của độc giả.

Xin trân trọng chia vui cùng bạn đọc qua một vài hình ảnh trong ngày hội của các nhà báo nói chung và Văn nghệ Thái Nguyên nói riêng.



Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh



Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy



Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh



Hội Nhà báo



Phòng An ninh Văn hóa, Công an tỉnh



Các hội viên Hội VHNT tỉnh Thái Nguyên



Và Khối các Hội nghề nghiệp, cùng đến chung vui nhân ngày truyền thống.

Ảnh: Đào Tuấn

Văn nghệ Thái Nguyên tri ân cộng tác viên và ra mắt chuyên mục mới

Quang Khải

Nhân kỷ niệm 97 năm Báo chí Cách mạng Việt Nam, chiều ngày 21/6 Tạp chí VNTN đã tổ chức gặp mặt cộng tác viên và ra mắt chuyên mục mới. Tới chung vui với sự kiện có đồng chí Hoàng Anh Trung, Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh; đồng chí Nguyễn Quốc Thái, Phó Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy; các cộng tác viên thường xuyên trên địa bàn tỉnh cùng toàn thể Ban Chấp hành Hội VHNT tỉnh.

Những người đồng hành giúp VNTN cất cánh

Hòa trong dòng chảy của báo chí cách mạng, với phương châm "Nhân văn - Trí tuệ - Phát triển", VNTN đã đi qua chặng đường 31 năm đầy tự hào. Được đồng đạo bạn đọc trong và ngoài tỉnh yêu mến và đánh giá là một tờ báo địa phương, đây là niềm tự hào và niềm động viên, cổ vũ to lớn đối với các thế hệ những người làm VNTN.

Để có được tờ Tạp chí VNTN ngày nay về nội dung, đổi mới về chất lượng và hình thức như hôm nay, có sự đóng góp quan trọng của đội ngũ cộng tác viên. Tòa soạn vốn rất ít người, hơn nữa đặc thù của VNTN là một tờ báo chuyên ngành, đòi hỏi các tác giả phải có trình độ, năng lực sáng tạo mang tính chất chuyên sâu. Để làm tốt sứ mệnh đó, bên cạnh công tác biên tập và tổ chức bài, từ lâu VNTN đã xác định phải chọn lựa, xây dựng được từ một đội ngũ cộng tác viên đồng đạo. Trong

"Có thể nói, Văn nghệ Thái Nguyên (VNTN) vừa biết ơn, vừa tự hào về những người đã luôn chia sẻ, sát cánh đồng hành trên mỗi bước đi" - lời phát biểu của đồng chí Trần Văn Thép, Tổng Biên tập Tạp chí Văn nghệ Thái Nguyên tại buổi Gặp mặt cộng tác viên, cũng chính là điều những người trực tiếp làm VNTN muốn gửi tới, tri ân các thế hệ đi trước, các cộng tác viên đã đồng hành cùng Văn nghệ Thái Nguyên suốt chặng đường đã qua và trong chặng đường sắp tới.



Các đại biểu thực hiện nghi thức khởi động chuyên mục video "Muôn nẻo đường quê"

những năm qua, VNTN đã và đang tập hợp, thu hút được một lượng cộng tác viên khá lớn, gồm những cây viết trong Hội, những người yêu văn học nghệ thuật trong tỉnh và cả các nhà văn, nhà thơ, nhà báo... của mọi miền Tổ quốc và ở nước ngoài.

Để VNTN ngày một phát triển tốt hơn, thay mặt tòa soạn đồng chí Trần Văn Thép cảm ơn Tỉnh ủy, HĐND, UBND, các sở, ban, ngành của tỉnh, các cơ quan, đơn vị... đã quan

tâm, ủng hộ, tạo điều kiện cho hoạt động của VNTN trong suốt chặng đường qua. Đặc biệt, đồng chí đã gửi lời tri ân, cảm ơn sâu sắc tới các cộng tác viên, "những cánh tay nối dài" của VNTN và mong muốn tiếp tục nhận được sự cộng tác nhiều hơn nữa, chất lượng hơn nữa trong thời gian tiếp theo. Đồng chí cũng cho biết, Tòa soạn sẽ mở thêm những chuyên mục mới, tổ chức các sự kiện, hoạt động để tạo thêm "sân", thêm "đất", nhất là trên tạp chí điện tử nhằm đăng tải được nhiều hơn các tác phẩm gửi đến; qua đó phát huy được năng lực hoạt động chuyên ngành của các chi hội, các tác giả, nhất là tác giả trong tỉnh, đồng thời bất kỳ xu thế phát triển chung của báo chí trong kỷ nguyên số.

Là một cộng tác viên tích cực và trưởng thành từ Câu lạc bộ Văn học trẻ, vốn được sự đỡ đầu của Báo Văn nghệ Thái Nguyên trước đây, tác giả Đoàn Long luôn trân trọng những gì mà lãnh đạo Tạp chí và cán bộ Tòa soạn đã tạo điều kiện cho những người mới viết như anh. "Cũng như rất nhiều các bạn trẻ đã được VNTN định hướng, quan tâm, giúp đỡ. Tại

đây tôi luôn nhận được sự thân thiện, cởi mở chỉ bảo tận tình các chi tiết trong những bài viết, các sáng tác của mình để rồi trưởng thành hơn. Tôi luôn xem cô chú, anh chị em, cộng tác viên trong "ngôi nhà chung" VNTN thật chân thành, ấm áp, và tôi rất cảm ơn vì đã được Tòa soạn tạo cơ hội để tôi học tập, giao lưu, từ đó trưởng thành và có nhiều kinh nghiệm để phát triển đam mê văn chương của mình".

Ngoài ra, bản thân tác giả Đoàn Long cũng luôn nghĩ rằng mình cần phải cố gắng nhiều hơn nữa trong công việc viết lách, cũng như cần có thái độ lao động nghệ thuật thật nghiêm túc, cần trọng hơn để luôn xứng đáng là cộng tác viên tin cậy của Tạp chí.

Vốn là một cộng tác viên đặc biệt, nhiều năm trước đây ngoài việc viết bài trên tờ báo Đảng của tỉnh thì nhà báo Nguyễn Ngọc Sơn (hiện là Tổng Biên tập Báo Thái Nguyên), còn tích cực cộng tác với VNTN. Và anh đã đóng góp những tiếng nói giá trị qua nhiều bài viết để lại dấu ấn trong lòng bạn đọc. Đến với buổi gặp mặt...

(Xem tiếp trang 40)



Các cộng tác viên chung vui cùng cán bộ tòa soạn

Nhà báo Nguyễn Ái Quốc

Quyên GAVOYE



Giấy tờ tùy thân của Nguyễn Ái Quốc được lưu trữ tại Pháp

Bài báo của Nguyễn Ái Quốc trên báo Nhân Đạo số ra ngày 4/9/1919

Hồ sơ lưu trữ Nguyễn Ái Quốc tại Cục lưu trữ quốc gia Hải ngoại Pháp (ANOM)

Nói về Nguyễn Ái Quốc hay Hồ Chí Minh, thế giới hẳn phải "ngã mũ" trước một nhà chính trị lỗi lạc, một bộ óc siêu phàm của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam và góp phần vào đánh đổ chế độ thực dân trên thế giới.

Cũng như rất nhiều nhà chính trị lỗi lạc hiện đại, Nguyễn Ái Quốc, Nelson Mandela hay Hugo Chávez, họ đều là những nhà văn, nhà thơ và nhà báo. Họ dùng ngòi bút của mình để đấu tranh cho nền hòa bình của dân tộc của họ và của các dân tộc trên thế giới.

Năm 1919, ngay khi đặt chân lên đất Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã nhanh chóng xây dựng được mạng lưới các nhà báo và tranh thủ tiếng nói của họ thông qua những bài viết ủng hộ các cuộc đấu tranh đòi tự do ở Đông Dương. Không chỉ dừng lại ở tranh thủ sự ủng hộ của các nhà báo nước ngoài, sau khi thành công gây tiếng vang với bản "Yêu sách của nhân dân An Nam" gửi tới Hội nghị vì hòa bình ở Véc - Xây vào tháng 6, Nguyễn Ái Quốc bắt đầu cầm bút và trở thành một nhà báo trực tiếp nói lên tiếng nói của người dân An Nam tại Pháp.

Ngày 4 tháng 9 năm 1919, trên số báo Nhân Đạo có đăng bài "Đông Dương và Triều Tiên - Một sự so sánh đáng lưu tâm" với chữ ký Nguyễn Ái Quốc. Đây là bài báo được Nguyễn Ái Quốc viết trong bối cảnh cách đó hai tuần, vào ngày 19 tháng 8 năm 1919, chính quyền đế quốc Nhật vừa tuyên bố từ Tokyo trao quyền tự chủ cho Triều Tiên và thừa nhận những quyền lợi bình đẳng của người Triều Tiên trước người Nhật Bản nhằm xoa dịu những cuộc biểu tình nổi dậy giành độc lập trên khắp nước Triều Tiên (*). Dưới đây là trích đoạn của bài báo.

(...)

Tự chủ Triều Tiên

Một bản thông báo đã được tuyên bố ở Tokyo, ngày 19 tháng 8 năm 1919 trao quyền tự chủ của

Triều Tiên và cho phép những người Triều Tiên có cùng quyền lợi với người Nhật Bản bằng việc tuyên bố cả hai dân tộc đều có chung những lợi ích. (...) Vậy nên chúng ta không nên chấp nhận lời xin lỗi của chủ nghĩa đế quốc Nhật, chúng ta nên kết tội họ cũng như cần phải kết tội tất cả các chủ nghĩa đế quốc. Chúng ta cũng sẽ không không làm phép so sánh chi tiết giữa việc cai trị của Nhật Bản và việc cai trị của Pháp, dù nếu so sánh thật sự thì có vẻ như phần lợi sẽ nghiêng về phía Nhật Bản, vì họ chưa có ý định đầu độc những người Triều Tiên bằng việc ép dùng rượu và thuốc phiện; nhưng chính hôm nay chính phủ Nhật Bản đã tuyên bố sẽ giải phóng cho nhân dân Triều Tiên bằng cách đồng hóa họ với những công dân Nhật Bản. Thật khó khăn thừa nhận rằng sau 50 năm chiếm đóng, những người đại diện của Cộng hòa Pháp tại Đông Dương vẫn cứng đầu duy trì những người bản địa ở chế độ nô lệ bằng cách tước đoạt hết của họ quyền tự do và các quyền mà đế chế Mặt Trời Mọc đã hoàn toàn nhượng bộ một dân tộc mà họ đã chiếm đóng cách đây chưa đầy mười lăm năm".

Tuy nhiên, là một nhà báo nhạy bén, ngay từ đầu bài báo, Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định "... cần phải dự báo rằng những người Triều Tiên sẽ không chỉ dừng lại ở sự chấp nhận tuyên bố này, họ sẽ tiếp tục đấu tranh để đòi độc lập bởi vì tự họ hiểu, bản tuyên bố này cũng như những quyết định hành pháp khác sẽ chỉ có giá trị ít nhiều tùy theo cách chúng được áp dụng". Trên thực tế, đúng như nhận định của Bác, cuộc chiến giành độc lập của nhân dân Triều Tiên không dừng lại ở đó, dù tuyên bố trao quyền độc lập diễn ra vào cuối năm 1919 nhưng nó chỉ kết thúc vào ngày 15 tháng 8 năm 1945 với sự chia cắt đất nước thành hai miền Nam, Bắc.

Từ sự so sánh đó, Nguyễn Ái Quốc tiếp tục đi sâu và chỉ ra sự tàn ác của chính sách thực dân mà đế quốc Pháp đang thực hiện tại Đông Dương:

"Nhồi sọ những người da vàng"

Trong những năm chiến tranh, rất nhiều phong trào lớn của những người theo chủ nghĩa dân tộc đã diễn ra ở Triều Tiên và ở Đông Dương để giải cứu những đồng bào ngoại bang; nhưng trong khi ngay trước ngày toàn quốc nổi dậy, chính phủ Nhật Bản đã rất khôn khéo thông báo những cải cách cơ bản nhằm xóa bỏ những kỷ ức đáng buồn, thì chính phủ thực dân Pháp vẫn bảo tồn sự ngây thơ tin rằng ở Đông Dương, để tránh buộc người bản địa, chỉ cần ru ngủ họ mãi mãi bằng những bài phát biểu chính thức, những bài tuyên truyền êm ái và những cuộc tụ tập của những người trung thành với chính phủ, những cuộc tụ tập chỉ có giá do họ định mức thì ở đất nước nơi lỗi lầm - hay có thể gọi bằng từ cổ ý - của chính phủ, những giá trị đạo đức được quy đổi ra tiền hiển hiện ở mọi tầng lớp từ cao xuống thấp, mạng người được mang ra mua bán không phải là chuyện hiếm. Và để nhồi sọ người da vàng, chính phủ thuộc địa có cả hàng tá những phương tiện cực hữu hiệu.

Vì họ chỉ cho phép, trong lĩnh vực xuất bản bằng tiếng Phương Đông, quyền phát biểu để nói những điều vừa lòng chính phủ, sau khi đã qua kiểm duyệt, chính phủ đã lợi dụng đặc quyền này để tạo ra những tờ báo An Nam cho mục đích của họ. Những tờ báo được hỗ trợ ngầm một khoản tiền nho nhỏ sẽ chịu trách nhiệm làm cơ quan tuyên truyền cho chính phủ và dần được biến thành tờ báo lớn của thuộc địa có thể qua mắt được người kiểm duyệt.

Đó là hệ thống nhồi sọ mà chính phủ Đông Dương muốn sử dụng thông qua chế độ tự do báo chí.

Sự hy sinh của người An Nam trong chiến tranh

VẤN ĐỀ CÙNG QUAN TÂM

Nếu chúng ta làm bản tổng kết về những hy sinh mà nước Pháp đã đặt cho người dân An Nam từ đầu cuộc chiến, về mặt tài chính, đã có hàng trăm nghìn phò-răng có nguồn gốc từ tiền ủng hộ tự nguyện hay bắt buộc - chủ yếu là bắt buộc hơn là tự nguyện; về mặt con người, "phương tiện" nhân lực có thể lên tới trăm nghìn lao động và nhiều hơn nữa là những người lính đổ đạn, dù là ai thì họ cũng là người bị bắt buộc đi đến Pháp hoặc một nơi nào đó, trong số họ còn số những người tự nguyện là vô cùng ít ỏi. Những người lao động và người lính An Nam, hàng chục nghìn người sẽ không bao giờ được quay trở lại cố hương, hoặc họ là nạn nhân của những tai nạn lao động, hoặc họ bị giết trong những cuộc tàn sát đẫm máu ở Pháp hay là ở một vùng nào đó ở Balkan. Ngay bây giờ, chỉ cần đi dọc miền bắc nước Pháp cũng có thể gặp hàng nghìn người An Nam bất hạnh, những phu lính đào hào, những người đại diện cho tầng lớp những người bị kết án lưu đày, chỉ khác là họ không bị cùm tay chân vì người ta không sợ họ chạy trốn".



Tấm biển tưởng nhớ lãnh tụ Hồ Chí Minh tại thành phố Marseille (Cộng hòa Pháp)

Ngay khi đăng tải bài báo này, giới mặt thám lúc bấy giờ bắt đầu theo dõi chặt chẽ hơn hành tung của Nguyễn Ái Quốc. Trong bản báo cáo của mặt thám, bài báo được nhắc lại rất nhiều như một minh chứng cho tư tưởng chính trị của Nguyễn Ái Quốc. Nhưng điều chúng không thể ngờ rằng, hai năm sau, Nguyễn Ái Quốc lúc này đã trở thành cây bút có kinh nghiệm với nhiều bài báo trên những tờ báo danh tiếng, tiếp tục đăng bài "Vấn đề người bản địa" ở báo Nhân Đạo số ra ngày 2 tháng 8 năm 1921, trang số 3, mục "Đông Dương". Lần này không còn là sự so sánh nữa mà là một sự khẳng định "Thế giới sẽ chỉ có hòa bình mãi mãi nếu như tất cả các dân tộc cùng thống nhất kết thúc câu chuyện cổ tích đồ hèn trên toàn thế giới".

Để tiếp tục chỉ cho thế giới thấy rằng cái cơ "khai sáng văn minh" mà chủ nghĩa thực dân sử dụng để xâm chiếm thuộc địa chỉ là một sự giả dối bởi "Nước Pháp đã bắt đầu chinh phục Đông Dương gần cùng thời kỳ với nước Nhật bước đi những bước đầu tiên trong cuộc cải cách 1868. Nhưng nếu trong khoảng một nửa thế kỷ nước Nhật đã xây dựng được một chế độ cho phép họ trở thành một trong những cường quốc trên thế giới, thì nước Pháp, cần phải nhấn mạnh vẫn tiếp tục thử nghiệm chính sách Đông Dương. Thậm chí chúng ta còn tự hỏi liệu có

thực sự tồn tại một chính sách Đông Dương cũng bởi từ sau cuộc xâm lược của Pháp, đất nước của chúng ta nói một cách chung chung vẫn phải chật vật sống ngày qua ngày mà không biết được sẽ đi về đâu với chính sách khi thì đồng hóa khi lại hợp tác như chính phủ đã hứa, ấy là còn chưa kể đến việc chẳng có chính sách nào được áp dụng. Tình trạng chung hiện giờ của chúng ta là như sau. Ngày hôm nay giống như ngày hôm qua, dân tộc bị áp bức và dân tộc xâm lược vẫn sống đối diện trong một bầu không khí nghi ngờ lẫn nhau. Bức tranh đen tối này rất thú vị để nhìn nhận dưới mọi góc độ khác nhau".

Sự thật là sau một nửa thế kỷ đô hộ, nước Pháp không mang thêm cho Đông Dương những lợi ích văn hóa hay kinh tế, mà chỉ làm tăng thêm những bức bối xã hội gây ra từ chính sách cai trị của thực dân Pháp "Dành cho tộc người (***) An Nam này chỉ có một cách cai trị tốt nhất đó là áp bức... Giáo dục cho người An Nam hay cho phép họ được hưởng giáo dục, một mặt đó là cung cấp cho họ những khẩu súng nạp đạn nhanh để chống lại chúng ta, mặt khác đó chính là đào tạo những con chó trị thức sẽ bắt lợi hơn là có lợi...". Tệ hại hơn ngay cả khi người dân ý thức được tình trạng của họ, họ cũng không thể phản kháng "bởi vì nếu họ cho phép chống đối, họ sẽ bị buộc tội nổi dậy phản kháng hay căm mắng và sẽ bị xử thành tội trạng. Nhưng bất hạnh hơn vẫn là những người bản địa đã trốn chạy khỏi chế độ này bằng việc di cư: người nhà của họ sẽ bị xử tội thay và họ, nếu bị bắt sẽ bị lưu đày hay dựa cột". Một chính sách tàn bạo như thế thì dĩ nhiên kết quả sẽ khiến người dân sợ hãi, rồi từ sợ hãi đến im lặng chấp nhận sự bảo hộ "Ngay bây giờ ở khu lưu đày Guyane, hay ở Nouvelle Calédonie, ở Poulo-Condor v.v. đây ừ những người tù chính trị bản địa. Những súng máy và máy chém đã thu họ đến những tiếng nói của những người kháng cự và biến chúng thành sự im lặng".

Nhưng cuộc chiến thực dân của Nhật tại Triều Tiên và đang dần bành trướng về Đông Dương khiến cán cân quyền lực thay đổi "Tình hình mà chúng tôi vừa kể qua trong vài nét có thể kéo dài mãi mãi vì ngày hôm nay cuộc chiến (***) đã đảo lộn toàn cõi Âu đã được thêm vào cuộc chiến ở Đông Dương. Vì sự thật, tiếp theo cuộc chiến, Nhật Bản đã đạt được ở nước Pháp một vài điều kiện thuận lợi ở Đông Dương. Cần phải đợi người Nhật đến Đông Dương ngày càng đông để khiến cuộc sống ở đây thêm tồi tệ và buộc người Đông Dương tiếp tục làm sống trong sự ngu dốt bởi chính sách ngu dân và hèn nhất thông qua việc tước bỏ quyền công dân và chính sách đầu độc của chính phủ bằng thuốc phiện,

Báo Nhân Đạo là một tờ báo của Pháp được thành lập vào năm 1904 bởi Jean Jaurès (1859-1914), một nhà chính trị lỗi lạc của Pháp, người đồng sáng lập Đảng Xã hội Pháp và cũng là người tiên phong cho đạo luật phân quyền chia cách nhà thờ khỏi chính phủ, người luôn đấu tranh cho quyền lợi của giai cấp công nhân. Cũng từ J. Jaurès, tờ Nhân Đạo trở thành tiếng nói chính thức của Quốc tế Công nhân. Sau năm 1920, tờ Nhân Đạo trở thành cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Pháp cho đến năm 1994. Ngày nay, nó vẫn là cơ quan ngôn luận đại diện cho tầng lớp công nhân.

rượu, những thứ mang đến nguồn lợi nhuận khổng lồ cho nguồn thuế và các công ty sản xuất, buôn bán, cứ như thế vòng tuần hoàn tiếp tục thất chặt. (...) Nhưng trong khi người Nhật, nhờ vào sự khôn ngoan của họ đã tự trang bị cho mình đầy đủ vũ khí để tồn tại trong cuộc chiến kinh tế, những người An Nam - chúng ta đã giải thích tại sao - vẫn hoàn toàn là số không, ở vạch xuất phát của những tiến bộ hiện đại so với những quốc gia láng giềng: Trung Quốc, Nhật Bản, Miến Điện và thậm chí cả Ấn Độ. Vấn đề đặt ra bây giờ là trong tình hình mới với sự nhập cư ồ ạt của người nước ngoài, chính phủ Pháp có nên tin đó là cơ hội cho những quyền lợi chung, gỡ bỏ hàng rào ngăn cách với người bản địa và giúp đỡ họ, bằng tất cả những phương tiện sẵn có để đối đầu với sự cạnh tranh mà họ sẽ phải đối mặt với người Nhật và người các nước khác".

Nhưng Nguyễn Ái Quốc không ngại thơ để trông chờ vào sự thức tỉnh của chính phủ để quốc, cách đây hai năm trong bài "Đông Dương và Triều Tiên - Một sự so sánh đáng lưu tâm" Người đã từng đặt ra câu hỏi "Liệu ít nhất nước Pháp có thể tỏ ra quan tâm đến Đông Dương như Nhật Bản đã làm đối với Triều Tiên?", câu trả lời bây giờ là "Không ai có thể từ chối sự thật rằng việc không có những quyền tự do tối thiểu như diễn đạt những suy nghĩ, những nhận thức của cuộc sống hiện đại thì tất cả sự giáo dục dù rất nghiêm túc cũng không thể thành công".

Có thể nói, dù chưa từng trải qua bất cứ một trường lớp về báo chí, nhưng trong một thời gian rất ngắn, với ngôn ngữ không phải là tiếng mẹ đẻ, Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định được vị trí của mình như một nhà báo thực thụ trên diễn đàn báo chí ở nước Pháp đại lục. Những bài viết của Người, dù đơn lẻ vẫn có một sự móc nối đầy logic trong cả thời gian, không gian và tính thời sự tạo cho người đọc một sự tò mò. Dấu ấn của nhà báo Nguyễn Ái Quốc trong giới báo chí của Pháp là một điều hiển nhiên không cần phải bàn cãi.

(*) Triều Tiên ở nửa đầu thế kỷ XX vẫn bao gồm Triều Tiên và Hàn Quốc. Ngày 1 tháng 3 năm 1919, mốc son đánh dấu cuộc chiến thắng đầu tiên chống thực dân Nhật tại Triều Tiên, 33 người đại diện mọi tầng lớp của người dân Triều Tiên đã đứng ra đọc bản tuyên ngôn độc lập của nhân dân Triều Tiên tại Taehwagwan. Tiếp theo đó là hàng loạt những cuộc tuyên bố độc lập trên toàn nước Triều Tiên mặc cho sự đàn áp đẫm máu của đế quốc Nhật. Bản tuyên bố độc lập mới chỉ là sự khởi đầu cho một cuộc trường kỳ kháng chiến của người dân Triều Tiên. Vào thời điểm đó, những cuộc nổi dậy trong nước đã được tiếp sức bởi rất nhiều những cuộc biểu tình quốc tế nơi có sự tập trung nhiều của người Triều Tiên nhất là Trung Quốc và Mỹ. Theo hồ sơ lưu trữ của Viện Sử học quốc gia Triều Tiên, đã có khoảng 1692 cuộc biểu tình với 1.000.000 người tham gia và khoảng 1.000 người chết. Ý chí giành độc lập mạnh mẽ của người dân Triều Tiên đã được các báo quốc tế lên tiếng ủng hộ công khai. Tình hình tranh đấu trở nên quyết liệt hơn bao giờ hết. Ngày 19 tháng 8 năm 1919, để làm dịu đi những cuộc biểu tình, chính phủ Nhật Bản đã tuyên bố từ Tokyo trao quyền tự chủ cho Triều Tiên và thừa nhận những quyền lợi bình đẳng của người Triều Tiên trước người Nhật Bản. Ngày nay, hàng năm vào ngày 1 tháng 3, Hàn Quốc (miền nam của Triều Tiên cũ) đã trở thành ngày lễ tưởng niệm những người anh hùng hy sinh vì độc lập của Tổ quốc.

(**) Trong bản gốc, Bắc dùng từ "race". Thực ra từ này vào đầu thế kỷ XX dùng để chỉ tộc người và chưa bao hàm ý nghĩa ẩn dụ. Nhưng ngôn ngữ là một thực thể sống, luôn chuyển động và thay đổi, vì thế cách hiểu cũng thay đổi. Nhưng trong bài báo này, từ "race" được dùng rất đúng ngữ nghĩa.

(***) Cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất.

Lê Văn Hiếu

Chim trời và quán trọ

Từ chỗ này sang chỗ khác
Ta theo em thở dốc

Theo em tìm quán trọ
Ta nghĩ mình quán trọ

Nghĩ mình là ngôi nhà của chính mình
Tóc là mái che
Chân là trụ cột
Thêm em là thêm kèo
Chúng mình dựng nhà chung

Tình yêu ta biết đi
Nụ hôn ta biết đi

Bài thơ ta biết đi
Thả lên trời chim hót

Ta là cánh chim trời
Sá gì cái quán trọ
Mai về ta ru nôi...

Miền man nhà đồi

Người ta trải dày những đồng tiền
Lên tất cả những ngọn đồi nơi tôi ở

Kể cả đôi gió hú của riêng tôi
Họ ngả giá

Họ đã dắt nhau leo đồi
Họ sẫm soi nhìn
Họ trộm của tôi vài con mắt lá
Trộm gió của tôi

Ngọn gió từng thổi về tôi những giấc mơ đủ
phác họa chân dung em (Dù chưa một lần ...) mà tôi nhớ
Mắt lá hằng đêm thả xuống đồng bằng -
xuống phố
Đủ tưởng tượng dáng em ngồi bình yên - lấm
lúc miền man xa - tưởng tượng những ngọn đèn
ru tình trên biển...

ở nhà đồi để thấy mình mệnh mỏng

Hợp âm ánh sao - quỳ gối cùng sương - dưới
trăng tôi vẽ chân dung tôi - một lối người cô
đơn hạnh phúc...

Trần Hồng Giang

Chiều cửa Đáy

văng mây trời trôi nhợt như
giỡn cùng từng nhịp sóng mờ mịt xa...
nơi sóng với biển giao hòa
ảnh hình ảo diệu hiện ra thật tình

thủy triều nhuộm ánh lân tinh
những con thuyền mỏng mư sinh thập thò
nổi nênh cánh vạc cánh cò
thân bèo quẩn quýt mạn dò trôi xuôi

dài dẽ đầy một vành nôi
ấp ôm trọn rẻo bãi bồi xanh mơ
gió động bờ lau lưa thưa
yên nghe vắng... tiếng vọng xưa Thần Phù

bao lâu nên một thiên thu
để lắng từng hạt phù du thành làng
bao nhiêu công sức đã trắng
để cho biển thực là vàng hôm nay

hoàng hôn in cánh nhạn gầy
một chiều cửa Đáy đông đầy niềm riêng...

Chí Phèo và tôi

Soi gương ngắm cái mặt mình
Mà sao lại thấy giống anh Chí Phèo
Giống anh ở cái sự nghèo
Hai bàn tay trắng mặt meo... đôi lòng!

Giống anh cái mặt cuồng ngồng
Bao nhiêu khổ cực coi không ra gì
Giống anh cái mặt trơ lý
Chẳng rơi nước mắt mỗi khi đau đời.

Nhưng không tôi vẫn là tôi!
Chẳng như anh sống cuộc đời buồn tênh!
Vui gì cào mặt mảnh sành!
Vui gì rượu đế, chuối xanh cuối vườn!

Nhọc công tìm sự thiện lương
Tìm không được! Anh tầm thường bỏ đi!
Tôi khát sống! Không tự ti!
Nên chuyện chết chóc - Tôi thì chẳng ham!

Tôi - Anh hai kẻ dờ gần
Anh đi vắng, tôi còn đang kiếp người
Một mai mây nước ngừng trôi
Rồi tôi cũng lại cùng thời với anh!..

Bây giờ trời vẫn còn xanh
Tôi còn mơ được cháo hành người trao...

Hoàng Thu Phố

Đại dương

anh vẽ một nỗi đau
không thường trực
trong em
trong anh
và dấu đó những gì ta gặp gỡ
anh vẽ một địa cầu màu tím
nhốt chặt chúng mình
buồn và u uất

ngoài kia là đại dương mùa thu
hoa vàng và mưa màu nắng
anh vẽ một cuộc tình
giữa lòng phố thị
những kẻ trần truồng nằm xuống bên
nhau rục rần mắt tối
giấc mơ vỡ vỡ bóng bay
anh vẽ một điệu thuốc cho mình
khỏi nẫu da anh
tàn đỏ rục
đêm
ai nhốt đêm vào đời chai lọ
cái ôm một nhòai róc rách bàn tay nhớ
trắng
trắng
trắng
vỡ sao mơ

Bài không tên

những buổi sáng ngồi như u buồn
mùa hè không sương thêm cơn mưa lạnh
lấy xe nghỉ ngút chạy qua cầu
gió sông Hồng thổi
cánh chim rục rĩ bay
mặt trời rọi xanh mùa hạ
người đàn bà rong rêu quẩy hàng hoa
thiên lý
mở hồi lấm tấm đẹp như mưa
đi qua
đi qua
những giấc mơ lia cành rơi gầy
bàn tay nâng niu
cốc nắng tràn ly
mảnh vụn lấp lánh vĩa hè
con chim xanh hót trên nhành cây đại
anh ngồi nghỉ ngút màu ngày
bay
bay
bay

Vũ Tuyết Nhung

Người đàn bà đợi xe

Từ khi người đàn ông đi xa, người đàn
bà đợi xe

Hành trang gói sẵn
Những chuyến xe đi rồi lại đến
Người đàn bà vẫn chưa lên

Mùa đông vẫn ở bên
Từ khi họ gặp nhau lần gần nhất
Cùng với gió và những kỷ ức
Đi cùng người đàn bà tháng năm

Con lớn theo chồng một chiều thiếu nắng
Hành trang người đàn bà nhiều hơn
Một đêm soi gương
Người đàn bà nhớ mẹ
Mẹ chỉ mong bà cười
Người đàn bà không trắng đêm nữa

Sáng nay đầu đường chim khách hót
Người dân bà cất tóc
Hát một đoạn nhạc vui
Tìm được chuyển xe mình đợi
Vội lên xe
Đi xuất khẩu nỗi buồn

Cơn mưa ký ức

Sáng nay con bỏ gạo nếp vào cối
Lại nhớ bàn tay mẹ bao mùa xôi ngũ sắc
Bàn tay đã hằn bậc thang ruộng
Bật mầm xanh mùa thiếu nước

Bàn tay đã mòn vẹt nhà sàn
Cho chúng con đẹp như ánh trăng
Nhìn chiếc quào treo tường
Con thấy mẹ trên nường

Lưng mẹ con ngủ theo bước nắng
Áo mẹ mờ hôi nhiều như sương
Bàn chân đạp đá
Tháng năm hóa đường

Tiếng mẹ thành gió
Lời ru ứn hóa mưa
Giỏ mưa không gọi cha tỉnh rượu
Đêm giầu con mẹ xoa những tím bầm

Những nỗi đau như đá lạnh cảm
Ngồi bên mâm cỗ lá
Con nức nở nhớ củ sắn thay cơm
ngây dối
Mế đùa con: Mế đã no rồi!

Từ khi mẹ ầu mọ
Con như nai thiếu rừng
Lạc trong những gió mưa ký ức

Chú thích:
Cướp: dụng cụ đồ xoi
Quào: dụng cụ làm cỗ
Cỗ lá: Một trong những món ăn đặc sản của người
Mường, thường xuất hiện trên mâm cỗ Tết
Ru ứn: một thể loại dân ca ru con của dân tộc
Mường
Ấu mọ: tiếng Mường nghĩa là về trời, chỉ người đã
chết.

Lê Quốc Sinh

Chiều Vân Phong

Những con đường đã nở bao nhiêu hoa?
Những khung trời đã đổ bao nhiêu mưa?
Những chia xa đã thức bao nhiêu nhớ?
Đã thổi bao nhiêu hoang tàn tới?
Cho lần về

Bấm phím cùi bắp gọi H.
"Thuê bao quý khách..." xa xăm như một
cọng gió cuối mùa
Boja ơi Boja trà thơm loang quán lạnh

Hồ hẹn với rượu hầm, âm nhạc với bất tận...
giờ đã thấp lên chưa?

Như những dãy núi ngấm chân mình trong biển
Bấy lâu tôi ủ phiền muộn vịnh lòng

Nay đất đai đang xanh trẫm dự án
Ngàn giấc mơ bay trên Vân Phong

Bấm gọi thêm lần nữa
Vấn "Thuê bao quý khách..." thờ thẩn
Bồn chồn
Những tháng năm đến thờ bù đắp
Mà tôi ở Mỹ Giang mà người ở Đầm Môn

Không giống những con sóng hiền ngang bờ bãi
Bấy lâu tôi bỏ bấm quanh cầu chữ buồn

Ồi chiều nay phố vườn bình hát
Mối bài thơ quê hương

Những khung trời đã đổ bao nhiêu mưa?
Những con đường đã nở bao nhiêu hoa?
Những chia xa đã thức bao nhiêu nhớ?
Đã thổi bao nhiêu hoang tàn tới?
Cho lần về

Chẳng hề có cuộc nào từ nhấn phím
Vân Phong đã gọi cho tôi bằng những âm động
phía chân trời
Nếu như người còn yêu, còn nhắn nại đợi
Uống chung nhau giọt môi tươi...

Trở lại hồ nước

một bên bờ chính trang thành boutique hotel
lá bàng vẫn sắc thời gian trước
nhưng đã bay đi
tiếng chim bụi cỏ
đã bao nhiêu hoa
rã tan thành đáy nước
bao nhiêu cuộc tình lạc hẹn qua đây

đi tìm câu thơ trên thành phố Vũng Tàu đi tìm
âm nhạc dưới hồ Mây
thả dọc những ngọn cây Thùy Vân trôi qua bãi
Sau bãi Trước

có ai đó
ai đó lại dẫn tôi về hồ nước
quán cà phê Partea thăm xanh

cứ như là một kiểu mộng mị
âm ảnh
không cất nghĩa được
như một thứ đàn diều phù sinh
từ kiếp trước
trong giấc mơ nhiều đêm hun hút ngược
sóng ánh hoa tới.

Mai Diệp Văn

Một ý nghĩ

Nhòn nhọt bóng
buồn
buồng mắt ra ngoài khung cửa sổ
chạm mí
hững hờ
tênh tếch

Với bàn tay ra kéo tuổi mình
lỡ làm rách vạt áo mây
vỡ vạt tia sét làm xước chân trời
xoạc ra một đám mưa
đám mưa cười zích zắc

Trắng trơn không gian tĩnh lặng
về lên trời
vài ý nghĩ tưởng tượng
là mùa thu cũ
giấc mơ ta chửi đồng
thời gian rêu phong
bức tường cổ
tuổi vấp ngã ở hai mươi tám đốt ngón tay
ai nhìn kỹ trăng chiều?

Rớt sợi mì con
sương ngồi trên cỏ.

Tháng năm đang dâng phận sông

Lời tạ từ Cha còn vấp vấp bờ môi
khôe mi đang long lanh giọt nước
mai con đi miền ngược
nơi ấy chẳng có Cha

Tháng năm, tím màu bằng lăng trên phố
con dừng lại nhìn con đường mình mới đi qua
mưa lưa thưa làm rơi ngày tháng cũ
cắt lòng mình, nghĩ về người xa xa

Ngôi nhà của chúng ta
chỉ còn Cha ở lại
những đứa con đi hết cả rồi
chúng về miền đất hứa hay lạc vào ma trận đời?
Cha chẳng thể biết đâu

Ngày trở về, gặp Cha bên chiếc bàn cũ
Người hướng mắt về bốn phía chúng con đi
chông bản thảo nhòe mất vài chữ
Cha châm điếu thuốc đốt bớt thời gian

Gối trà thơm, Cha chờ con đến uống
câu chuyện xưa còn dở chưa xong
con nổi tiếp bằng lời ly biệt
tháng năm dâng dâng phận sông.

Triệu Vương luận pháp

Truyện lịch sử. Phùng Văn Khai



Minh họa: Dương Văn Chung

Tin Triệu Việt Vương ban ân điển trọng hậu cho công chúa Cảo Nương cùng phò mã Nhã Lang tòng thành Ô Diên năm nghìn hộ cùng vô số vàng bạc châu báu khiến không chỉ văn võ trong triều mà bách tính thị tộc trong ngoài thành Long Biên đều bàn tán xôn xao. Có người cho rằng Triệu Vương chỉ còn công chúa nên việc ban thưởng trọng hậu cũng là lẽ thường của tình phụ tử. Thành Ô Diên tuy là của hồi môn cho phò mã thì vẫn là đất đai của họ Triệu chứ nào mất đi đâu? Số vàng bạc châu báu cùng lễ vật Đào Lang Vương cha của Nhã Lang đem từ Ai Châu tới Long Biên chất đầy hai mươi bảy hải thuyền lớn nào có kém gì? Đặc biệt, công chúa Cảo Nương phải phúc phận lắm mới có được vị hoàng tử văn võ song toàn cũng là bậc tuấn kiệt của Vạn Xuân. Vua cho mở hội. Đã hơn mười năm mới có hội lớn đến thế. Từ trong ngoài thành Long Biên đến nơi thôn cùng xóm vắng khắp các châu, huyện, hương, ấp đều ăn mừng. Các cụ già trên sáu mươi tuổi được tặng ba cân thịt, năm đấu rượu, ba thước lụa đỏ. Tiếng ca hát, đàn sáo vang lên khắp chốn.

Cũng không ít người, đặc biệt các lão tướng đã giải giáp quy diên vẫn có lòng ngờ vực việc kết nối thông gia hai nhà Lý - Triệu. Bọn họ cho rằng, đây là quỷ kế của Đào Lang Vương muốn thống thuộc toàn bộ đất đai thành lũy của Triệu Vương mới tìm cơ khơi gợi lòng người hướng về Lý thị. Nay Triệu Vương tuổi tác đã cao, lại chỉ còn công chúa, việc quân quyền trong nước sớm muộn sẽ bị phò mã nhòm ngó. Phò mã là người văn võ song toàn, có đầy đủ khí chất của một quân vương càng khiến người đời suy diễn. Như vậy, ngôi nước của họ Triệu chẳng phải đã sớm lung lay hay sao? Không biết từ đâu, xuất hiện một bài đồng dao của đám mục đồng đã lan truyền khắp trong thành ngoài nội.

Bài đồng dao hát rằng:

"Vạn Xuân khai quốc

Lý bại Triệu hưng

Nhị tộc kết thân

Lý hưng Triệu bại"

Bài đồng dao đến tai Triệu Vương, ngài mỉm cười nói với tả hữu:

- Việc trong thiên hạ nào ai biết trước hết mọi việc?

Đại trưởng phu sống ở đời vì nước lập công không hổ với mình còn mong được gì hơn nữa? Các người chớ có bàn tán mà hãy dốc sức cho nước mới không phụ lòng trăm.

Các đại thần chỉ biết nhìn nhau.

Trong hơn một tháng, Triệu Vương đích thân nhiều lần tới Ô Diên. Bề ngoài hoàng thượng nói nhớ công chúa kỳ thực bên trong chỉ muốn đến trò chuyện với Nhã Lang. Phò mã quả có kiến thức hơn người, tinh thông binh pháp, lực nghệ dân gian cũng rất thuần thực càng khiến Triệu Vương yêu mến.

Trong thư phòng, khi chỉ còn hai người, ngài ngự mới thông thả hỏi:

- Lý phò mã! Ta thấy con không chỉ văn chất hơn người mà đức hạnh cũng đầy đặn sáng rõ. Con có nghe thấy lời đồn đoán của thiên hạ việc Lý gia kết hôn ước với Triệu gia chăng?

Phò mã thấy nhạc phụ hỏi thẳng vấn đề đang là tâm điểm bàn tán không chỉ văn võ trong triều mà đã rộng ra ngoài bách tính thị tộc bèn trang nghiêm đáp:

- Bẩm nhạc phụ! Thần nhi vâng mệnh phụ hoàng tới tấn kiến Triệu Vương được ban thưởng làm phò mã quả thực không phúc nào bằng. Nhưng thần nhi cũng hiểu, kể từ giờ phút được làm phò mã cũng là lúc phải ngồi trên băng mỏng kiếm sắc của thế gian. May được

nhạc phụ và công chúa hết lòng tin yêu mới bảo toàn được. Việc kết giao hôn ước của các quân vương xưa nay đều là phúc lớn của xã tắc. Phận làm hiếu tử càng phải hiếu đấng không chỉ là việc nhà mà còn là việc nước. Những luận bàn trong thiên hạ rồi dần dần sẽ tự hóa giải mà thôi. Triệu Vương nhìn phò mã tuổi tuy còn trẻ song đã sớm phải gánh trách nhiệm vô cùng nặng nhọc. Lại thấy chàng rể lời lẽ khiêm nhường mà sâu sắc, bên trong bên ngoài đều hiểu thấu sự tình, nhất là những chỗ khó xử của bậc quân vương bên ỏ tồn tại nói: - Nhã Lang! Công chúa con gái trăm quả may mắn có người bạn xe tơ kết tóc như con. Quả thực việc của con nơi đây chẳng dễ dàng gì. Xưa nay trăm vẫn cho rằng việc phải làm con cái các quân vương đều là chuyện muôn khó. Làm dâu làm rể quân vương càng khó khăn gấp bội. Đây là phải đi trên hổ gai miệng vực thế gian. Như các con của trăm đây, nếu chúng được sinh ra trong gia đình nông phu thì hay biết mấy. Sáng sáng cày ruộng, chăn tằm. Chiều chiều quay quần sum vầy bên mái ấm thực thanh thân biết bao. Đầu đến nỗi thân không giữ nổi? Nay con phải bỏn bành hàng trăm dặm đến đây, một mình đứng giữa thị phi sóng gió. Trăm biết con tâm lòng rộng lượng, đức độ hơn người càng thêm lo nghĩ cho con. Việc thích khách hôm trước nơi nhà công quán trăm đều biết cả. Chính vì tâm lòng rộng lượng của con đã khiến trăm mở lòng không trừu trừu bọn chủ nhân sai lầm thích khách làm càn. Nhưng trăm không thể mãi canh chừng chúng được. Nếu tuyên tội mà giết chúng đi, con cùng công chúa khó càng thêm khó. Thù hận đã buộc vào rồi cởi bỏ thật không dễ dàng đâu. Phò mã thấy Triệu Vương đã biết rõ chuyện thích khách hôm trước không khỏi thán kinh động trong lòng. May Triệu Vương không truy cứu đến cùng, nếu không cuộc hôn nhân sẽ hẳn một vết đen khó hóa giải. Trong lúc cấp bách nửa đêm thích khách xông vào công quán hành thích, phò mã đã nhanh chóng nhận rõ ẩn tình sự việc lập tức thả người cũng là để giữ thể diện cho kẻ chủ mưu. Như vậy càng thấy rõ tâm lòng của Triệu Vương không chỉ hết sức chân thành với cuộc hôn nhân Lý

- Triệu, mà sâu xa hơn đã ra một thông điệp với các tướng còn có ý muốn tranh cường thủ thắng.

Như thấu tỏ tâm tư nhạc phụ, Lý phò mã xúc động nói:

- Bẩm nhạc phụ! Ngày nhỏ ở chùa tu tập với Phùng sư phụ, con vẫn được nghe sư phụ nói về công đức của Triệu gia đất Chu Diên đã có từ thời các vua Hùng dựng nước. Sư phụ còn giảng giải huyền tích dân gian công chúa Tiên Dung với Chử Đồng Tử đều là thánh nhân gần gũi giúp đỡ chúng dân. Ngay khi bị các tướng của vua Hùng vu hãm tội phản loạn vẫn một mực giữ phận hiếu tử, quyết lấy cái chết để báo đền. Tấm lòng của công chúa Tiên Dung và Chử Đồng Tử đã cảm động tới Phật tổ khiến vua cha tính ngộ. Thần nhĩ cho rằng, tấm gương của nhị thánh Chử Đồng Tử - Tiên Dung chính là căn duyên Phật tính hóa giải mọi phong ba bão táp. Sư phụ còn giảng giải, Triệu gia xưa nay luôn gắn chặt với đạo pháp. Chính nhạc phụ là người được nhị thánh Chử Đồng Tử - Tiên Dung hiện thân trao mộng rồng giúp sức mạnh làm tròn sứ mệnh phục quốc. Điều này vắng vặc như trăng sao, thiên hạ đã đều biết cả. Mọi chuyện đều rõ ràng mạch lạc, có lẽ nào các vị tướng quân không biết?

Triệu Vương càng thêm cảm mến phò mã không chỉ thấu hiểu lẽ đời mà đạo pháp cũng đạt tới cao thâm. Lại đúng lúc được nghe nhắc tới nhị thánh Chử Đồng Tử - Tiên Dung, trong lòng Triệu Vương cảm nhận rõ mạch nguồn đạo pháp cao diệu vô cùng bên mím cười nói:

- Phò mã của trăm bàn về đạo pháp có nhiều chỗ không kém gì bậc cao tăng. Vậy trăm hỏi con, khi bình tướng Trần Bá Tiên hung hăng tới chùa Khai Quốc bách hại đại sư trụ trì, người đã lấy cái chết gửi đi thông điệp sao họ Trần kia vẫn giả cảm giả diếc không nghe? Đi cùng họ Trần kia ỷ còn có Trang Sấm vốn là đồng đội tình hoa các học phái ở Trung Nguyên cũng nhắm mắt làm ngơ nốt? Rốt cục, vừa về tới Trung Nguyên, họ Trần làm phản xưng đế rồi cho giết Trang Sấm không kiêng dè công trạng mấy mươi năm của mưu thần. Tiếp đó, quân hùng Trung Nguyên ngoài miệng nói lời nhân nghĩa kỳ thực bên trong đua nhau đốt chùa hủy pháp. Đến nỗi bọn chúng nôi da xáo thịt mấy chục năm nay. Trăm ngắm nhìn đám binh tướng phương Bắc không khỏi không lo về kiểu binh hân tướng của Vạn Xuân. Vậy thời con có chủ ý gì chăng?

Lý phò mã thấy rõ nhạc phụ lâu nay chuyên tâm Phật pháp đều có nguyên do gốc rễ vì đại cực Vạn Xuân. Triệu Vương đã sớm nhìn ra những mối họa ẩn tàng chính là lòng tham muốn vô bờ thứ hào nhoáng bên ngoài bất chấp gương tày liếp ngay trước mắt. Càng thấy việc Triệu Vương sẵn sàng rời bỏ vương vị thật người thường không hiểu nổi, ngay các vị lão tướng lưng lẩy chiến công càng không chia sẻ được chính là nỗi khổ của ngài. Càng nghĩ càng thấy căn dặn của Phùng sư phụ nơi cổ tự Dã Nặng ẩn ý sâu xa: "Hoàng tử nên ghi nhớ trong lòng. Triệu Vương là bậc anh hùng trăm năm hiếm thấy. Ngài ấy không chỉ có tài điều binh khiến tướng, ném mặt nằm gai, từ đồng tro tàn dựng thành đại nghiệp, mà Triệu Vương còn có nhân tự sâu xa, nhìn thấu huyền cơ trong thiên hạ. Với những bậc hào kiệt như vậy, thì việc hưng dân mở cõi, vun đắp quốc thống, tạo lập chính khí nền tảng của nước mới là điều nên làm; chứ còn như ngôi vị quân vương, quốc chủ, ngay đến để vị chẳng nữa ngài ấy cũng chỉ coi như gánh có ven đường mà thôi. Người như vậy chính là gốc của phúc nước".

Càng nghĩ, Nhã Lang càng thấy chấn động trong lòng bên trang nghiêm đáp:

- Cao ý của nhạc phụ cũng như tâm ý của các bậc cao tăng khi xưa đều là nêu cao chính đạo, xiển dương Phật pháp, chăm lo sinh kế cho bách tính thị tộc, tạo nguồn nội lực bên trong bền vững của Vạn Xuân cũng là thông điệp gửi tới lân bang, hàn quốc bên ngoài. Nhạc phụ tự thân làm gương, chuyên cần pháp đạo, nhìn rõ điều người khác chẳng nhận ra, kiên trì đến cùng lợi ích của bách tính thị tộc, theo cảnh giới của đạo Phật cũng là đặc pháp rồi. Còn như việc bọn Trang Sấm giương mắt nhìn Trần Bá Tiên bách hại lão sư nơi sân chùa Khai Quốc không dám can ngăn chủ càn cho thấy đạo pháp của người phương Bắc đã ở vào lúc cầu thả tùy tiện, bừa bãi nông cạn. Điều này lý giải tại sao Đạt Ma sư tổ sau bảy ngày đêm luận pháp cùng Lương Vũ Đế đã đột ngột bỏ đi còn cho rằng Vũ Đế không hiểu biết về đạo, đầu có xây trăm chùa lớn, đồ ngàn tăng chúng cũng vô ích. Quả nhiên sau này Vũ Đế bị phản thần vây khốn đến nỗi phải chết đói nơi cỏ thành mới ngộ ra lời Bồ Đề Đạt Ma thì đã muộn. Trần Bá Tiên càng là kẻ cuồng bạo. Họ Trần không chỉ lừa gạt Tiêu thị làm phản thần tặc tử, mà y còn đang tâm hủy hoại Phật pháp Trung Nguyên. Trần Bá Tiên gian ngoan khuấy đảo quần hùng đua nhau làm phản để y có cơ hội tiến chiếm ngôi cao. Song với bản tính hiếu sát lại dung túng cho quan tướng bách hại tăng chúng, đốt phá chùa chiền tất không lâu bền được. Phải chăng những điều như thế khiến nhạc phụ phân vân? Còn như các lão tướng từng theo nhạc phụ chinh chiến sa trường, dẫu trong lòng còn có chỗ chưa thông, song quyết không phải loạn thần tặc tử. Người phương Nam quyết không thể giống tính nết trí trá phản loạn của bọn người phương Bắc. Điều này lịch sử đã ghi nhận từ nghìn năm, quyết không sai lạc. Mong nhạc phụ minh xét!

Triệu Vương lâu nay trong lòng ôm tâm sự lớn nhiều năm không có kẻ giải bày nay trò chuyện với phò mã như được giải tỏa tâm tư. Ngài ngự bỗng thấy vợi nhẹ trong lòng, thoáng chốc như được cất đi gánh nặng bên thông thả nói:

- Nhã Lang! Con không chỉ thấu hiểu ý ta mà còn luận giải xác đáng thành bại của các vương triều trong thiên hạ, nhất là phương Bắc. Xét cho cùng, người phương Nam chúng ta muốn vững mạnh tự cường trước phương Bắc không chỉ phải giỏi chiến trận mà còn phải có nền tảng trị quốc căn cơ. Ta không chỉ trị quốc bằng pháp lệnh mà còn phải nêu cao đức sáng, xiển dương đạo pháp, lấy đức độ, pháp độ làm mực thước để bách tính thị tộc tự sửa bỏ những u mê lầm lạc thiếu khuyết của mình mới là đại pháp của một nước. Khi đại pháp đã định, những điều tốt lành tự nhiên sẽ nối nhau xuất hiện, nước sẽ vững, dân sẽ yên; khi đó người ở ngôi cao bất luận thế nào đều sẽ được pháp độ chế định, không thể một mình làm lung lay gốc nước. Đó cũng là vương đạo đã có từ thời các vua Hùng. Trăm hôm nay rất vui. Trăm tuy làm khổ con nhưng lại cởi bỏ được vướng bận lâu nay chính là ý muốn của Phật tổ. Ta thật không còn điều gì phải lo lắng về con nữa.

Nói đoạn, Triệu Vương tươi cười đứng dậy bước ra ngoài cũng là lúc đám tùy tùng đón ngài ngự xuống thuyền rồng xuôi về cổ tự đầm Dạ Trạch.

Đức vua đi rồi, Lý phò mã còn bản thân đứng mãi nhìn theo•

Báo chí văn nghệ đứng ở đâu trong Giải Báo chí Quốc gia?

Thái Văn

Đó là câu hỏi mà cánh báo chí văn nghệ gần đây hay hỏi nhau mỗi dịp giới báo chí rục rịch chờ đón công bố kết quả Giải Báo chí Quốc gia.

Mùa giải năm nay có lẽ cũng vậy. Theo thông tin từ Hội Nhà báo Việt Nam, Giải Báo chí Quốc gia lần thứ XVI trao 10 giải A, 22 giải B, 48 giải C, 35 giải Khuyến khích, được lựa chọn từ 1.911 tác phẩm gửi về dự giải.

Để được nhận giải giữa muôn người như vậy, dù là tác phẩm báo chí ở thể loại nào thì các tác giả cũng phải rất giỏi nghề mới làm được. Nhiều nhà báo nhận được sự ngưỡng mộ rất lớn của công chúng và đồng nghiệp vì sự dẫn thân tuyệt vời cho lẽ phải và sự công bằng để đưa sự thật từ bóng tối ra ánh sáng.

Cánh báo chí văn nghệ trân trọng chúc mừng các nhà báo thông tấn đoạt giải trong đó có nhiều bạn bè của mình xong xuôi, lại ngậm ngùi hỏi nhau: Báo chí văn nghệ đứng ở đâu trong Giải lần này?

Bởi danh sách tác phẩm đoạt giải thường là vắng tên các tác phẩm báo chí thuộc hệ thống báo chí văn nghệ. Sự vắng tên vắng bóng ấy kéo dài nhiều năm, đến mức có nhà báo nói rằng, hình như báo chí văn nghệ đứng ngoài đời sống báo chí

nước nhà (!).

Sự thiếu vắng đó đặt ra nhiều điều đáng suy nghĩ. Nhất là khi Giải Báo chí Quốc gia thường được công bố kết quả và trao thưởng vào dịp kỷ niệm Ngày Báo chí cách mạng Việt Nam 21/6, ngày hội của những người làm báo nói chung.

Thử tìm một vài lý do.

Có người nói là do đặc thù của báo chí văn nghệ là tính chuyên ngành cao, tính thông tấn hạn chế. Nói vậy cũng không hẳn là đúng. Vì các thể loại xã luận, chuyên luận, bình luận - một nhóm giải thành phần trong cơ cấu Giải Báo chí Quốc gia - vốn rất quen thuộc với giới văn nghệ sĩ. Tạp chí văn nghệ nào cũng "để dành đất" cho thể loại này, thông qua các mục như "Góc nhìn văn nghệ sĩ", "Vấn đề cùng quan tâm", "Lăng kính văn nghệ".

Giải Ảnh (ảnh đơn, phóng sự ảnh, nhóm ảnh) cũng rất "rộng cửa" với hàng nghìn tay máy sẵn ảnh chuyên nghiệp và không chuyên trên mọi nẻo đường, mọi điểm nóng.

Trong khi đó, theo Ban tổ chức Giải năm nay đánh giá thì "các thể loại xã luận, bình luận và đặc biệt là thể loại ảnh đơn, nhóm ảnh, phóng sự ảnh vẫn chưa thu hút được sự quan tâm, dự Giải của các nhà báo, dù đã có cơ chế tạo điều kiện cho tác giả cá nhân có thể gửi ảnh dự thi", và làm sao để

thu hút nhiều hơn nữa các tác giả tham gia các thể loại này vẫn là vấn đề cần quan tâm của họ.

Ngoài ra còn các thể loại khác cũng rất quen thuộc với báo chí văn nghệ như ký sự, phóng sự, phóng vấn, đối thoại... Nhóm phóng sự, điều tra, ghi chép chung một nhóm giải. Nếu bút ký trên các báo văn nghệ thật sự hay, giàu tính phát hiện, nêu được những vấn đề mới thì tham dự là để giành giải.

Có người lại nêu câu hỏi "Phải chăng báo chí văn nghệ của các bác nhà thơ, nhà văn, nhà LLPB, chưa chạm tới cái nóng hồi bức xúc của cuộc sống đời thường hôm nay nên không được xét giải?". Đó cũng là câu hỏi nếu ra lý do cần suy ngẫm.

Trong thực tiễn, mảng văn nghệ có rất nhiều người giỏi, có nhiều bài viết hay, tác động tốt đến đời sống xã hội và đã từng dự giải và đoạt giải. Như ở Giải Báo chí Quốc gia năm 2020, nhà văn Ma Văn Kháng rất nổi tiếng của làng văn đã đoạt giải C với loạt bài "Nhận diện để sàng lọc dưới góc nhìn của nhà văn" (dăng trên Tạp chí Xây dựng Đảng). Ông cũng là nhà văn thường tham dự và đoạt giải báo chí chứ không chỉ giải văn chương. Những cây bút có kiến văn sâu rộng, quan điểm chính kiến sắc sảo, kỹ năng làm báo tốt ở báo Văn Nghệ (Hội Nhà văn) và nhiều địa phương hoàn toàn có cơ hội dự và đã từng đoạt giải.

Như vậy không phải người văn nghệ không thể theo được giải báo chí.

Có một thực tế là các nhà báo làm báo chí văn nghệ ít chú ý đến điều này. Từ người đứng đầu các tạp chí văn nghệ đến cán bộ phóng viên, cộng tác viên. "Người văn nghệ" thường quan niệm làm báo chí văn nghệ thì dự giải văn nghệ thôi. Quan niệm đó cũng đem lại thiệt thòi cho chính báo chí văn nghệ khi đứng ngoài cuộc chơi lớn của giới mình.

Ngoài ra, muốn có giải cao thì phải có đầu tư, chăm chút cẩn thận từ khâu lựa chọn đề tài đến tổ chức thực hiện... Sự đầu tư này cũng không thuộc về thói quen của dân báo chí văn nghệ. Ở nhiều địa phương, bài tham dự vòng chọn cấp tỉnh (do Hội Nhà báo thực hiện) của tạp chí văn nghệ thường được đồng nghiệp đánh giá cao, nhưng để dự giải quốc gia thì cũng còn phải cố gắng hơn rất nhiều.

Sau cùng, vị thế của báo chí văn nghệ trong Giải Báo chí Quốc gia, có lẽ chưa phải là vấn đề đáng suy nghĩ nhất. Vấn đề đặt ra từ đó là: báo chí văn nghệ đang đứng ở đâu trong đời sống báo chí nước nhà? •



Nhóm nhà báo đoạt giải B - Giải Báo chí Quốc gia năm 2021. Nguồn: Internet

Nửa thế kỉ qua rồi mà tôi chưa trở lại Giang Tiên. Bỗng cảm thấy như mình là một anh con trai phũ phàng với người con gái từng yêu quý mình. Giang Tiên hết như một cô sơn nữ tốt tính và vô cùng thông minh, lại dịu dàng với nét duyên ngầm. Giang Tiên xa mà gần trong tâm tưởng.

Tôi đi qua Giang Tiên lần đầu vào năm 1969. Cuối thu, se lạnh. Ngồi trên xe ô tô tải của trường Đại học Cơ điện đi ngược lên Bắc Kạn để chặt nửa chặt tre về dựng lớp học. Lúc xe chạy qua Bờ Đậu thấy có người nào đó bảo, sắp đến Giang Tiên. Bật nhớ ra những gì mình đã đọc của Trần Đăng, của Nam Cao, của Thôi Hữu, nhắc đến Giang Tiên. Họ viết về những chàng vệ quốc người Thủ đô lên chiến đấu hay ghé lại Giang Tiên. Họ kể rằng ở Giang Tiên nhiều quán xá, nhiều người Hà Nội lên tản cư lắm. Họ tả quán Cà phê Giang Tiên như một gốc cây ven hồ Tây với khói thuốc ẩn khuất mặt cô chủ quán, với nụ cười ngạo mạn nơi những chàng Vệ quốc quân trên chiến địa Việt Bắc.

Lúc ấy tôi chưa biết cà phê là gì mà cũng đã thấy mơn man háo hức nhìn gái Giang Tiên. Lúc ấy, Giang Tiên với tôi là một khúc đường hai bên ken dày cây phượng vĩ. Khúc đường ấy chỉ dài chừng hai trăm mét thôi nhưng chui trong một vòm cong phượng vĩ mùa đông cành khẳng khiu đan nhau nhăm nhở vàng, trước khi vào thị trấn Giang Tiên. Những tàn lá phượng vĩ mùa đông như những hạt cơm bay bay tả tơi trong nắng leo lét chiến khu.

Lần qua Giang Tiên nữa là một tháng sau, tháng 11/1969, khi đi chặt nửa từ Chợ Mới, Bạch Thông về xuôi. Đúng là Giang Tiên có mùi cơm. Xe dừng ở thị trấn. Một thị trấn vùng cao đặc mùi thị thành Thăng Long. Thấp thoáng những người phụ nữ đẹp, ít nói, tóc phi dê đứng sau quầy hàng mà quầy hàng nào cũng thơm như mùi va - nì. Họ là lớp người tản cư còn lại muộn mằn chưa về lại Thủ đô. Ở Giang Tiên người ta nhớ người Thủ đô đến mãi tận bây giờ. Cũng giống như vùng Phú Thọ hay Thanh Hóa, vẫn hóa người Thủ đô đi tản cư kháng chiến đến miền núi và trung du hẳn sâu cho đến gần thế kỉ sau. Họ làm thành thị tứ, thị trấn cho những vùng quê heo hút. Nét tinh hoa vùng xuôi thật thán nhiên gieo lại những nơi này.

Tôi trở lại Giang Tiên nhiều lần sau đó 3 năm. Tháng Năm năm 1972 trường đại học của tôi sơ tán về Đại Từ (xã Phúc Linh). Tôi về quê đưa tang ông nội nên khi đến trường mới biết khóa của mình đã di chuyển lên Đại Từ. Tôi lờ mờ tìm đường lên Phúc Linh. Họ bảo lên Giang Tiên rồi đi vào Phúc Linh qua mỏ than gì đó! Ôi Giang Tiên lại hiện ra, thơm thảo bồn chồn. Tháng Năm, nắng lắm mà Giang Tiên mát y như ngồi bụi tre ven suối. Ở đây lần đầu tiên tôi ngửi mùi thơm của phở. Họ bảo đây là phở Hà Nội. Từ năm đi đại học tôi chưa bao giờ được ăn phở. Chỉ người thôi. Mà nay được người phở Hà Nội thì lại người ở Giang Tiên trên Việt Bắc chứ không phải ở Thủ đô. Sau này nghĩ thật là may. Mùi ấy mới là mùi phở Hà Nội. Cái mùi vị ẩm thực chỉ chính xác khi con người ta đói.

Có con đường đã rẽ trái từ thị trấn đi vào mỏ

Giang Tiên

Nguyễn Trọng Luân



Cầu Giang Tiên cũ bắc qua suối Giang Tiên (Ảnh: PT)

than Phấn Mễ. Tôi nhớ cây cầu sắt cũ kĩ chắt làm từ thời Pháp qua suối Giang Tiên. Ngày xưa cha ông ta gọi là sông Tiên. Tôi đi đến một khu nhiều nhà tập thể công nhân, họ bảo đây là mỏ than Phấn Mễ. Tìm hỏi vào xã Phúc Linh. May sao gặp một cô gái chừng 15 tuổi nhà ở khu mỏ nhận lời dẫn đường cho tôi vượt qua ngọn núi sang xã Phúc Linh. Trưa hôm ấy nắng nhẹ nhai. Cô gái học lớp 7 thật xinh xắn dẫn đường tay bẻ cành lá đáng cây mùi hăng hăng che đầu. Lên đỉnh đồi cô chỉ cho tôi vào nơi tôi sơ tán. Cô bảo, có một trường đại học vừa lên đây tuần trước, eo ôi toàn là người học giỏi và đẹp đẽ. Tôi hỏi có tên gì? Cô không nói. Cô kể nhà cô có anh trai đi bộ đội vừa mới đi B. Cô ta bảo tôi rằng, trông anh giống anh Chiến em nên em mới dẫn đường cho anh đấy. Cô gái cười bên lên cầm cành cây che đầu vẫy vẫy tôi lúc quay về.

Chỉ sau 3 tháng ở nơi sơ tán ấy là tôi lên đường đi bộ đội. Con suối Giang Tiên lùi lại phía sau. Ngày nhập ngũ tôi lại đi vượt qua ngọn núi từ trong làng Phúc Linh ra Giang Tiên. Tôi lại đi qua nhà cô bé dẫn đường cho tôi dạo đầu hè. Chỉ nhớ khuôn mặt và mái tóc ngang vai của cô gái 15 tuổi. Giang Tiên từ ấy xa tít tắp.

Cây cầu cũ qua suối Giang Tiên và hàng phượng vĩ trùm kín đoạn đường nhựa nơi thị trấn Giang Tiên bao nhiêu năm chứng kiến cuộc kháng chiến chống Pháp của cha ông mình rồi lại chứng kiến lớp cháu con Việt Bắc ra đi đánh Mĩ nay có còn không? Giang Tiên có còn kiêu sa với các ngôi quán hàng xinh xắn mang tên các thiếu

nữ Hà Thành của hơn nửa thế kỉ trước nữa không? Giang Tiên, nơi có con sông Tiên bởi một truyền thuyết ông Tiên tắm ở suối này rồi bay về trời. Người ta bảo ông tiên ấy là phò mã Dương Tự Minh, thủ lĩnh đánh giặc giữ quê hương phủ Phú Lương dưới triều Lý. Cái tên Dương Tự Minh với chúng tôi gọi lên một trường cấp 3 mà nơi đây có rất nhiều học sinh người Thái Nguyên học giỏi.

Năm mươi năm chưa trở lại Giang Tiên. Giang Tiên trong tôi là cảm giác của người con trai mới lớn, từng yêu quý nơi này rồi lại chia li.

Tôi nhớ Giang Tiên cả trong những ngày tôi chiến đấu ở chiến trường Gia Lai. Cuối năm 1974 trong một trận chiến đấu ở đường 21 gần căn cứ Pờ Lây Me, đại đội tôi đi phối thuộc với Tiểu đoàn 9. Trận đánh ác liệt vô cùng, có một đại đội phó rất trẻ tên là Chiến người Phú Lương chỉ huy mũi xung phong đột phá. Tôi nghe anh em kể, đại đội phó này mới 20 tuổi và rất can trường. Tôi dò hỏi, có phải Chiến ở mỏ than Phấn Mễ đi không? Có người nói hình như thế. Đêm ấy giữa trận địa đường 21 đầy những vật hoa cúc quý cháy nham nhớ tôi nhớ đến cô bé ở Phấn Mễ hôm nào. Nhớ cô gái nói rằng, em thấy anh giống anh Chiến nhà em thì em dẫn đường cho anh đó thôi. Tôi nhớ đến Giang Tiên, nhớ những con người hiền lành ở một vùng chiến khu tôi từng sống và rất đổi thân yêu...

Thái Nguyên, vùng đất tôi gửi lại tuổi thanh xuân hơn cả 5 năm đại học, mỗi tên đất, tên rừng, tên làng, ở đâu cũng vậy, đều có linh hồn.

LIÊN HIỆP CÁC HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT NAM:

Sẽ triển khai công việc theo hướng ngày càng chặt chẽ, cụ thể và có hiệu quả

Thái Thanh



Trong hai ngày 11 - 12/6 vừa qua, tại TP. Đà Nẵng, Ủy ban toàn quốc (UBTQ) Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật (VHNT) Việt Nam đã tổ chức hội nghị mở rộng nhằm triển khai một số nhiệm vụ quan trọng trong thời gian tới.

Dự Hội nghị có: Đại diện Ban Tuyên giáo Trung ương; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương; Ban Dân vận Trung ương; Vụ Văn hóa - Văn nghệ, Ban Tuyên giáo Trung ương; UBND TP. Đà Nẵng; Đoàn Chủ tịch UBTQ Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam, cùng các lãnh đạo Hội chuyên ngành trung ương, lãnh đạo các Hội VHNT địa phương, tổng biên tập các báo, tạp chí thuộc Liên hiệp và các Hội VHNT 61 tỉnh, thành trong cả nước.

Hội nghị đã nghe báo cáo tổng kết công tác năm 2021 và 6 tháng đầu năm 2022, triển khai nhiệm vụ chủ yếu 6 tháng cuối năm 2022.

Năm 2021, Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng tổ chức Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; tiếp tục triển khai các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, văn bản của Đảng về văn hóa văn nghệ... Đây cũng là năm tiếp tục có nhiều khó khăn, thử thách với diễn biến khó lường của đại dịch COVID-19 trên khắp mọi miền đất nước, trong khu vực và trên thế giới... Trong bối cảnh ấy, Đại

hội X Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam nhiệm kỳ 2020 - 2025 được tổ chức thành công, đề ra phương hướng phát triển văn học nghệ thuật trong nhiệm kỳ mới: Phát huy tính tích cực xã hội, gắn bó mật thiết với cuộc sống của nhân dân, cộng hưởng mọi tài năng, tâm huyết, nâng cao chất lượng và hiệu quả sáng tạo, đưa đời sống văn học nghệ thuật nước nhà lên một tầm cao mới...

Từ nay đến cuối năm 2022, Đảng đoàn và Thường trực Đoàn chủ tịch chỉ đạo các Hội VHNT chuyên ngành trung ương, các Hội VHNT tỉnh, thành phố tập trung, nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm như:

Tiếp tục làm việc với các cơ quan, bộ, ban, ngành về tổ chức của Liên hiệp để thống nhất về mô hình hoạt động, bộ máy tổ chức, chức năng, nhiệm vụ...

Phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp tục đẩy nhanh việc trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kinh phí năm 2022 trong thời gian sớm nhất Chương trình Hỗ trợ hoạt động sáng tạo tác phẩm, công trình văn học nghệ thuật, báo chí ở trung ương và các Hội VHNT địa phương; hỗ trợ tác phẩm báo chí chất lượng cao ở các Hội Nhà báo địa phương giai đoạn 2021 - 2025.

Phối hợp với Trung tâm hỗ trợ sáng tác Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức Trại sáng tác tại Nhà sáng tác Nha Trang;

Ra mắt Hội đồng Lý luận phê bình Văn học nghệ thuật Liên hiệp; Tổ chức kỷ niệm ngày thành lập Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam (25/7/1948 - 25/7/2022); Tổ chức xét Giải thưởng Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam năm 2022 đảm bảo chất lượng, nhiều đổi mới...

Với những nhiệm vụ chủ yếu của Liên hiệp, trong 6 tháng cuối năm, các Hội chuyên ngành, Hội VHNT địa phương cần căn cứ vào tình hình chính trị - xã hội của tỉnh mình, kinh phí được cấp trong năm xây dựng kế hoạch chương trình công tác phù hợp, hiệu quả và tiết kiệm.

Bên cạnh đó, Liên hiệp cũng đã tổ chức Tập huấn về công tác "Hỗ trợ sáng tạo văn học nghệ thuật" giai đoạn 2021 - 2025, nhằm trao đổi những quy định mới về nghiệp vụ trong công tác hỗ trợ sáng tạo. Sau khi nghe trao đổi và nghiên cứu văn bản một số Hội VHNT địa phương đã tham gia ý kiến về: định mức không hợp lý, đơn vị tính không rõ ràng, sử dụng ngôn từ lặp lại...; Đề xuất đơn giá hỗ trợ đặt hàng các hoạt động sáng tạo tác phẩm, công trình văn học nghệ thuật địa phương gắn với số lượng và chất lượng của các tác phẩm, công trình, đầu sách, biểu diễn, công diễn, xuất bản sách... giai đoạn 2022 - 2025 kèm theo Công văn số 90/CV-UBTQ ngày 13/4/2022 của UBTQ Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam...

(Xem tiếp trang 40)

Hội nghị Văn hóa toàn quốc ngày 24/11/2021 vừa qua đã xác định 10 giải pháp chủ yếu nhằm phát triển văn hóa, con người Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

Thực hiện giải pháp "Phát triển văn học, nghệ thuật đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế, xây dựng con người Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị", Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên đóng góp ý kiến về việc "Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của các hội văn học, nghệ thuật nhằm tập hợp, tạo điều kiện để văn nghệ sĩ hoạt động tích cực, hiệu quả".

Cụ thể là việc **đổi mới nội dung, phương thức hoạt động văn học nghệ thuật trên cơ sở tiếp cận các ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số**.

1. Đại dịch COVID-19 và công cuộc chuyển đổi số đã và đang làm thay đổi toàn diện đời sống của nhân loại.

Sự thay đổi ấy diễn ra từ quy mô toàn cầu đến từng quốc gia, từ các nhóm xã hội vĩ mô đến từng cá nhân, trong đó có giới văn nghệ sĩ. Sự thay đổi ấy là tất yếu, nhưng đồng thời cũng đặt ra những yêu cầu mới, đòi hỏi văn nghệ sĩ phải điều chỉnh tư duy và cách thức sáng tạo để tiếp cận, thích ứng và phát triển.

Quá trình tiếp cận, thích ứng diễn ra trên tất cả các lĩnh vực văn học nghệ thuật, với những cách thức và thành quả đạt được hết sức phong phú. Nhìn một cách khái quát, đời sống văn học nghệ thuật đã có nhiều thay đổi to lớn.

Thông qua các hình thức sáng tạo, phổ biến và lưu trữ tác phẩm văn học nghệ thuật trên các nền tảng số. Thông qua việc các đơn vị nghệ thuật ứng dụng hiệu quả các thành tựu mới của khoa học, công nghệ vào lĩnh vực của mình, đáp ứng những đòi hỏi ngày càng cao của công chúng trong thưởng thức nghệ thuật. Thông qua việc văn nghệ sĩ có thể tự công bố tác phẩm của mình trên internet và các mạng xã hội. Thông qua sự kết nối trực tiếp giữa văn nghệ sĩ và công chúng, khiến cho việc hình thành các cộng đồng sáng tạo trở nên dễ dàng và mạnh mẽ hơn bao giờ hết.

Chỉ quan sát riêng đời sống văn chương chữ chưa nói đến các lĩnh vực nghệ thuật khác, đã dễ dàng nhận thấy những người làm văn chương hôm nay đã xích lại gần nhau hơn. Thông qua báo chí điện tử và mạng xã hội, họ cùng nhau bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc về thời đoạn này qua trang viết. Những cuộc liên hoan thơ, tọa đàm trao đổi về văn chương diễn ra trong nước và xuyên biên giới lãnh thổ, bất chấp múi giờ; những câu thơ được cất lên từ lòng người chân thành động viên và sẻ chia, nỗ lực diu nhau đi qua bệnh dịch và

GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI KẾT QUẢ HỘI NGHỊ VĂN HÓA TOÀN QUỐC:

ĐỔI MỚI HOẠT ĐỘNG VĂN HỌC NGHỆ THUẬT TRÊN CƠ SỞ TIẾP CẬN CÁC ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CHUYỂN ĐỔI SỐ

(Tham luận tại Hội nghị mở rộng Ủy ban toàn quốc liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam, tổ chức tại Đà Nẵng ngày 11,12/6 vừa qua)

Nguyễn Thúy Quỳnh - Chủ tịch Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên



chết chóc.

Bằng những cuộc giao lưu vượt qua mọi khoảng cách địa lý như vậy, nhiều nhà thơ Việt đã kết nối với các nhà thơ và các cộng đồng văn chương, báo chí ở nhiều quốc gia. Thơ của họ góp mặt ở Liên hoan thơ Châu Âu - "Europa in versi 2021", Hợp tuyển thơ châu Á tôn vinh phụ nữ "THE EPITOME OF POWER", Tuần lễ Sách tại Budapest, "Diễn đàn châu Á" (Asia Forum)... cùng nhiều tạp chí văn chương ở nhiều quốc gia.

Ở phạm vi nhà nước, gần đây nhất, Chương trình Chuyển đổi số quốc gia được Chính phủ ban hành với 3 trụ cột chính là chính phủ số, kinh tế số, xã hội số đã và đang tác động hết sức mạnh mẽ đến đời sống xã hội. Sự vào cuộc quyết tâm của toàn hệ thống chính trị, việc triển khai xuyên

suốt, đồng bộ từ cấp trung ương đến địa phương khiến cho nhận thức của toàn xã hội về chuyển đổi số được thay đổi nhanh chóng. Theo Chương trình, giai đoạn 2021 - 2025 sẽ là giai đoạn tăng tốc với những hành động cụ thể theo từng ngành, từng lĩnh vực, từng địa phương.

Dù không phải là lĩnh vực được ưu tiên trong đầu tư chuyển đổi số trước nhưng trong thời gian qua, ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch nước nhà dưới sự chỉ đạo quyết liệt của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã có những nỗ lực lớn trong việc thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số. Từ tầm nhìn đến lựa chọn 4 khâu đột phá là "Thể chế - Thiết chế - Nguồn nhân lực - Chuyển đổi số", toàn bộ các lĩnh vực do ngành quản lý gồm du lịch, bảo tồn bảo tàng, thư viện, nghệ thuật biểu diễn, thể dục thể thao... từ khối đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ đến địa phương đều chuyển đổi mạnh từ nhận thức đến hành động.

Các đơn vị sự nghiệp trong ngành đều thiết lập các kênh trực tuyến, đưa các sản phẩm chất lượng giới thiệu rộng rãi tới công chúng, từ đó xây dựng thương hiệu từ bảo tàng số, thư viện số, nhà hát số, sân khấu online, du lịch thực tế ảo...

Những việc làm đó đã và đang tạo ra tâm thế mới, đời sống mới cho đội ngũ cán bộ công chức, viên chức, người lao động của ngành, trong đó có hàng vạn người là hội viên các Hội thành viên của Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam.

2. Tiếp cận với xu thế phát triển của xã hội thời đại công nghệ số trong thời gian qua, một số hội văn học nghệ thuật chuyên ngành trung ương và hội địa phương đã chủ động thiết kế nội dung, chương trình công tác theo hướng thích nghi với hoàn cảnh mới. Các hoạt động chuyển môn dần dần chuyển từ tập trung trực tiếp theo các...

(Xem tiếp trang 40)

Làng Bàng hôm nay có vẻ lạ! Im ắng khác thường. Xe đã chạy qua cổng làng dễ chừng hơn nửa cây số mà tôi vẫn chưa nghe được tiếng kéo cà của khung dệt mảnh cộ như những lần trước tới đây.

Làng Bàng một thừa

Làng Bàng xã Đồng Thịnh, huyện Định Hóa, được công nhận là làng nghề dệt mảnh cộ từ năm 2013. Đó là mốc thời gian công nhận làng nghề, còn nghề dệt mảnh cộ đã có ở đây từ những năm tám mươi của thế kỷ trước.

Tôi tìm đến nhà Trưởng làng nghề Triệu Văn Quân. Ông là người có công đầu trong việc mang nghề dệt mảnh cộ về làng Bàng rồi từ đó lan rộng ra nhiều xóm, thôn khác. Ngôi nhà yên tĩnh, khác hẳn cảnh nhộn nhịp tôi vẫn gặp khi đến thăm ông một vài năm về trước.

Thấy có khách, ông chậm chạp chống ba-toong từ ngoài ngõ về. Vừa vào đến sân, ông bảo: ông vừa ra nhà anh con trai lớn xem dệt mảnh cộ cho đỡ buồn chán buồn tay. Tôi vội nhìn ra vị trí trước đây ông vẫn đặt 3 khung dệt, nhưng không còn dấu vết của chiếc khung nào!

Khoảng năm 1980, khi ấy ông Quân là anh giáo làng dạy học ở Trung Hội, Định Hóa, học được nghề làm mảnh cộ, lại thấy địa phương có cộ dôi nổi, ông Quân bèn về nhà đóng khung, vót nan dệt mảnh. Dần dà, người dân địa phương thấy, làm mảnh vừa có thêm thu nhập lại sử dụng được lá cộ là nguyên liệu nhà nhà sẵn có nên đến nhờ ông truyền dạy. Cứ thế nghề làm mảnh cộ lan sang nhiều xóm, thôn lân cận.

Ngày ấy, đồng lương giáo viên eo hẹp. Nhờ làm thêm mảnh cộ, mỗi tháng gia đình ông Quân cũng bỏ ra được vài triệu đồng. Số tiền ấy cứ dành dụm dần rồi cũng đủ để cất được ngôi nhà xây vững chãi. Theo gương ông Quân, nhiều hộ nhờ làm mảnh mà thoát được cuộc sống đói nghèo. Trong trí nhớ của thầy giáo Triệu Văn Quân, lúc cao điểm, làng Bàng có tới 50 hộ làm mảnh. Chỉ cần bước qua cổng làng là nghe tiếng lách cách, kéo kết rộn rã của khung cửi bất kể ban ngày hay đêm tối. Khi ấy, nhà nào nhiều có tới 3 khung, ít thì 1 khung. Tính trung bình trong làng, mỗi nhà cũng có tới 2 khung dệt.

Nhà ông Quân lúc nào cũng phải thuê khoảng 6 lao động mới kịp hàng để giao. Cũng một phần là bởi khung dệt trước đây vô cùng thô sơ, phải cần đến 2 người mới có thể vận hành. Để giảm công lao động, ông Quân đã tự mày mò cải tiến chiếc khung dệt mảnh để chỉ cần 1 người cũng có thể hoàn tất cả quá trình dệt nên chiếc mảnh. Những chiếc khung dệt áp dụng các chi tiết cải tiến đó vẫn được người dân thôn Làng Bàng dùng tới ngày nay.

Trở về với những hồi ức đẹp của làng nghề thừa trước, ông Quân vui vẻ hẳn. Như tua lại từng thước phim quay chậm, ông kể: Trước đây những ngày nắng như thế này các nhà mang nan cộ ra phơi kín hai bên đường. Tiếng khung dệt cũng nhộn nhịp suốt ngày đêm. Người đi buôn đến tìm

Phận mảnh, đời cộ

Kim Ngân



Các khung dệt hiện nay đã được người dân cải tiến chỉ cần 1 người làm thay vì 2 người như trước



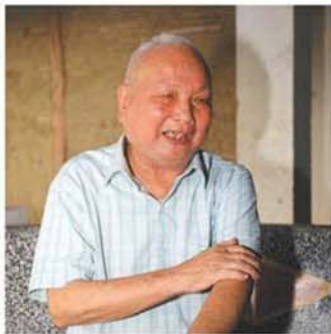
Nan cộ được phơi trên đường làng trong những ngày nắng

mua mảnh cũng tấp nập. Thôn này ngày xưa nghèo lắm, giờ khá hơn nhiều rồi. Tuy không phải là tất cả, nhưng mảnh cộ đã góp rất nhiều vào sự ấm no đó.

Khi cộ dần trở thành "của hiếm"

Giờ thì số hộ còn làm nghề thường xuyên chỉ còn độ một phần năm ngày

VĂN NGHỆ THÁI NGUYÊN 16
SỐ 12 - RA NGÀY 25 THÁNG 6 NĂM 2022



Ông Triệu Văn Quân, người có công mang nghề dệt mảnh cộ về Đồng Thịnh từ đầu những năm 1980

trước, một số hộ khác thì duy trì làm tấc tấc. Người trẻ (dưới 40 tuổi) ở Làng Bằng đã đi tìm cơ hội ở các công ty tại các khu, cụm công nghiệp. Chỉ còn những người lớn tuổi hơn ở nhà. Nhưng không phải ai cũng có thể làm được mảnh như trước.

Không giống như nhiều mặt hàng nông sản ở các làng quê khác gặp khó khăn theo điệp khúc không có đầu ra. Trái lại, sản phẩm mảnh cộ ở Làng Bằng làm ra không đủ bán. Cái khó của người Làng Bằng là nguyên liệu để làm mảnh đang ngày càng khan hiếm. Ngay cả với người coi việc làm mảnh cộ là "máu thịt" như ông Quân cũng đành "lực bất tòng tâm". Bởi muốn mua được nan cộ, người Làng Bằng phải rong ruổi đi gom nhặt nan ở nhiều nơi mà đầu phải lúc nào cũng có sẵn để mua. Nan cộ dần trở thành hàng hiếm, ông Quân sức yếu dần đành ngâm ngùi chia tay khung dệt.

Cách nhà ông Quân vài chục mét, chị Ma Thị Ngân mồ hôi nhễ nhại lật đảo đồng nan đang phơi dờ rồi lại "tay năm tay mười" bốn từng mảnh nan thô vào máy vót. Chị Ngân cho biết: Số nan này khó khăn lắm chị mới mua được hồi mấy tháng trước. Trời có nắng chị phải tranh thủ phơi nan ngay, nếu không mưa ẩm, nan ập vào không phơi được sẽ hỏng hết.

Nhà chị Ngân trước đây có 2 khung cửi nay chỉ còn lại 1, vì chỉ còn mình chị làm. Mỗi ngày chị tranh thủ làm vào buổi trưa, buổi tối cũng được 5 đến 10 sản phẩm. Hôm nào làm liên tục thì dệt được 15 đến 20 sản phẩm. Với giá bán hiện tại 41 - 42 nghìn đồng/chiếc, tính ra mỗi chiếc mảnh, người làm ra nó sẽ lấy công làm lãi được gần một nửa. Tuy mức lãi không cao nhưng với chị Ngân, mức thu nhập đó cũng đảm bảo được ngày công ở nông thôn. Bởi, làm ruộng không chỉ vất vả mà giá phân bón hiện nay cũng tăng cao, thêm vào đó là sâu bệnh rồi thời tiết nhiều bất lợi, được thu cũng chẳng dễ dàng gì. Thế nhưng do không thể mua được khối lượng lớn nan cộ dự trữ nên chị Ngân cũng chỉ có thể làm cầm chừng để không phải bỏ nghề.

Theo chị Ngân thì cứ đà này, chỉ 2 - 3 năm nữa có thể sẽ không mua được nan cộ. Chị cho biết khoảng 4 - 5 năm trước, 1 vạn nan cộ sẽ có giá khoảng 30 - 40 nghìn đồng thì hiện nay, giá nan đã tăng lên 70 - 80 nghìn đồng/1 vạn nan.

Một trong số ít hộ ở Làng Bằng còn có tới 2 khung dệt là gia đình vợ chồng chị Ma Thị Liên. Là con dâu ông Triệu Văn Quân, được bố chồng truyền nghề nên chị đã gắn với nghề dệt mảnh từ hơn 30 năm nay. Trước đây nhà chị có tới 3 chiếc khung, bình quân mỗi ngày làm ra được 50 chiếc mảnh thành phẩm. Nhưng do nguồn nan ngày càng khan hiếm, dù chồng chị - Anh Triệu Văn Dương dành rất nhiều công để "săn lùng" nan cộ cả trong và ngoài xã nhưng cũng không đủ nguyên liệu. Hiện nay vợ chồng chị chỉ còn vận hành 2 khung dệt và tất nhiên số lượng mảnh làm ra cũng giảm đi đáng kể.

Chị Liên cho biết: Mặc dù mỗi năm, gia đình chị đã chủ động thu gom, mua hàng trăm vạn nan về dự trữ nhưng bao nhiêu đó cũng chỉ giúp gia đình chị duy trì sản xuất được đến hết tháng 6 này. Không dễ gì để mua thêm nan vì thường lại phải cuối năm, sau mùa gặt người dân mới đi chặt lá cộ làm nan bán.

Cái lợi của làm mảnh cộ đối với vợ chồng chị Liên, chị Ngân và những bà con khác ở Làng Bằng là, tuy tiền lãi không cao, nhưng đối lại có thể chủ động thời gian sản xuất, vì vậy việc cấy hái, làm chè... cũng không phải bỏ.

"Giải oan" cho cộ

Dù chưa có một cuộc chuyển giao nào song mấy năm nay, từ khi không còn làm nghề được nữa, ông Quân đã không còn cho mình là Trưởng làng nghề. Người khiến ông tin tưởng giới thiệu và vẫn kề vai cùng ông gánh vác công việc của làng nghề là ông La Văn Mai, thành viên trong Ban Kiểm soát làng nghề.

Tôi tìm đến nhà ông Mai nhưng cửa nhà khóa, ngoài sân, những chiếc nan được vót bằng tay đều chắn chắn tỏa ra mùi thơm của núi đồi. Đặc biệt, nan cộ mới được khai thác lại gặp nắng nên có màu xanh vô cùng đẹp mắt. Trên hiên nhà, hàng trăm chiếc mảnh được bó gọn ghẽ, có lẽ đã được đặt hàng.

Chừng một tiếng sau, vợ chồng ông Mai đi phát đồi về, trên vai ông là bó nan cộ xanh ngắt, trĩu nặng. Ông bảo, gia đình ông còn giữ lại được một đồi cộ, diện tích bao nhiêu thì ông không biết. Mỗi hôm đi phát bãi, ông lại tranh thủ chặt bó nan mang về.

Cũng giống như các hộ làm nghề khác, số lượng mảnh của gia đình ông Mai làm ra đang ngày một giảm. Năm 2021, ông làm được 2 nghìn chiếc mảnh. Nhưng, theo ông dự tính năm nay nguyên liệu chỉ có thể đáp ứng để vợ chồng ông làm được 1 nghìn chiếc mảnh mà thôi.

Sự tiếc nuối những đồi cộ bị phá bỏ là điều ông Mai không giấu được. Ông buồn bã kể: Cộ mất đi vì nhiều lý do. Người làng bỏ đồi nương đi làm công ty nhiều nên phá cộ trồng keo. Nhiều người nói vì cộ không mang lại giá trị kinh tế bằng cây keo là nói oan cho cộ. Cây cộ từ thân đến lá đều bán được ra tiền. Tôi nhớ lại lời ông Quân từng nói, nhà nào có đồi cộ thì chỉ cần cầm dao

lên đồi là có tiền.

Quả như lời 2 ông nói, có thể trồng keo sẽ ít phải chăm sóc và cũng chỉ cần khai thác một lần xong. Còn cộ thì phải thu hoạch thường xuyên. Nhưng tất nhiên đi liền với sự nhọc nhằn đó là người dân cũng có nguồn thu thường xuyên hơn.

Nan cộ dùng để dệt mảnh là phần cuống lá. Sau khi lược bớt phần bụng, phần xanh của cuống lá còn được gọi là "cáp cộ" sẽ được dùng để chẻ nan. Lá cộ được dùng làm xước (phần gần ở từng tàu lá). Sản phẩm này cũng được các thương lái "săn lùng" thường xuyên nên vô cùng đắt khách. Thân cây cộ được sử dụng trong xây dựng, đặc biệt huyện Định Hóa còn có sản phẩm dưa làm từ thân cây cộ được thị trường vô cùng ưa chuộng. Thân cây cộ nào mục xuống sẽ cho món nhộng cộ là một trong những món ăn đặc sản. Quả cộ "ôm" từ lâu cũng là món ăn được nhiều người yêu thích. Chưa hết, ngọn cây cộ dùng để nấu canh cũng đang được thu mua với giá cao. Tuy nhiên, nếu rút ngọn của cây, cộ sẽ không thể phát triển được mà lụi dần.

Cả đời người gắn bó với cây cộ, ông Triệu Văn Quân nhắm tính giá trị kinh tế mà cây cộ mang lại không thua kém gì cây keo đang được trồng thay thế. Mỗi cây cộ, bình quân sẽ cho thu nhập 100 nghìn đồng/năm từ tiền bán nan và xước cộ. Điều này cũng được ông Mai đồng tình xác nhận. Chưa kể bản thân cây cộ còn mang một giá trị văn hóa,



Chị Ma Thị Ngân sử dụng máy vót nan để giảm thiểu công lao động

tinh thần không thể thay thế với người dân Thái Nguyên nói chung, đặc biệt với người dân Định Hóa nói riêng. Thêm vào đó, phá hết rừng cộ không những làm ảnh hưởng đến vẻ đẹp trong du lịch sinh thái của Định Hóa mà còn ảnh hưởng đến tổng thể các khu di tích của ATK Định Hóa.

Còn với người dân Làng Bằng và bà con các làng nghề dệt mảnh cộ truyền thống khác diện tích cộ bị thu hẹp đến đâu nguy cơ mai một làng nghề sẽ hiện hữu ra đến đó. Và, lo lắng của ông Mai cũng là lo lắng của những người dân làng nghề: Nếu cứ phá bỏ cộ với tốc độ này thì chỉ đổi ba năm nữa số khung cửi trong làng sẽ còn giảm đi nữa. Cứ thế sẽ đến một ngày, thế hệ con cháu của chúng tôi có thể chỉ còn biết đến một nghề truyền thống qua lời kể!

Từng giờ vật lộn với nỗi đau bệnh tật, nhưng chưa bao giờ chị nản lòng, buông bỏ. Ý chí quyết liệt vượt lên bởi ham được sống có ích cho chính mình và xã hội. Chị giống như loài hoa bất tử, cả trong hoàn cảnh nghiệt ngã nhất cũng không gục ngã, kiên trì vươn lên bằng tấm lòng chân thiện. Đó là chị Dương Thị Hòa Huệ, 41 tuổi, ở tổ 2, phường Quang Vinh (TP. Thái Nguyên). Hiện chị là Phó Chủ nhiệm Câu lạc bộ Phụ nữ khuyết tật TP. Thái Nguyên. Chị tích cực tham gia các hoạt động từ thiện xã hội; 6 lần tham gia hiến máu cứu người; là vận động viên khuyết tật gặt hái được nhiều huy chương trên đấu trường toàn quốc.



Chị Dương Thị Hòa Huệ (áo xanh bên trái) cùng các vận động viên Thái Nguyên tham dự Giải Thể thao Người Khuyết tật toàn quốc năm 2022, tại TP. Hồ Chí Minh.

Sẽ chia sự sống

Sẽ rất bình thường nếu như chị là một người đàn bà lành lặn. Càng bình thường hơn nếu chị là một chính khách. Xa vời quá. Chị không may mắn có được những điều đó. Vì chị là một người đàn bà tàn tật. Nhưng chị lại là người "hành Bồ Tát đạo", tích cực tham gia hiến máu, với suy nghĩ hiền lương "Một giọt máu cho đi - Một cuộc đời ở lại".

Chị bước ra từ phòng cho máu, nặng nhọc du người trên đôi nạng gỗ. Mấy lọn tóc bết lại trên trán, song đôi mắt chị long lanh, miệng nở nụ cười hạnh phúc. Chị đang rất vui vì đã làm được một công việc ý nghĩa: Sẽ chia sự sống của mình cho một ai đó đang nguy cấp trên giường bệnh cần có máu cấp cứu. Tính đến trung tuần tháng 4 năm 2022 này, là lần thứ 6 chị tham gia chương trình hiến máu tình nguyện.

Tò mò tôi theo về nhà chị. Một ngôi nhà bình dị ở phường Quang Vinh có 3 thế hệ cùng sinh sống, gồm mẹ của Huệ, Huệ và con gái của Huệ. Mẹ Huệ tuổi cao, thường xuyên bị đau ốm vì bị u tuyến giáp. Con gái của Huệ là bé Dương Tuệ Minh, 9 tuổi. Còn Huệ, lao động chính trong nhà. 41 tuổi là 41 năm Huệ lết lê đất cát vì đi chứng chất độc da cam.

Bố là bộ đội chống Mỹ. Ngày đất nước thống nhất, ông trở về, mang theo căn bệnh được gọi là đi chứng chất độc da cam. Ông mất khi Huệ đang học năm cuối phổ thông trung học. Huệ còn nhớ như in năm tháng tuổi thơ của mình, giống như loài cỏ dại bên đường, không được mấy người quan tâm chăm sóc, vẫn lay lắt mà lớn.

Ngày còn sống, bố vẫn thường công cô đi bệnh viện, hết tuyến tỉnh, tuyến huyện rồi về trung ương. Các liệu trình điều trị "trong uống ngoài xoa" dù cả, nhưng bệnh tình của Huệ vẫn không lay chuyển, nhất là đôi chân cứ co quắp, không thể được như người bình thường. Có lần ông khóc, nói với con gái: Lỗi là ở bố. Huệ cũng khóc: Bố mẹ không có lỗi. Lỗi ở chiến tranh.

Khi tốt nghiệp lớp 12, bạn bè ai nấy phấn chấn đăng ký theo vào các trường đại học, cao đẳng hoặc đi học trường nghề. Huệ lặng lẽ nhìn vào khoảng trời mông lung, lòng trống rỗng. Bố mới mất vì bệnh hiểm nghèo, mẹ đau ốm thường niên, nhà nghèo lấy đâu tiền theo lên đại học. Cô bậm mồm nén giấu để tiếng khóc không bật lên thành lời. Nhưng giọt nước mắt lăn dài trên khuôn mặt, nhoe nhoẹt ướt. Cô giặt mình vì chợt thấy mẹ đứng ở sau lưng từ khi nào. Bà ôm con vào lòng,

Hoa bất tử

Phạm Ngọc Chuẩn

hỏi bằng một tiếng nấc: - Con có muốn đi học nữa không? - Không đâu mẹ ơi. Cho con được ở nhà giúp mẹ... Cô òa khóc. Hai mẹ con ôm chặt lấy nhau vì tủi thân.

Huệ tâm sự: Là nạn nhân chất độc da cam, xương giòn dễ gãy, chân tay yếu mềm lại mang nhiều thứ bệnh, song tôi không than vãn thờ ơ. Tôi sợ lây cái đau của mình cho người thân. Tôi lết lê giúp mẹ việc nhà, việc đồng áng. Mẹ thờ dài, không muốn để tôi vất vả. Nhưng bà bất lực vì không còn cách nào hơn. Sức khỏe của bà hạn chế lắm.

Rồi số phận đã mỉm cười với Huệ. Một tổ chức quốc tế nhận tài trợ toàn bộ kinh phí nắn chỉnh lại cho chị đôi bàn chân. Chị mừng lắm, bấy giờ năm 2000, dù biết ca phẫu thuật xương sẽ diễn ra trong đau đớn kinh khủng nhưng chị hy vọng mình sẽ có được đôi chân như của người bình thường. Song vận may không đến, chị xuất viện với đôi chân mang nhiều hơn những cơn đau. Chị chia sẻ: Không thể vì thế ngồi ôm chân kêu đau, hằng ngày tôi cùng mẹ chăm lo 6 sào đất trồng rau. Vì mẹ yếu, chân tôi què, nên nhà chuyên về rau muống. Làm lâu thành quen, hôm nào cũng bắt đầu ra ruộng hái rau từ lúc 1 giờ sáng cho kịp buổi chợ sớm. Để có rau bán quanh năm, tôi chăm bón, hái cuốn chiếu từ đám này sang đám kia, bình quân 1 ngày 40 mớ. Gặp hôm đất chợ được 10.000 đồng/mớ; hôm ế chợ được 1.000 đồng/mớ, đủ mua gạo ăn cho 3 người trong nhà.

Chị đã vượt lên hoàn cảnh đặc biệt của mình để cầm nắm lấy hạnh phúc. Hơn nữa, chị đã vượt qua định kiến xã hội để một mình sinh con. Bé Tuệ Minh, con gái chị sinh năm 2013, lành lặn, kháu khỉnh như bao trẻ em trên đời. Chị hạnh diện với niềm hạnh phúc riêng. Chị tự gọi là "Mặt trời bé thơ của mẹ". Lúc bé Tuệ Minh 3 tuổi, chị gửi bé cho bà ngoại trông nuôi, để một lần nữa đứng ở ranh giới sinh tử, với mơ ước thay đổi số phận. Chị buồn ngủ: Sau 15

năm phẫu thuật, tổ chức quốc tế ấy đã trở lại, tiếp tục nhận tài trợ cho tôi một phần để làm phẫu thuật đôi chân. Sau thăm khám, hội chẩn, họ thận trọng đưa ra 2 phương án: Cắt cụt chân hoặc mổ nạo sụn khớp, hàn chặt cổ bàn chân. Không nghĩ nhiều, chị chọn phương án mổ nạo sụn khớp, và chỉ mổ thử một chân.

Đế có tiền "đổi ứng" cho ca phẫu thuật, mẹ chị phải dáo dác đi vay mượn người thân. Ca phẫu thuật đã diễn ra an toàn, nhưng tiếc rằng chân mổ lại không cải thiện được gì. Chị nói buồn thiu: Trước đây chưa can thiệp dao kéo, tôi là cô bé què, sống vô tư vì chỉ đau sơ sơ. Còn sau 2 lần phẫu thuật nhân đạo, mỗi khi tiết trời thay đổi, đôi chân đau kinh khủng. Và tôi chấp nhận chung sống với "đi tật bẩm sinh 2 bàn chân khỏe". Song tôi luôn biết ơn các nhà tài trợ, các thầy thuốc và mọi người trong cộng đồng xã hội đã chia sẻ. Tình cảm ấy làm trái tim tôi ấm áp hơn, nên cho dù cuộc sống riêng còn nhiều khó khăn, tôi vẫn luôn sẵn sàng sẽ chia những gì mình có với mọi người trong cộng đồng xã hội.

Câu chuyện chị kể cho tôi chân chất một niềm đau thân phận. Nhưng tôi nhận ra một chân lý cao đẹp luôn hiện hữu giữa đời thường. Càng những nơi khó khăn, gian khổ nhất thì cái đẹp tinh người càng lan tỏa, át vơi những buồn chen của cuộc sống đời thường. Vâng! Chị - Người đàn bà tật nguyên có cuộc sống từng giờ, từng phút nén kim đau đớn vì đi lại chiến tranh. Chị vừa làm xong một công việc "hành Bồ Tát đạo". Nghĩa cử lớn lao lắm, bởi "Cứu một người phúc đẳng hà sa". Vậy mà khi được hỏi, chị khiêm tốn: Hiến máu, tôi thấy đó là việc cần làm. Tôi

luôn sẵn sàng tham gia, vì đó là cách sẽ chia sẻ sống tốt nhất.

Cho đến bây giờ chị vẫn nhớ tâm trạng lần đầu tham gia hiến máu. Chị hào hứng: Năm 2018, lần đầu tham gia hiến máu cũng thấy run. Không phải vì sợ đau, mà sợ "người ta" chê mình tàn tật. Tần khi thấy bạch máu của mình bên cạnh đầy đặn, tôi mới thấy vui. Hơn nữa, tôi thấy mọi người xung quanh trò chuyện. Họ nói: Huệ quê hiến được máu thì không vì lý do gì mình không tham gia.

Tôi biết chị tham gia hiến máu không phải để lập kỷ lục về số lần, số đơn vị máu



Mỗi ngày chị Huệ đều dành thời gian kèm con học bài.

được hiến, mà xuất phát từ trái tim nhân hậu. Chị quyết liệt vượt qua được nỗi đau thể xác để sẻ chia sự sống, và để đóng góp công sức của mình cùng mọi người trong cộng đồng xã hội, với suy nghĩ làm cho điều thiện này nở như một vườn hoa mùa xuân.

Hướng tới mặt trời

Là Phó Chủ nhiệm Câu lạc bộ Phụ nữ khuyết tật TP. Thái Nguyên, chị hằng hái tổ chức cho chị em tham gia các hoạt động phong trào, như thi cắm hoa, nấu ăn, trao đổi kỹ năng giao tiếp, nuôi dạy con... Thấy nhiều chị em tự ti, chị động viên: Mỗi phụ nữ đều đẹp như một bông hoa. Nhưng để thật đẹp, cần ở mỗi người sự nỗ lực phấn đấu, vươn lên, giống như loài hoa luôn hướng tới mặt trời.

Chị can đảm vượt lên tự ti, mặc cảm

chính mình để được sống, được yêu như bao phụ nữ trên đời. Chị vượt qua nỗi buồn của những đêm trường cô liêu. "Đạp bằng" những ghềnh lạnh, khinh khi đời thường, dù một chút thoáng qua, không phải tìm sự bình yên thui thủi góc nhà hôm sớm, mà để khẳng định mình, và những người đồng cảnh ngộ đang sống bình đẳng như mọi người trong cộng đồng xã hội.

Cho dù chị chưa bao giờ đứng thẳng được trên đôi chân, nhưng cũng không bao giờ, và chưa một lần chị thờ ơ dãi dạn trách phận. Chị luôn gắng gao đầu vói nu cười hiền hậu, và thường có mặt đúng lúc khi chị em cần một sự sẻ chia. Chị nói khẽ với tôi: Phụ nữ, chỉ cần một lời động viên thôi là vừa đủ ấm lòng. Chợt chị ngời lên đi giấy lát vẽ ngắm ngời. Rồi thề thốt: Anh có biết không? Năm 2021 vừa rồi, bài tham dự Cuộc thi viết về "Bình đẳng giới - Vì một cuộc sống tốt đẹp" do Hội Người Khuyết tật Hà Nội và Quỹ ABILIS tại Việt Nam đồng tổ chức, tôi được Ban Giám khảo trao giải Nhất. Bài đó tôi viết về chính cuộc đời mình.

Nhìn chị loay hoay chuyển tư thế ngồi trên ghế, tôi buột miệng hỏi: - Sao chị không dùng xe lăn để đi chuyển cho thuận tiện? Chị trả lời ngay: - Tôi đã có xe lăn, 2 cái chứ chẳng ít. Nhưng thấy có chị lê lét cực nhọc hơn, nên đã tặng lại cho chị em sử dụng... Vậy là cây nạng gỗ kẹp nách, hoặc chiếc ghế nhựa lại thay đổi chân chị mỗi khi đi làm đồng, đi chợ, hoặc đi đâu đó khi cần thiết. Chị nói như tâm sự: Nhìn xuống còn có nhiều người khó khăn hơn, nên tôi muốn chia sẻ, giúp đỡ, tiếp thêm nghị lực cho chị em có cơ hội nắm bắt lấy hạnh phúc của mình.

Dù thân thể tàn tật, nhưng tâm hồn không tàn phế. Tôi nghĩ như thế về chị, rồi chợt liên tưởng đến những con người tuyệt vời như: Nữ họa sĩ mù Lisa Fittipaldi với những bức tranh tuyệt đỉnh thế giới; Beethoven bị điếc nhưng trở thành nhà soạn nhạc nổi tiếng thế giới; mới nổi trong những năm gần đây là Nicholas James "Nick" Vujicic. Dù không có chân tay, nhưng ông đã đi khắp thế giới để diễn thuyết, truyền động lực về cuộc sống của người khuyết tật...

Chị không dám sánh với ai, nhưng tôi nhận ra ở chị một tâm hồn thánh thiện. Dù hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, nhưng chị dám cho đi và không nghĩ để nhận lại điều gì. Chị thấy đó là việc có ích thì làm ngay, làm luôn và làm hết mình. Ví như việc chị tham gia hiến máu, chị đã quyết sẽ còn tiếp tục hiến, và hiến đến lúc không thể được nữa mới thôi. Về chuyện tặng bạn xe lăn, chị thờ phào nhẹ nhõm: Tôi còn nhúc nhích đi lại được, nên xe lăn cần cho người đau yếu hơn mình.

Như để mình chứng minh không phải người tàn phế, chị với tay lấy chiếc vợt cầu lông treo trên tường, vục mạnh vào không khí tạo thành tiếng gió kêu vun vút. Đặt chiếc vợt vào lòng, chị kể: Thỉnh

thoảng nhàn rồi tôi vẫn mang vợt cầu lông ra chơi cùng đám trẻ con trong tổ dân phố. Cứ quả được, quả mất, nhưng bọn trẻ rất thích thú khi tập cầu với tôi. Chúng hồn nhiên hướng dẫn cho tôi làm quen với sân cầu, như: sân 1, sân 2; kỹ thuật phát cầu, đập cầu... dần thành mê. Hơn nữa, tham gia trên sân cầu tôi thấy mình được thoải mái, quên đi đau nhức xương khớp và sống hòa đồng với mọi người một cách hồn nhiên nhất.

Từ chơi cầu cho vui đến đam mê là một khoảng cách rất gần, không phân định được. Trừ hôm mưa, chiều nào chị cũng tham gia cầu trận cầu với bọn trẻ. Cười nắc nẻ hồn nhiên, mồ hôi ướt lưng áo mà thấy cuộc sống tràn trề sinh lực. Thấy chị đam mê thể thao, chị Nguyễn Tú Anh, vận động viên khuyết tật của tỉnh đã đi từ ru đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thái Nguyên tiến cử chị với cán bộ chuyên môn. Chị bảo: Vui thì đến thôi, chứ tôi đâu nghĩ mình sẽ trở thành một vận động viên đi đánh giải quốc gia.

Sau một buổi thử năng khiếu, chị được các cán bộ chuyên môn của Sở triệu tập tham gia tập luyện. Chị chính thức làm quen với sân cầu đúng tiêu chuẩn thi đấu, được hướng dẫn cách cầm vợt, kỹ thuật phát, đỡ cầu bài bản. Từ sân cầu tổ dân phố, chị chính thức trở thành vận động viên cấp tỉnh, tham gia thi đấu Giải Vô địch thể thao người khuyết tật toàn quốc ở 2 môn Cầu lông và Quần vợt xe lăn.

Một bất ngờ là ngay lần dự giải đầu tiên (năm 2017), chị đã tỏa sáng bằng việc giành được 1 Huy chương (HC) Đồng ở nội dung đơn nữ, 1 HC Đồng ở nội dung đôi nam - nữ; năm 2018 chị giành được 1 HC Bạc, 1 HC Đồng ở nội dung đôi nữ; năm 2019, Giải tổ chức tại Thái Nguyên, chị bị thua ngay trên sân nhà vì khi đó đôi chân đau nhức kinh khủng. Cuối năm 2020, tham dự Giải Quần vợt xe lăn toàn quốc, chị giành 1 HC Vàng ở nội dung đơn nữ và 1 Huy chương Vàng ở nội dung đôi nữ. Tháng 4 năm 2021 chị giành 1 HC Vàng quần vợt xe lăn ở nội dung đơn nữ. Năm 2022, chị tham gia 2 giải thể thao Người khuyết tật toàn quốc vào tháng 4 và tháng 6, giành tổng số 4 huy chương các loại, trong đó 1 Vàng, 2 Bạc và 1 Đồng. Chị chia sẻ: Tham gia đội tuyển thể thao của tỉnh, tôi thi đấu hết mình vì màu cờ, sắc áo. Và ở đó tôi có thêm bạn mới. Họ là những người mang trái tim giàu nghị lực. Tôi học hỏi được từ họ nhiều điều bổ ích trong cuộc sống.

Chợt từ ngoài ngõ có tiếng trẻ ríu rần. Tôi nhìn ra thấy bé Dương Tuệ Minh ủa về, sẽ ngày vào lòng mẹ trở chuyện. Cháu khoe: Kết quả học tập năm học 2021 - 2022 con đạt học sinh giỏi xuất sắc, được giải Nhất tham gia cuộc thi kể chuyện theo sách ở trường... Chị ôm con vào lòng, tôi thấy có một giọt nước trong veo lăn tròn qua gò má, rơi vào vạt áo đồng phục của con. Tôi biết chị đang rất hạnh phúc, nên hỏi một câu vu vơ:

- Nếu ông trời cho 3 điều ước, chị sẽ ước gì?

- Mong thế giới hòa bình; nhân loại tìm được thuốc chữa khỏi bệnh da cam/dioxin; cho con gái tôi chăm ngoan, học giỏi.

- Sao chị không dành cho riêng mình một điều ước?

- Có 3 điều thì đã ước rồi. Còn nếu có điều ước thứ tư, mà ước cho mình, thì tôi mong có được chiếc xe lăn gấp gọn, có thể cho lên xe ô tô để đi chuyển khi tham gia thi đấu thể thao; đi sinh hoạt Câu lạc bộ, gặp gỡ chị em cùng cảnh khuyết tật để sẻ chia cho niềm đau nguôi vơi.

Vâng! Ước mơ thì vẫn là ước mơ. Nhưng điều ước thứ tư của chị không phải là chuyện khó. Bởi trong cuộc sống đời thường luôn có những niềm tin được nuôi dưỡng bằng tình bác ái.



Mặc dù chân bị tật, nhưng chị Huệ là lao động chính trong nhà.

Không hiếm những dân tộc và nền văn hóa trên khắp thế giới mang trong mình tư tưởng Tô-tem giáo riêng có của họ. Cho rằng, "vạn vật hữu linh", do vậy, người ta quan niệm không chỉ duy nhất con người, động vật mà ngay cả các loài thực vật,... cũng đều có linh hồn; cũng tồn tại cùng lúc ở một thế giới tâm linh song song với thế giới trần tục của loài người.

Trong thời hiện đại, khi mà vật chất lên ngôi, thật khó để tưởng tượng sẽ vẫn còn có cộng đồng nào đó duy trì được tư tưởng nói trên như chính hơi thở của mình?! Có lẽ vì thế mà những bộ tộc người da đỏ tại Mỹ là một ngoại lệ.

Theo dòng lịch sử truyền thống người dân da đỏ có góc nhìn riêng về thiên nhiên, con người, những khái niệm như sự giàu có, v.v... Sự khác biệt này xuất phát từ việc họ lấy sự tôn trọng dành cho vạn vật làm "kim chỉ nam" cho cuộc sống hằng ngày. Câu chuyện dưới đây phần nào thể hiện rõ sự cao quý trong niềm tin của người da đỏ trong việc tôn thờ "Mẹ thiên nhiên" một cách vô cùng thiêng liêng, đặc biệt của họ.

Người da đỏ và cây thần

Có bao nhiêu bộ tộc da đỏ khác nhau ở xứ cờ hoa, sẽ có bấy nhiêu cây thần. Cuộc sống gắn bó hữu cơ với thiên nhiên đã đưa dẫn tổ tiên người da đỏ đến chỗ tôn thờ cây cối như những vật tổ linh thiêng bậc nhất. Theo tín ngưỡng người da đỏ, linh hồn của con người ta khi chết sẽ trở về với đất mẹ. Người sống có thể qua cây cối mà trò chuyện với tổ tiên. Hoặc, nhờ cây cối mà họ có thể trân trọng gửi gắm những lời cầu khẩn thiêng liêng của mình đến với thần Mưa, thần Gió, thần Mặt trời, v.v.

Bản thân đại lục Mỹ cũng không thiếu những cái cây khiến cho con người có cảm giác choáng ngợp không khác gì tượng thần. Mỹ là một quốc gia trẻ tuổi, nhưng mảnh đất này vốn dĩ đã có tuổi đời rất già. Chín trong số mười cái cây cổ nhất trên thế giới từng được ghi nhận sống tại Mỹ. Thú vị hơn, năm trong số mười cái cây có chiều cao nhất trên thế giới lại cũng được sinh tồn ở Mỹ. Ngoài việc được thiên nhiên ưu đãi đặc biệt, con người cũng là một lý do quan trọng giúp cây cối tại Mỹ có thể tồn tại và phát triển bền vững như thế.

Truyền thống xưa nay, người da đỏ không bao giờ chặt cây ngoại trừ vì mục đích phục vụ trực tiếp cuộc sống của mình. Còn nếu "cực chẳng đã" phải bắt buộc làm việc đó, họ cũng chỉ chặt những cây có tuổi đời non trẻ nằm ngoài bìa rừng chứ không bao giờ người ta đi sâu vào khu vực lõi tìm cây cổ thụ mà hạ. Các bộ lạc da đỏ ở Mỹ tuy sống du mục nhưng hằng năm, vào một thời điểm thành lệ, người ta chủ động quay về một số địa điểm nhất định trong rừng già để cộng đồng cùng chiêm bái, tía cảnh,... cho các loài cây quý.

Chính nhờ vào "cái tâm" đầy trân quý của các bộ lạc da đỏ đối với thế giới môi sinh của mình như vậy, cho nên ở nước Mỹ hiện nay vẫn còn vô vàn những khu rừng tự nhiên đầu đã hàng nghìn năm tuổi, nhưng vẫn tươi tốt. Đơn cử như khu rừng hồng sam tại công viên quốc gia Redwood, thuộc bang California. Loài hồng sam đã có từ thời nguyên thủy và là giống cây có thụ có chiều

Có một cách tôn thờ "Mẹ thiên nhiên" như thế!

Lê Công Hội (tổng hợp)



Cây sồi thần của người Lenape

cao vượt trội nhất trong các cánh rừng tự nhiên tại nước Mỹ. Phong theo "di lệ kế thừa", hàng năm vào một ngày đã định, con cháu của người da đỏ lại tập trung dưới bóng những cây hồng sam cao hơn 100m, tuổi đời hơn 700 năm để thực hiện những nghi lễ tôn giáo truyền thống.

Chuyện cây sồi thần

Bộ tộc Lenape ở thung lũng Olley, bang Pennsylvania (Mỹ) từ lâu đã truyền khẩu câu chuyện: "Vợ một vị tù trưởng Lenape bị ốm nặng. Bao nhiêu vị thầy cúng đã cho thuốc rồi làm lễ mà bệnh tình của người phụ nữ ấy vẫn không hề thuyên giảm. Vị tù trưởng mới tìm đến dưới gốc một cây sồi cổ thụ trong cánh rừng già để cầu khẩn thần thánh phù hộ cho người vợ vô cùng xinh đẹp của mình. Và thần diệu làm sao, khi vị tù trưởng trở về đến trại, vợ ông đã đủ khỏe để trở lại.

Thế rồi, nhiều năm sau đó, tộc người của vị tù trưởng có xích mích với một bộ tộc láng giềng. Vì mong muốn giành được chiến thắng, vị tù trưởng đến cầu khẩn trước cây sồi xưa. Một giọng nói phát ra từ cây, nhưng thay vì phù hộ cho vị tù trưởng thắng trận, cây sồi lại khuyên ông đem quà đến giảng hòa với bộ tộc bên cạnh. Vị tù trưởng làm theo lời cây dặn mà nhờ đó thoát khỏi thảm cảnh đổ máu. Cây sồi cũng từ đó trở thành vật chủ với bộ tộc Lenape.

Kể từ đó, cuộc sống của người Lenape xoay quanh cây sồi thần. Bất cứ sự kiện cưới hỏi; tang

lễ,... của họ đều diễn ra dưới gốc cây sồi. Người bị bệnh đến cầu cây chữa khỏi cho mình. Người gặp rắc rối trong cuộc sống tìm đến cây để xin lời khuyên. Họ cúng lễ cho cây sồi bằng cách nhét vào hốc cây những đồng tiền. Đến cuối năm số tiền này sẽ được phân phát cho trẻ con như một cách để cây ban lộc. Cứ thế, cây sồi và con người cứ dựa vào nhau như thế mà sống hàng trăm năm cho đến thời hiện đại....

Vào khoảng thập niên 70 của thế kỷ trước, bộ tộc Lenape rơi vào tình cảnh khó khăn. Chính sách phân biệt chủng tộc của nhà nước Mỹ khiến cho ngay cả việc canh tác trên mảnh đất của họ đã khó, chứ chưa nói gì việc tha hương đi tìm việc làm. Người Lenape buộc phải sống dựa vào việc chặt cây để bán. Chẳng mấy chốc mà khu rừng nơi họ sống bị chặt gần hết, chỉ chừa lại khu vực quanh cây sồi thần. Biết không thể chặt cây sồi thần, vị tù trưởng mới hợp cả bộ tộc Lenape lại để bàn bạc.

Cuối cùng, tại hội nghị quan trọng ấy, bộ tộc Lenape đồng thuận đưa ra mặc định: Phải sống dựa vào rừng! Nhưng mối quan hệ này không thể chỉ có "nhận" mà không hề "cho" đi! Điều thứ hai khiến bộ tộc Lenape "ngó" ra: Có cách giúp họ hoàn toàn không phải chặt cây mà vẫn kiếm được thu nhập. Nhận thức mới này là động lực đẩy người Lenape lao vào việc toàn tâm toàn ý phục hồi lại toàn bộ các thảm thực vật của các khu rừng nhằm tạo ra những tầng sinh thái đa

VĂN HÓA

dạng. Họ không những chỉ trồng lại các loài cây, mà còn đi tìm những giống động vật bản địa trên địa bàn lân cận đem thả chúng vào rừng. Đây không hề là những công việc dễ dàng hay nhanh chóng, và phải đến thế hệ nối tiếp người Lenape mới được hưởng thành quả của mình.

Cây sồi thần nói riêng và những khu rừng nguyên sinh nói chung trở thành điểm du lịch nổi tiếng tại bang Pennsylvania. Khách du lịch đổ đến thung lũng Olley trước hết để thăm cây thần, sau là cắm trại và tận hưởng môi sinh không thể tuyệt vời hơn của những khu rừng thường xanh vẫn giữ được vẻ hoang dã. Danh tiếng của cây sồi còn được nâng tầm lên sau khi xuất hiện một cảnh bộ trong phim "Khiêu vũ với bầy sói" nổi tiếng thế giới đã từng giành tới bảy giải Oscar vào năm 1990. Người Lenape thu lợi bằng cách cung cấp dịch vụ homestay, bán đồ thủ công, và giới thiệu nền văn hóa của riêng mình cho khách du lịch. Nhờ vào những hoạt động này mà không có hộ dân Lenape nào còn thuộc diện nghèo đói nữa.

Tất nhiên là bộ tộc Lenape không bị lợi nhuận che mờ mắt. Người ta tiếp tục bảo vệ cây sồi và những khu rừng như tổ tiên họ đã từng làm. Thậm chí, họ còn bảo vệ chúng chặt chẽ hơn cả thời cha ông mình. Lực lượng kiểm lâm địa phương toàn là thành viên thuộc tộc Lenape. Nhưng không chỉ có mình họ mà từ đứa trẻ đến người già đều mang trách nhiệm giữ gìn cho khu rừng lúc nào cũng được an toàn. Họ áp đặt những quy định rất nghiêm ngặt để bảo vệ cây rừng để chúng không chịu sự can thiệp vô tình hay hữu ý của khách du lịch. Nhờ vào công sức của người dân Lenape mà cây sồi thần vẫn tiếp tục lớn. Nay cây đã cao 26,5m và có đường kính khoảng 6,7m, được xếp vào hàng cây sồi to nhất nhì Bắc Mỹ.

Trong những năm gần đây, vì khói bụi từ các lò gạch lân cận mà cây sồi thần lẫn rừng cây có phần ít tươi tốt hơn. Sau khi mời các chuyên gia đến thăm khám cho cây, người Lenape đã đi đến một quyết định khó khăn: Mỗi năm họ sẽ đóng cửa rừng sáu tháng để cây có cơ hội hồi phục. Đóng cửa rừng tức là không có khách du lịch, không kiếm được

lợi nhuận, nhưng người Lenape vẫn quyết làm vậy.

Họ hiểu rằng, bộ tộc chỉ tồn tại khi nào rừng còn tươi tốt. Điều này không chỉ giới hạn trong việc làm du lịch bền vững, mà còn liên quan trực tiếp đến niềm tin và lối sống bản thân. Có quá nhiều giá trị của người Lenape đan xen và hiện thân trong rừng. Giữ rừng vì vậy là cách giúp người lớn có cơ may để lại một món quà vừa mang tính vật chất, vừa mang tính nhân văn đầy vô giá cho các thế hệ sau.

Câu chuyện về cách người Lenape dành cho cây sồi thần và khu rừng nguyên sinh sự tôn thờ mang tính tâm linh đang từ vị trí "hiện tượng lạ" trở thành một cảnh quen thuộc trên khắp nước Mỹ. Ngày càng có nhiều cộng đồng thổ dân da đỏ tìm được cách vừa kiếm lời từ rừng, vừa bảo vệ được rừng. Mà không chỉ có mình người da đỏ, cả người da trắng nữa cũng đã - đang làm theo họ để nhận được sự che chở của "Mẹ thiên nhiên".

Các cộng đồng thực hiện được cả hai việc nói trên cùng lúc đều trở nên giàu có hơn, mạnh khỏe hơn, bền vững hơn, vì họ có được sự che chở tuyệt vời của thiên nhiên. Theo một cách nào đó, trong thời đại văn minh công nghệ thỏa mãn mọi nhu cầu của loài người, có vẻ như những "cây thần" và những cánh rừng già vẫn luôn có cách che chở giúp đỡ; "phù hộ độ trì" cho con người, nếu như chúng được thế giới loài người thật sự tôn quý?!

Vĩ thanh

Dường như, cái cách "thần thánh hóa" với những "cây cao bóng cả", với những cánh rừng già tự nhiên của người da đỏ tại nước Mỹ mà nhờ đó họ được sống trong một thế giới môi sinh đáng sống nhất. Đồng thời, cũng là được nhận về những lợi ích kinh tế giàu có, phong phú từ rừng. Và đặc biệt, biết tôn thờ thiên nhiên không bao giờ phải đón nhận những cơn cuồng nộ của "Mẹ thiên nhiên", xem ra là những bài học kinh nghiệm vô giá, đầy thiết thực.

"Trông người lại ngắm đến ta". Có vẻ như, sau những trận đại hồng thủy khủng khiếp mà bà con hai miền Bắc - Nam, miền Trung và Tây Nguyên phải oằn mình gánh chịu trong những ngày vừa rồi thì cái cách tôn thờ cây cối và những cánh rừng già của người da đỏ nước Mỹ thật đáng được để tâm suy nghĩ một cách thật nghiêm túc. Để rồi, có cơ may chúng ta sẽ được đón nhận sự an lành nhờ sự bao bọc nhân ái của "Mẹ thiên nhiên" hùng vĩ. Ấu là thế chăng?!



Một lễ hội của bộ tộc Lenape diễn ra bên rừng

CÂU CHUYỆN VĂN HÓA

Đưa trẻ học giỏi

Ngô Minh

Soan đến chỗ hẹn muộn. Nó vút xoạch cái túi, rót nước uống ừng ực, thở phì phào, than: Một quá các cậu a, thi với cử, đường tắc, gần tiếng đồng hồ mới thoát ra được. Thì ra Soan vừa đưa con đi thi tốt nghiệp cấp trung học cơ sở. Trước đây, nó cũng liên tục bỏ nhiều buổi tập chuẩn bị cho chương trình "Đón mùa hè xanh" của chúng tôi vì đưa đón con đi học, đi thi học sinh giỏi cấp thành cấp tỉnh. Và như lời nó nói thì sắp tới chắc phải bỏ nhiều chương trình khác để "theo" con lên cấp trung học phổ thông.

- 15 tuổi rồi chứ bé bỏng gì nữa, "buông" nó ra cho cứng cáp - Tôi khuyên.

- Gớm, thiên hạ ngày ngày đưa rước con bằng ô tô, con thì bố mẹ ngồi ngoài chờ kia kia. Mà đầu óc con nhà tớ lơ lửng lắm, lúc nào cũng nghĩ đến bài vở, cho nó tự đi không yên tâm tí nào.

Soan kể: Đêm qua nó học đến 3 giờ sáng, giục đi ngủ, nó bảo lo không ngủ được. Hôm qua thi không được tốt, nó về bỏ cơm nằm khóc cả buổi, đồ thế nào cũng không vui lên được. Hồi thi học sinh giỏi cũng thế, nó học gần trắng đêm. Trước hôm thi, nhà trường gặp mặt động viên, quán triệt. Cô chủ nhiệm, thầy hiệu trưởng thì "mong các em mang vinh quang về cho trường, cho lớp", cô luyện thi đội tuyển thì "các em là niềm tự hào của cô, hãy xứng đáng với kỳ vọng cô dành cho các em...". Hồi sao nó không lo lắng.

Khanh là con đầu của Soan, Khanh năm nào cũng đứng trong top học sinh giỏi nhất trường. Năm nay học lớp 9, Khanh vào đội tuyển Văn, đội tuyển Toán và Địa, được luyện thành "gà nòi" đi thi cấp thành, cấp tỉnh và giải giải cao đầu tiên trong lịch sử nhà trường. Thấy cô giáo quý Khanh lắm, đi đâu nó cũng nhận được nụ cười âu yếm và lời giới thiệu đầy tự hào: Các em hãy noi gương chị Khanh, học giỏi đều các môn.

Soan kể: Thấy con học ngày học đêm để không mất vị trí "number one", mình bảo: Thôi con, không cần đội tuyển, không cần đi thi học sinh giỏi, không cần đứng đầu, con cứ học trung bình là mẹ vui rồi. Các cậu có biết nó nói sao không? Nó bảo: Vậy con còn mặt mũi nào nhìn thầy cô, bạn bè nữa. Nó còn kể: Có một bạn trong đội tuyển vừa rồi không đạt giải, thế là bị cô "quay xe" luôn... con cũng sợ bị cô "quay xe" mẹ a. Cấp 3 năm nay nó thi vào Chuyên, tỉ lệ "chơi" cao lắm, chả hề học sinh giỏi toàn diện mà trượt, thế nên lại phải cày ngày cày đêm.

- Được đưa con tự giác học hành, chăm chỉ thế cũng tốt, nhưng cần "dứt" nó ra cho va đập cuộc sống, không sau này trở thành "gà tô" đấy - chúng tôi góp ý.

Soan thờ dãi:

- Hình như nó nghiện học, nghiện "số một" mất rồi, ngày nghỉ đi lùng mua sách, lên mạng cũng để tìm sách, xe đạp không biết đi, ra đường một mình run rẩy. Lo thật các cậu a. Chả bù cho con em nó lớp 6, học hành lớt phớt, nhưng cái lý thì thôi rồi, cái gì cũng mây mờ, "nảy số" cực nhanh. Đi học không khiến bố mẹ đưa đi. Một mình ở nhà làm hân hân cơm ngồi ăn chính chế. Nó chụp ảnh, làm photoshop nhoay nháy, bơi, đi xe đạp, võ, hát... cái gì cũng thích. Chả biết sau này ra đời đưa náo sướng hơn, nhưng bây giờ thì đưa học giỏi làm tớ đau đầu hơn đứa học dốt các cậu a.

Câu chuyện của Soan gợi cho tôi nhiều suy nghĩ. Thật may mắn khi có được đứa con tự chất thông minh, học hành giỏi giang như con của Soan. Nhưng là học sinh giỏi, không biết từ bao giờ đứa trẻ phải mang trên vai gánh nặng vinh danh cho nhà trường, tạo thương hiệu cho thầy cô (không loại trừ trường hợp thầy cô "dắt" hàng luyện thi hay học thêm nhờ thành tích của các em). Và khi đã đứng ở đỉnh cao, nhiều em khó chấp nhận mình bị "tụt hạng". Tôi lo Khanh cũng thế, con đường phấn đấu giữ "ngôi đầu" sẽ rất nhiều mệt mỏi. Nhưng biết nói với Soan sao nhỉ. Chỉ mong khi Khanh lớn lên chút nữa, có thêm bản lĩnh và kinh nghiệm sống, nó sẽ nghe lời mẹ mà "buông" bớt sách vở, bước vào cuộc đời ngồn ngộn sắc màu để vui, để sống nhẹ nhõm như vô vàn người bình thường khác.

Nghi lễ cầu tự của người Nùng Phàn Slinh ở huyện Võ Nhai

Việt Anh

“Cầu tự” có nghĩa là cầu con cái, là một nghi lễ tâm linh để xin các bậc Thánh thần, Tổ tiên phù hộ cho gia đình muộn con, hiếm con, sinh con một bề, cầu con trai... thông qua các hoạt động cúng bái. Trong phong tục, tập quán, tín ngưỡng của người Nùng “Nghi lễ cầu tự” là một hình thức tín ngưỡng Then; là lĩnh vực tâm linh phức hợp vẫn luôn duy trì, tồn tại, trong đời sống cộng đồng người Nùng Phàn Slinh ở huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.



Thầy Then trong lễ tập hợp âm binh và lễ mời Tổ tiên cùng các Thánh thần.

Trong đời sống thường nhật của người Nùng Phàn Slinh, khi đôi vợ chồng sống với nhau đã lâu mà không có con, sinh con mà không nuôi được, sinh con một bề... người ta thường đến nhờ thầy hành nghề Then cao tay để xem số mệnh của gia đình mình. Khi biết được số mệnh của mình về việc phải tổ chức nghi lễ cầu tự mới xin được con cái như ý muốn, vợ chồng gia chủ về chuẩn bị đầy đủ vật chất cho việc làm lễ gồm lợn, gà, vịt, gạo, rượu, hoa quả... và các loại thực phẩm để tổ chức nghi lễ cầu tự để xin con cái.

Ngày tiến hành nghi lễ phải là ngày có sao lành, sao tốt “Ngày phúc sinh, hiển an”. Đúng ngày hẹn, người nhà của gia chủ đi đón thầy Then. Khi đi họ mang theo một bát gạo, một ít tiền, một thẻ hương để thầy Then đặt những thứ đó lên bàn thờ Tổ tiên, các bàn thánh tướng, Mụ bếp, âm binh, các quan thầy cấp sắc... báo cáo việc phải đi làm lễ. Thầy lấy quần âm binh gồm các đạo quân: Đông phương, Nam phương, Tây phương, Bắc phương, Trung ương... đi theo giúp việc cho thầy Then làm lễ nghi lễ cầu tự.

Trước khi đi khỏi nhà thầy niệm thần chú, yểm bùa phép, cấm thẻ bốn phương, khoán đảo thu lục mệnh vợ hoặc chồng nhà thầy cùng con cháu trong gia đình thầy để phòng tránh quỷ tà khi thầy đi làm lễ. Trang phục và dụng cụ hành lễ mang theo gồm ba loại mũ áo của thầy Then, chúa Then, Ngọc Hoàng, đàn tính, nhạc xóc, dẫu ấn, quạt, đệm ngồi, đệm nhạc xóc... Trên đường đến gia đình làm lễ, thầy yêu cầu cả đoàn đi đến nơi, về đến chốn, đi đúng đường khi đi đến đón thầy, để các ma dọc đường không làm cản trở đường đi

của thầy khi đến nhà gia chủ làm lễ.

Nghi lễ cầu tự của người Nùng Phàn Slinh diễn ra ở đây là nghi lễ cầu con trai “Cầu hoa nam” bao gồm:

Lễ tập hợp âm binh: Gia chủ chuẩn bị một mâm lễ gọi là mâm thánh gồm: 3 bát hương, 3 bát gạo, một chiếc gương, 5 chén nước và một cành lá bưởi. Thầy đặt đôi ấn và một đôi tên xin âm dương phía trước mâm và thắp hương, rót nước mời bằng lời thỉnh. Thầy trình báo với Tổ tiên của gia chủ về chức danh của thầy, lý do của gia chủ làm lễ cầu tự; trình báo với các Thánh thần trên thiên đình và bên âm về lý do thỉnh cầu. Theo quan niệm, khi lên Thiên đình bẩm báo, chúa Then đã được Ngọc hoàng phong chức tước trong tay có một đạo binh hùng mạnh. Chúa Then chiêu binh mã và phát thiệp đi mọi nơi mọi chốn để các quan tướng, binh lính, quân phu chuẩn bị mọi việc cho buổi làm lễ.

Lễ mời Tổ tiên cùng các Thánh thần: Thầy Then mời Tổ tiên gia chủ về chứng giám và giao cho các âm binh có nhiệm vụ giúp chúa Then và gia chủ bắc 5 tầng cầu ngũ sắc, để kết nối anh nhi; cùng Tổ tiên bắc cầu Thiên đến Thiên đình thực vọng, thực hồn; Bắc cầu Địa đến cung âm dương (mặt trời là dương, mặt đất là âm) để hòa hợp âm dương, sinh ra khí sáng. Quan niệm rằng khí sáng mặt trời là khí sáng người cha, khí sáng mặt đất là khí sáng mẹ, hai luồng khí sáng này phải được hòa hợp mới tạo thành anh nhi (con). Khi vợ

chồng gia chủ đã có anh nhi, âm binh còn có trách nhiệm coi giữ để anh nhi không bỏ đi (không bị sảy thai) đến khi anh nhi sinh ra, âm binh mới hết nhiệm vụ.

Lễ giải hạn cho người nhà gia chủ: Thầy xem tuổi từng người trong gia đình, để thực hiện lễ giải hạn Thầy lấy tuổi âm của từng người để xem số, nếu người nào gặp phải sao Thái Bạch (sao tang) thì phải làm lễ giải hạn, đóng quan tài thể thân (nữ gồm 9 hình nhân thể mạng, nam 7 hình nhân). Khi gia chủ sắp đầy đủ lễ vật thầy Then thắp hương tâu lên Thiên đình, mẹ Bjoóc sẽ giúp cho tai qua nạn khỏi.

Lễ bắc cầu thiên, cầu địa: Theo quan niệm, những cặp vợ chồng muốn đường con cái hoặc không có con là do “Mẹ Hoa không chia nọ về, không phân hoa lại”, muốn có con thì phải làm lễ xin mẹ Hoa, nên mới có lễ “bắc cầu thiên, cầu địa”. Buổi lễ là quá trình chúa Then lên gặp Ngọc Hoàng, mẹ Hoa để xin mẹ Hoa chia hoa lại, phân hoa về. Cầu Thiên và cầu Địa là một chiếc cầu có 2 mặt, mặt cầu Thiên là dải vải màu trắng tượng trưng cho bên dương, cầu Địa là dải vải màu đen nằm ở mặt phía sau của cầu Thiên tượng trưng cho bên âm. Cầu Thiên và cầu Địa còn tượng trưng cho con người có đầy đủ các bộ phận của cơ thể. Cầu này do gia đình

bên vợ gia chủ làm với quan niệm rằng ông Tơ, bà Nguyệt giao cho bên ngoại xuất hoa, bên nội nhập hoa.

Lễ đương sao giải hạn cho gia chủ: Thầy Then làm lễ đương sao giải hạn riêng cho vợ chồng gia chủ. Mâm lễ đương sao giải hạn cho gia chủ gồm: Một con gà nhỏ cắt tiết không mổ bụng là để chết thay cho gia chủ, con gà này sẽ thay cho gia chủ đội lễ hầu hạ Nam Tào, Bắc Đẩu. Lễ này làm xong tiền vàng được hóa đi, giao cho sao Bạch Hổ, Thiên Đình đóng thuế âm cho gia chủ, lúc này gia chủ coi như được khai sinh lại, Nam Tào, Bắc Đẩu trên thiên đình không còn kiểm soát được nữa. Sau khi xem mạng sinh, mạng số của vợ chồng gia chủ, Ngọc Hoàng cùng Hoa Vương Thánh Mẫu nhận lời giúp cho gia chủ đạt được ý nguyện của mình.

Đai lễ làm mo mời Ngọc Hoàng: Đây là khâu quan trọng nhất trong nghi lễ cầu tự không thể dùng then bình thường để thỉnh mà phải dùng lời mo, tào để rước Ngọc hoàng trên Thiên đình xuống trần gian. Chúa Then thay lời gia chủ thỉnh mời Ngọc hoàng và kể lễ than vãn nỗi khổ trên trần gian, nỗi khổ nhiều lần khai hoa nhưng chỉ toàn hoa nữ, không có hoa nam nói đôi tông đường. Vợ chồng gia chủ mời Ngọc Hoàng 3 lần rượu với tấm lòng thành kính, lần mời rượu thứ nhất "Rửa tâm tính"; lần hai "Một tấm lòng thành"; lần ba "Cạn chén cùng vua". Qua 3 lần mời rượu này vợ chồng có cơ hội được làm lại từ đầu những điều ước muốn thỏa nguyện bấy lâu nay là có con trai để nối dõi Tổ tiên, bảo toàn nòi giống, Ngọc Hoàng đồng ý chấp nối lại cầu tự, đường duyên số cho vợ chồng gia chủ.

Lễ bắc cầu tơ chấp nối lại đường duyên số: Theo tín ngưỡng, đường duyên số của đôi vợ chồng làm nghi lễ cầu tự là do kiếp trước hai người đã là vợ chồng nhưng không sống cùng nhau trọn kiếp, vì thế người vợ hoặc chồng kiếp trước vẫn chưa đầu thai, vẫn bám theo âm ảnh. Chính vì thế cần phải thực hiện lễ bắc cầu tơ để chấp nối lại đường duyên số để sinh được con cái như ý muốn. Cầu tơ chính là sự hôn phối giữa người cha và người mẹ. Lễ này chỉ có giầu, thuốc, rượu và nước. Vợ chồng gia chủ cúi lạy Ngọc Hoàng ba lần, Ngọc Hoàng chấp nối "Kim + mộc + thủy + hỏa + thổ" để cho đường tơ duyên của vợ chồng gia chủ được chắc chắn coi như cưới lại lần đầu. Lễ cầu tơ kết thúc, Ngọc Hoàng cùng Hoa Vương Thánh Mẫu, đoàn tùy tùng về Thiên đình bắt đầu buông hoa xuống.

Lễ tiễn Ngọc Hoàng về trời: Ngọc hoàng cưới Hằng Nga cùng đoàn tùy tùng rầm rộ lên đường, quan âm bình mã của chúa Then đưa tiễn Ngọc Hoàng về Thiên đình mang theo lễ vật dưới trần gian. Lúc

này nhà Long đình, nhà quan cùng các lễ vật được người nhà gia chủ đem đi hoá (đốt) mới mang theo được, con ngỗng, con vịt sống và các cây hoa trong lễ bắc cầu phải hơn 3 lần qua lửa nhà Long đình đang bị hóa. Quan niệm lần thứ nhất là "mua", lần thứ 2 là "lễ", lần thứ 3 là "gồng gánh lên đường", các lễ vật được ngựa thồ đi theo. Quan âm, bình mã của chúa Then đưa Ngọc Hoàng cùng đoàn tùy tùng về đến Thiên đình, nhiệm vụ đã xong, quay trở về cùng chúa Then giúp vợ chồng gia chủ trong lễ húng hoa.

Lễ húng hoa: Chúa Then phân công nhiệm vụ cho âm binh, mỗi bộ phận đảm nhiệm một phần việc trong lễ húng hoa. Vợ chồng gia chủ đứng trước cầu Thiên dùng hai vật tào trước để húng hoa. Trên Thiên đình, Hoa Vương Thánh Mẫu bắt đầu buông hoa xuống, chúa Then dùng phép (dùng quạt) đón và giúp cho hoa rơi vào vật áo vợ chồng gia chủ. Những bông hoa rơi xuống vật áo vợ chồng gia chủ là những hoa khoe mạnh được giữ lại, những bông hoa rơi ra khỏi vật áo là hoa chết yếu (hoa tàn nụ héo). Khi húng hoa xong vợ chồng coi như đã được thụ thai. Tiếp tục, chúa Then niệm thần chú thông qua Tổ Tiên, Táo Quân, Quan Âm Bồ Tát, Thái Thượng Lão Quân, và dùng đôi tên được tung lên 3 lần để xin âm dương bảo hộ thai nhi. Đến lúc này nghi lễ cầu tự gần như hoàn tất, gia chủ đã đạt được nguyện vọng như ý muốn.

Lễ khao quân và âm binh: Chúa Then thu tất cả các hồn âm, hồn dương lại chia hai đường, hồn âm về với người âm, hồn người dương nhập về với người dương. Lễ khao quân và thu âm binh được mở tiệc linh đình chiêu đãi, tất cả những đồ cúng lễ trong nghi lễ cầu tự được đem khao. Kết thúc lễ khao quân, binh tướng của Tổ tiên được nhập về với Tổ tiên. Binh tướng của chúa Then được thu lại, Táo quân về trông coi bếp lửa, Thổ công về trông nom nhà cửa đất đai cho gia chủ.

Lễ tiễn Tổ tiên cùng các Thánh thần: Chúa Then cùng gia chủ làm lễ tạ ơn Tổ tiên cùng các vị Thánh thần, mời các vị cùng ngồi hưởng cỗ trước khi ra về. Trong cuộc sống của vợ chồng gia chủ chốn trần gian, Tổ tiên cùng các Thánh thần luôn ở bên cạnh phù hộ cho gia đình mọi mặt trong

cuộc sống. Trong nghi lễ cầu tự, từ khi vợ chồng gia chủ báo cáo việc phải làm nghi lễ cầu tự cho đến khi thực hiện các công việc trong lễ. Tổ tiên cùng các Thánh thần luôn theo sát chúa Then để chỉ bảo, dẫn lối giúp cho vợ chồng gia chủ hoàn thành nghi lễ cầu tự. Sau khi thụ hưởng lễ vật đầy đủ, Tổ tiên cùng các Thánh thần mới ra về, chúa Then thay lời gia chủ cảm tạ và tiễn Tổ tiên cùng các Thánh thần.

Lễ tiễn thầy và thu âm binh tại nhà thầy

Then: Gia chủ trả lễ tạ ơn thầy Then gồm tất cả các đồ lễ trên bàn thờ Thánh: Bánh kẹo, hoa quả, rượu, gà luộc, xôi, thủ lợn... và một ít tiền mặt. Gia chủ cùng với người nhà đưa thầy ra về. Khi về đến nhà thầy Then đem tất cả các đồ trả lễ đặt dưới bàn thờ Thánh của thầy để khao và trình báo Tổ tiên, Phật Bà, Thổ công, Táo quân... rằng thầy đi giúp người đời làm phúc, giờ đã về gia đình đến nơi đến chốn. Tiễn Phật thì được khao bằng cỗ chay gồm: Hoa quả, bánh kẹo, rượu. Tổ tiên, Thổ công, Táo quân... được khao bằng gà, thịt, xôi, rượu. Đến đây toàn bộ nghi lễ cầu tự của vợ chồng gia chủ mới kết thúc, gia chủ cảm tạ thầy Then với lòng biết ơn vô hạn, họ ra về bắt đầu một niềm hy vọng mới, đó là sinh được con trai để nối dõi Tổ tiên dòng họ cho tương lai và mai sau.

Nghi lễ cầu tự diễn ra là một bản trường ca bằng thơ gồm 12 chương đoạn, mỗi chương đoạn diễn ra đều có cốt truyện riêng với kết cấu, thể thức chặt chẽ, mang đậm dấu ấn tín ngưỡng. Nghi lễ trong Then cầu tự đã thể hiện và phản ánh được những nét đẹp trong văn hóa truyền thống của người Nùng. Trải qua nhiều bước thăng trầm của lịch sử, nghi lễ cầu tự vẫn tồn tại trong đời sống văn hóa tinh thần của tộc người Nùng hiện nay như một sự minh chứng cho sức sống trường tồn của tinh thần dân tộc, bản sắc dân tộc. Ở nghi lễ cầu tự người ta thấy cái thiêng trong đó, phù hợp với phong tục tập quán của tộc người Nùng nói chung và người Nùng Phần Slinh nói riêng, đó là một sinh hoạt mang tính nghi lễ, phong phú về nội dung, đáp ứng được nguyện vọng cộng đồng về đời sống tinh thần.



Mâm lễ vật trong lễ mời Tổ tiên và các Thánh thần được đặt dưới chân bàn thánh của thầy Then.



Sau lễ cầu tơ kết nối lại đường duyên số, vợ chồng gia chủ húng hoa do Ngọc hoàng về Thiên đình buông hoa xuống.

Lặng im

Truyện ngắn: Nguyễn Bích Hồng



Mỹ thuật: Đào Tuấn

Lúa nhìn con bằng ánh mắt hẳn học. Đường như mỗi ngày nặng nề, đầy u uất trôi qua, cô lại cảm thấy căm ghét nó hơn. Một thằng bé xấu xí! Trong mắt Lúa, khuôn mặt thằng bé méo mó, biến dạng đến kì dị. Cái mồm nó ngoác ra, bật lên những tiếng kêu xé tai tựa như những que xiên xiên thẳng vào óc cô buốt nhói.

"Mày không phải con tao!", ý nghĩ đó liên tục cào cấu, bám vấy trong đầu Lúa và thỉnh thoảng cô lại thốt ra điều đó với đứa con hơn tháng tuổi của mình. "Mày là con quý đội lột một đứa trẻ!", Lúa tin vào điều đó như vẫn tin rằng lợi của thằng bé được bọc sắt cứng, sẵn sàng nghiền nát đầu ti cô bất kể lúc nào khi cô phải cho nó bú. "Rồi nó sẽ mọc răng, những chiếc răng kim loại nhọn hoắt như bàn chông, chúng sẽ xé nát cả bầu ngực mình!", Lúa lầm bầm, hai mắt ánh lên cái nhìn sắc lạnh với đứa con đang khóc đến lặng người trong góc giường.

"Lúa ơi, mày chết giấm ở trên đấy à mà để con nó khóc ghê thế!", bà Đức vừa đi chùa về ngược lên tầng quất lớn. Bà phát ngán với sự vụng về của cô con dâu. Mà thực ra, đã có điểm gì ở đứa con gái quê mùa như Lúa khiến bà hài lòng đâu.

Lúa vốn xuất thân ở chốn quê nghèo, sinh ra

đã không biết mặt cha. Một người đàn bà khác đã khiến cha bỏ mẹ khi cô chưa kịp lọt lòng. Mẹ Lúa phải vác bụng bầu làm việc từ khi gà còn chưa cất tiếng gáy tới lúc chúng lên chuồng rồi còn chưa ngơi tay. Vậy mà vẫn chẳng đủ ăn. Chẳng mấy khi có cơm, bà thường ra chợ xin mì vụn về nấu bát canh lồm bồm ăn tạm. Thương thân gái chưa mà gây độc, xanh xao, người quen cho chục trứng gà tằm bổ, bà cũng chẳng dám ăn mà đem đổi lấy chục trứng vịt, quã to cho được nhiều, về chưng với muối mặn ăn dè từng bữa. Bà sinh Lúa vào một buổi dương lịch đông. Khi đó trời đã tối sẫm chẳng rõ mặt người, bà vẫn cố làm cho xong đám ruộng thì trở dạ. Một mình quần quai giữa cánh đồng không người, trong cơn đau, bà quờ tay túm chặt những thân lúa như tìm chỗ nương tựa trong cơn vượt cạn. Bà sinh con ngay trên bờ ruộng, xong xuôi bà cởi áo ngoài thay tã ôm con về. Bà đặt tên con là Lúa, vì ám ảnh những cây lúa đã giúp mình vượt cạn, thân chúng bị đập nát tiết ra thứ mùi ngai ngái mà ngào ngọt như vị của đắng cay xen lẫn ngọt ngào.

Cuộc sống ở quê khổ quá, mẹ tha Lúa lên thành phố, nhận làm giúp việc gia đình. Dù khó nhưng Lúa vẫn được mẹ cho học hành đầy đủ, cô đỗ đại học, ra trường với tấm bằng khá nhưng

không xin được việc làm, Lúa phải giấu nhem tấm bằng đại học đi làm thuê ở một quán bia hơi. Ở đây, cô gặp Quý, một khách quen của quán đã phải lòng cô ngay từ cái nhìn đầu tiên. Tình yêu thật lòng cùng lời cầu hôn đến từ chàng trai phố thị khiến cô gái nghèo như Lúa cứ nghĩ cuộc đời mình đã tìm được bến đậu bình yên...

Nhưng cái lí lịch "bố đi theo gái, mẹ làm ôsin, bản thân là gái bán búa" khiến bà Đức không thể chấp nhận một cô con dâu như Lúa. Ngày con trai dẫn người yêu về ra mắt, bà đã chỉ thẳng mặt Lúa mà bảo: "Thằng Quý nó chơi bời gì ở ngoài tôi không quán. Nhưng chọn vợ về làm dâu nhà này thì không thể theo ý nó. Truyền thống gia đình này mấy đời đều dựng vợ gả chồng cho con vào những nhà môn đăng hộ đối. Sao tôi có thể chấp nhận một đứa con dâu và thông gia bần hàn thế được!". Lúa đã phải bưng mặt khóc mà ra về trong sự tổn thương tưởng như chẳng bao giờ sẽ bước chân quay lại. Nhưng cái thai trong bụng khiến Lúa phải gạt bỏ lòng tự trọng, quy lụy cầu xin được bước chân vào nhà. Lúa đâu biết thứ cô đánh đổi là

những tháng ngày làm dâu phải sống trong sự khinh miệt của mẹ chồng.

"Chỉ có loại con gái lẳng lơ, đi thò mồm chừa trước để 'úp sọt' đàn ông, chứ con gái nhà lành, hân hoi, từ từ người ta đâu có thể. Nếu không vì cô mang giọt máu nhà này, thì đời nào tôi cho cái loại con gái mất nết như cô vào nhà...". Cái thai trong bụng Lúa cứ lớn dần bởi những tiếng chửi cay nghiệt ngày này qua ngày khác. Sự bình yên chỉ đến với Lúa những khi mẹ chồng khoác áo nâu sòng bưng lễ đi chùa. Bà vẫn thường bảo: "Cái nhà này được yên ổn, con trai kiếm được nhiều tiền, con dâu chưa khỏe là do tôi ngày nào cũng tụng kinh niệm Phật, cũng ăn chay kham khổ. Chứ cứ như cái loại suốt ngày ở không ăn làm thì cái nhà này đúng là bạc phước!".

Điểm tựa duy nhất của Lúa là chồng. Nhưng công việc của Quý bận tối ngày, công tác triển miến, khiến Lúa luôn phải một mình chống chọi với sự day nhối, ghẻ lạnh của mẹ chồng. Cũng có đôi lần nằm bên, Lúa định bụng kể cho anh nghe những nỗi khổ của mẹ chồng với mình nhưng lần nào cũng thôi, Lúa chưa nói được gì tiếng anh đã ngủ gật đầu bên tai, những lời nói đầm nước mắt của Lúa anh chẳng hay biết gì.

Cũng có khi Lúa nhắc mấy gọi cho mẹ, định mọi uất ức trong lòng đem kể ra hết. Nhưng cứ nghe thấy tiếng mẹ, Lúa lại thôi, chỉ sợ mẹ buồn, bận lòng thêm vì mình. Đời mẹ đã quá đủ đắng cay, khổ cực rồi.

Dần dà, Lúa chọn cách im lặng, âm thầm chịu đựng mọi sự xía xói, ghẻ lạnh của mẹ chồng. Nhiều đêm nằm ôm gối khóc một mình, Lúa tự hỏi nếu không vì đứa con trong bụng, cuộc đời của Lúa có khác không? Có phải ngay từ đầu, cái thai đến với cô là một sai lầm? Cứ thế, từ lúc nào, Lúa không cảm nhận được sợi dây tình cảm gắn kết giữa cô và con; thậm chí mọi sự chuyển động, lớn dần của thai nhi đều khiến Lúa cảm thấy bức bối, khó chịu. Những lúc ngắm mình trong bồn tắm, nhìn cái bụng tròn lên trên mặt nước, Lúa rất muốn lấy vật gì sắc nhọn đâm vào, cảm giác sẽ giống như một quả bóng xì hơi. Mọi khó chịu, mọi dồn nén sẽ theo đó bay vèo. Đã mấy lần Lúa dùng dao nhọn, kéo sắt, kim băng... định chọc vào bụng, nhưng lần nào cũng thôi, những vật sắc nhọn chỉ vừa mới chạm da thịt, cảm giác đau đớn bởi cái thai trong bụng cứ đập liên hồi khiến Lúa quần quai, không thể nào cho cái bụng xì hơi.

Lúa sinh non trước một tháng, đúng dịp Quý vẫn đang đi công tác dài ngày. Mẹ xin nghỉ làm đến giúp thông gia chăm Lúa những ngày ở cữ. Bà Đức vẫn đi chùa đều đặn, mọi chuyện cơm nước, chăm sóc gái đẻ, dọn dẹp nhà cửa, giặt giũ quần áo... dành cả cho mẹ Lúa. Bà còn bóng giết: "Bà ngoại quen việc, và lại không để bà ngoại

làm, sợ bà ngoại buồn chân buồn tay vì nhớ nghề!". Vốn tính cam chịu, thương con nên mẹ Lúa cứ nhẫn nhịn chịu đựng việc bà thông gia ngấm coi mình là ôsin trong nhà.

Nhưng sự cam chịu nào cũng có điểm dừng của nó. Một ngày, bà Đức kêu mất dây chuyền. Xót của, không kiêng nể gì bà xía xói chửi: "Nhà này từ xưa đến giờ tiền rơi đầy nhà cũng chẳng mất đồng nào. Thế mà giờ đồ cất trong tủ còn mất. Đúng là quân đầu trộm đuôi cướp!". Không chịu đựng nổi sự xúc phạm và đổ vấy của thông gia, mẹ Lúa khăn gói quần áo rời đi. Bà Đức càng được thế quá quyết với hàng xóm: "Đấy các bác xem. Có tật thì mới giật mình. Lấy đồ rồi vội vàng vàng tìm có đi luôn, bỏ cả con lẫn cháu. Ai đời đồ của thông gia cũng còn lấy. Chắc trước đi làm ôsin, quen tật ăn cắp đồ của chủ rồi!".

Và mọi bức bối bà lại đổ cả lên đầu cô con dâu mà chửi không thương tiếc: "Nhà này đúng là vô phước mới vợ phải loại thông gia không chỉ bần hèn mà còn trộm cắp. Giờ có khi phải mua chó về trông nhà mới được. Mà có cái gen ăn cắp ở trong nhà thì chó nào trông nổi!".

Mặc những lời chửi bới thậm tệ của mẹ chồng, Lúa vẫn lặng im không nói gì. Đường như dây thần kinh phản ứng với những lời nói độc địa, ác nghiệt trong Lúa không còn nữa. Ngay cả việc, mấy hôm sau sợi dây chuyền lại trên cổ bà Đức, Lúa cũng chẳng buồn lên tiếng hỏi.

Không có mẹ Lúa, bà Đức vẫn đi lễ chùa, ăn chay niệm Phật, cầu phúc cho gia đình. Chuyện Lúa phải một mình xoay sở chăm con với bà đó là lẽ dĩ nhiên. Để con ra thì phải chăm. Đàn bà xưa chăm một nách chín, mười đứa con mà vẫn phải làm lụng đó thôi, nay Lúa chỉ việc ăn với chăm con là quá nhàn hạ rồi.

Được gần tháng thì chồng Lúa đi công tác về nhưng công việc vẫn cuốn anh đi tối ngày, chẳng có mấy thời gian dành cho Lúa và con. Ngay cả ban đêm, Lúa muốn có chồng cùng san sẻ giúp cũng khó. Đêm đầu tiên ngủ với vợ con, tiếng thằng bé khóc hoài khiến Quý không chịu được phải mang gối lên tầng thượng ngủ. Từ hôm sau,



với lý do để đảm bảo sức khỏe đi làm, anh chuyển hẳn lên đó. Một mình một phòng, Quý càng thoải mái trong việc đi sớm về hôm. Tối qua, hơn 1 giờ đêm mà Quý vẫn chưa về. Lúa điện thoại chỉ nghe giọng anh là nhẽ bảo: "Anh về hay không về cũng giống nhau mà. Coi như anh vẫn đang đi công tác đi!" rồi cúp máy luôn. Anh đi cả đêm không về. Lúa biết, không phải vì cô thức chờ anh mà vì Lúa mất ngủ, hai mắt cứ chong chong mấy ngày hôm nay rồi.

Mỗi cái việc ăn với bế con mà không nổi. Đúng là cái loại ăn không ngồi rồi! - Tiếng bà Đức dưới tầng lại quát vọng lên. - Cho nó bú đi, để nó khóc khản cổ nữa hả?

Nghe tiếng mẹ chồng quát tháo ở dưới, Lúa rậm rập nghe theo như một cái máy. Cô vạch áo, bầu ngực căng cứng sữa vì cả buổi Lúa không cho con ăn. Người thấy hơi sữa, thằng bé đói lắm nhưng chẳng còn sức mút lấy mút để như mọi khi. Cái lợi nó không bám vào ti Lúa đau buốt nữa mà chỉ mớm mớm nhẹ nhàng. Những dòng sữa nóng hổi được thằng bé từ từ rút bớt khiến Lúa cảm thấy một sự êm ái, dễ chịu đến lạ. Sau một hồi bú mẹ, thằng bé lim dim ngủ. Lúa nhìn con, thấy nó trông khác quá. Cái khuôn mặt méo mó, kì quái không còn nữa. Thay vào đó là một khuôn mặt trẻ thơ, đáng yêu vô cùng. Cái miệng nhỏ xinh, đỏ mọng như trái cà chua bị chửi không rộng ngoác, đen ngòm như trước. Lúa chăm chú nhìn thật kĩ đứa trẻ trên tay mình. Nước da trắng bệ trắng hồng, cái mũi nhỏ, lớp tóc đen và dày. Kia, từ đời vai thằng bé có gì đó màu trắng đang nhú lên. Một đôi cánh thiên thần! Lúa hân hoan giờ thằng bé lên cao, ngắm nhìn đôi cánh trắng muốt đang nhẹ nhàng đưa lên đưa xuống của nó.

- Con có thể bay phải không, thiên thần của mẹ?

- ...

- Căn phòng này ngột ngạt quá, con muốn đang rộng đôi cánh ra một không gian tuyệt vời hơn không?

Lúa bế con đi ra ngoài ban công. Những cơn gió thổi bay mái tóc dài lòa xòa và thân hình gầy guộc, xanh xao của Lúa cứ nghiêng ngả. Lúa nhìn con âu yếm. Chưa bao giờ Lúa thấy thằng bé lại đẹp đến thế.

- Con đúng là thiên thần rồi! Cảm giác được bay là thế nào hả con? Hãy cho mẹ bay cùng với nhé. Hãy đưa mẹ đến một nơi thật xa, không có ngột ngạt, không có đớn đau. Hãy cho mẹ sự bình yên! Nào, cùng bay lên thôi, thiên thần của mẹ!

"Sao con Lúa nó bỗng bột thế? Chỉ vì giận đối chồng đi uống rượu một đêm không về mà đã ôm con nhẩy lầu tự tử!";

"Không thương mình thì phải thương con chứ? Đứa trẻ có tội tình gì!";

"Là đàn bà mà đại quái!".

...

Không ai biết Lúa đã phải trải qua những gì. Tất cả đã bị chìm trong im lặng như cách Lúa đã lựa chọn sống. Đến cả nguyên nhân cái chết của Lúa và con cũng lại theo mẹ con cô lặng im trong chiếc hòm gỗ kia.

Cái giếng nằm thành thoi giữa vùng đất đồi hiểm phi nhiều mà nhiều sỏi đá này. Không nhớ rõ giếng có từ lúc nào, chỉ biết từ khi tôi còn bé giếng đã ở đây rồi. Không phải giếng trời bởi chẳng phải bồng dung mà có. Giếng là công sức hơn một tháng ròng rã bởi đào, khuôn đất của đại gia đình tôi. Giếng có đường kính khoảng mét rưỡi, sâu chừng mười mét. Bao quanh miệng giếng là thành gạch vôi đơn sơ cao tới đầu gối người lớn.

Theo năm tháng con nước vơi đầy, dưới tán cây to bốn mùa râm mát, thành giếng mọc trọt những rêu trơn xanh rì. Điểm xuyết cho tấm thảm xanh ướt át ấy là lác đác họ nhà dương xỉ, cụm nào cũng no ấm, sum suê. Rêu càng tốt tươi thì mỗi lần ra giếng mức nước tôi lại càng phải cẩn trọng, kéo lỗ trượt chân một cái là té ngã như chơi. Gặp dịp vắng người thì thôi, khỏi nghĩ.

Xung quanh giếng có đến năm cây cổ thụ đủ mọi giống loài: hồng xiêm, mít, nhãn, vải. Và giữa chạc đôi thân cây vải, bố tôi treo lên một cái cần bằng thân cây tre bánh tẻ. Đầu cần phía miệng giếng buộc đoạn dây thừng chắc chắn, gắn thêm cái gầu mức nước bằng cao su. Đầu đối diện thì buộc cái lưỡi cây cũ đã có phần hoen rỉ. Mỗi lần có ai đó mức nước là gầu với lưỡi cây lại thỏa thuê vui mình vào cuộc chơi bập bênh nhịp nhàng. Và lúc nào kết thúc gầu cũng bị lưỡi cây dùng sức nặng đánh bật lên cao.

Giếng nước còn có một khoảng sân nhỏ, dàn tròn theo hình hải miêng giếng. Khoảng sân là nơi những cô vợ, những người con gái, cũng có khi là đàn ông trai tráng trong nhà, giặt giũ buổi ban trưa. Người này nói người kia, thay nhau vực gầu xuống nước. Các bác, các anh chọn sân giếng làm nơi tắm táp lúc nóng nực hay những chập tối mùa hè. Các bà, các chị thì không thể được, đành đem cái thùng sơn trắng ra, hì hục mức nước, xách về. Người nào người nấy sườn cứ vẹo sang một bên. Ấy thế mà nước vẫn sống sảng, lắm khi ướt cả ống quần. Tôi cũng được trải nghiệm, lòng bàn tay rập rập vết chai. Ngày đó ghét xách nước vô cùng bởi xách nhiều thì nặng mà xách ít thì lâu. Đã có không dưới một lần tôi thăm ước bố mẹ lấp nước máy để khỏi phải nghiêng sườn, gồng sức nữa.

Nước giếng thay đổi theo mùa. Mùa đông nước ấm áp, bốc hơi như sương khói trắng xóa, nhưng chóng cạn, nhìn thấy cả đáy giếng. Lúc này mức nước cực hơn bởi phải kéo một đoạn dài. Có năm hạn quá, mùa đông nước bỏ ra chậm chạp, muốn có nước sinh hoạt cứ phải chờ. Chờ nước và chờ tới phiên, cũng ngót nghét vài tiếng đồng hồ. Mùa hạ nước dâng sát miệng giếng, tràn trẻ, lóng lánh. Nước mát lạnh khiến con người ta muốn đắm mình ngay vào trong nó, giải thoát cho làn da thở thật khỏi cái nóng như thiếu đốt dưới ánh mặt trời. Trùng hợp thay mùa hạ cũng chính là



Nguồn ảnh: Ablersite.org

Xa rồi giếng xưa

Tân văn. Hồ Diệp

mùa mít, mùa vải. Hai thứ quả này nổi tiếng "nóng tính", ăn vào sẽ khiến người người "bốc hỏa" nhưng vì ngon nên chẳng ai cưỡng lại được. Để tránh bị "hỏa hành" mọi người mang chúng ra giếng ăn. Ăn xong dội ào một xô nước, thế là hỏa nào cũng tắt ngấm.

Tôi cứ vậy mà lớn lên theo từng đợt thay dây, thay gầu. Đến khi tuổi tròn trăng mười sáu thì giếng không còn nữa. Mọi người lấp giếng đi vì không dùng đến và để tránh cho tụi con nít nghịch ngợm, mò mẫm rồi sẩy chân. Tôi được thỏa ước nguyện, chẳng phải xách nước mỗi ngày nữa nhưng kể từ đó trong tôi bỗng cộm lên một nỗi trống trải lạ lùng. Tôi bắt đầu nhớ về những ngày xưa, những ngày mọi người cùng sinh hoạt chung trên sân giếng. Ngày ấy vui lắm! Đông đúc, thân mật, tiếng nói cười râm ran chứ không như bây giờ, vắng đông, vắng nói cười, nhưng là lạ. Hình như

càng hiện đại thì con người ta càng khép mình vào thế giới riêng, càng có xu hướng tách biệt. Giống như ngày xưa hiếm tivi thì người ta sẵn sàng nép lại gần nhau để cùng xem, cùng tận hưởng niềm vui, nỗi buồn, nhưng khi ai ai cũng có tivi, điện thoại thông minh thì họ thích tự mình xem hơn cả. Chuyện nước cũng vậy. Khi chỉ có duy nhất cái giếng này, mọi người cùng nhau sẽ chia từng gầu nước, từng câu chuyện, từng lời hỏi han. Nhưng khi nhà nào cũng có cái vòi nước riêng rồi thì nước nhà ai người nấy dùng, bỗng dưng con người ta trở nên xa cách.

Tôi nhớ lắm những mùa hè trải chiếu dưới gốc cây cạnh giếng rồi mức nước dội ướt sân giếng để hơi mát tỏa ra át đi cái rùng rục. Già trẻ, gái trai quây quần, tranh thủ chợ mắt hoặc chuyện trò quên thời gian. Nhưng nhộn nhịp nhất vẫn là dịp cận Tết. Nhà nhà mang vác đủ thứ đồ ra sân giếng gột rửa cho sạch sẽ để chuẩn bị nghênh đón xuân về. Bát đĩa, nồi niêu, bàn ghế, xoong chảo... Xong xuôi phần đó thì chuyển sang giặt giũ chân mần. Các bà các mẹ ngồi rửa lá chuối, lá dong. Tiếng lách cách, tí tách, tiếng sột soạt, ào ào hòa tấu thành khúc nhạc chọn rộn, hân hoan. Mọi người lau vệt giọt mồ hôi trên trán, tươi cười hỏi nhau: "Năm nay thím gói bao nhiêu bánh?", "Nhà bà mua nhiều thịt không?", "Thằng cu đã được mua áo mới chưa?... Tất cả những âm thanh và hình ảnh thân thương ấy bây giờ chỉ còn là những ký ức neo đậu trong tâm khảm, thì thoảng dội lại, nhắc nhở tôi về một thời đã trôi vào... dĩ vãng.

"Cây Đa, bến nước, sân đình
Thăm quê, tìm lại bóng hình Giếng khơi!
Một thời, ông bà của tôi
Giếng làng nguồn nước lúc vơi lúc đầy

...
Xa rồi giếng nước ngày xưa
Còn đâu sáng sáng, trưa trưa, chiều chiều"
(Giếng làng còn đâu - Tất Quê)

Hôm nay đọc được văn thơ da diết, lại bồi hồi nhớ tới giếng xưa. Nhớ giọng nói ông tám tắc khen "chị có nước giếng khơi mới pha ra ấm trà ngon nhất", nhưng cả ông và giếng đều đã... xa rồi!

Miền thơm cỏ mật

Tản văn. Mai Đình

Sinh ra và lớn lên từ làng, nơi đồng lúa bãi ngô trải dài bát ngát, ai mà không biết về những loại cỏ dại đan xen dưới chân mình. Lũ trẻ mục đồng nào mà không chơi chơi cỏ gà, hay lấy cỏ bông lau chơi trò trận giả lẫn lộn ở triền đê, bị hoa cỏ may ghim khắp áo quần... Và làm sao quên được một loài cỏ đặc biệt, bởi hương thơm của nó khiến người ta có thể xua tan đi phiền muộn, kích hoạt những cảm xúc tươi mới đầy cảm hứng và rất đời bình an. Đó chính là cỏ mật.

Cỏ mật là loài cỏ lá dài xanh mượt, những nhánh lá tìm được đường nuôi từ bộ rễ chùm khỏe khoắn, đem phơi khô sẽ tỏa ra thứ hương thơm ngọt, thanh thanh dễ chịu. Chẳng rõ người ta khám phá ra giống cỏ mật thơm ấy từ bao giờ, chỉ biết khi đám nhỏ chúng tôi lớn lên, đến tuổi đất chạc trâu bò đi chăn mỗi buổi nghỉ học, thì đã biết cùng nhau tìm tòi và lưu giữ mùi hương của nó. Biết rằng cỏ mật thơm hơn và ngậm nước lâu thì phải nhổ cỏ rễ, hơn nữa còn phải lấy vào lúc sáng sớm, khi mà cỏ còn đang vương những hạt sương đêm ướt át. Chỉ cần giữ sạch đất và đem phơi dưới nắng, cỏ héo là đã bắt đầu nhả hương. Mùi hương cũng biến đổi qua từng ngày khi cỏ khô dần, ban đầu nghe mùi của bụi đất và rễ cây ngai ngái, về sau là thanh ngọt của nhánh lá,

ngồng nàn của sương đêm âm ẩm, man mát của nắng sớm... Kinh nghiệm được chúng tôi rì tai nhau, là khi cỏ héo hãy cứ trắng sương thêm một đêm nữa và đem phơi nắng lại. Càng khô, cỏ mật càng cho ra thứ hương thơm hấp dẫn. Không ngồng nàn như hoa hồng, không quyến rũ như hoa nhài, mà đó là một mùi hương ngọt dịu, mát mềm và dai dẳng, có thể làm say lòng cả những người khó tính nhất.

Những ngày còn học bài trước ngọn đèn dầu, chúng tôi nào đã biết gì nhiều về các kiến thức khoa học, rằng mùi hương dễ chịu có thể giúp con người ta giảm lo âu, căng thẳng. Nhưng như một thói quen bản năng, cứ đem cất giữ cỏ mật khô trong túi áo túi quần như bảo bối. Có đứa xem phim cổ trang Trung Quốc còn học đòi tự may túi thơm để cất giữ những bụi cỏ tỏa hương ấy. Đi học, đi nhặt rau ngoài bờ ruộng, lúc nhẩn nha trên lưng trâu, hay khi ngủ say như cún, cũng đều mang túi thơm bên cạnh. Không chỉ có đám trẻ con chúng tôi mê cỏ mật, mà người lớn cũng yêu mùi hương vừa ấm áp vừa dịu ngọt của chúng. Chính mẹ là người gợi ý cho tôi đi tìm nhổ cỏ mật, chỉ cách phơi sao cho thơm lâu, rồi nhủ tôi đem nhét vào gối. Đường như sau một ngày dài tất tả nắng mưa, quần quanh với ngô lúa một nhòai, được ngả

đầu xuống chiếc gối mềm ngát hương cây cỏ, giấc ngủ của đứa sinh thành như được vỗ về mà chìm sâu không mộng mị. Để rồi sáng ngày ra, khi xổ tung mái tóc chải chuốt, nghe hương thơm tỏa bay và vẫn vít quanh mình, cơ thể như được tiếp thêm sinh khí và sức lực mà lặn ngụp với ruộng đồng.

Đi tìm cỏ mật giữa đám cỏ nhiều giống loài ken dày ven các chân ruộng cao, có đứa thỉnh thoảng nhổ nhầm cỏ lá gừng bởi nét tương đồng về hình dạng của chúng. Khi thấy nắm cỏ của mình không đem hương, thắc mắc đòi chúng bạn tùm lại đỡ ra so với nhau, lúc ấy mới biết đã nhầm lẫn. Lại được dịp trêu ghẹo nhau, chắc khi đi tìm cỏ tâm trí tương tư nghĩ đến ai nên mới đến chốn thế. Chứ đúng loài cỏ mật, chỉ cần vừa nhổ lên thì tay cũng đã nghe mùi thơm thoang nhẹ rồi.

Trong vô số những mùi hương thiên nhiên hoa, quả, cây cối xuất hiện trong đời sống, ít nhiều đã có những hương thơm thảo mộc khác loài cỏ mật khiến tôi bằng lòng, yêu thích. Nhưng có lẽ, mùi thơm của cỏ mật vẫn là thứ hương cây cỏ thuần hậu và gần gũi, quyến rũ nhất mà tôi mê say, thao thiết nhớ thương. Trong sự thanh khiết, dịu ngọt vốn có, hương cỏ mật còn chắt chiu cả mùi vị của sương đêm, của đất ẩm, của gió trời thỉnh thoảng và cả miền ký ức bình dị đã đi qua.

Ảnh hưởng...

(Tiếp theo trang 33)

...Kiều thương yêu, âu lo cho cha mẹ một cách sâu nặng: *Xót người tựa cửa hôm mai/ Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ?/ Sân Lai cách mấy nắng mưa/ Có khi gốc tử đã vừa người ôm.* Kiều khuyên Từ Hải giải binh cũng bởi nàng muốn sau này được *"Nở nang mây mật, rõ ràng mẹ cha"*. Trong con mắt của nhân sinh Truyện Kiều, Kiều là người con chí hiếu. Họ Chung nói nàng "hiếu trong tình thâm", Sư Giác Duyên nói nàng *"Người sao hiếu nghĩa đủ đường"*, Tam Hợp đạo cô nhận xét nàng *"Bán mình đã động hiếu tâm đến trời"*...

Thời trung đại, người ta rất trọng danh. Kẻ hiếu, trung, kẻ ác, người hiền... đều được sử sách ghi danh. Người ta rất sợ tiếng tăm bị hoen ố. Xâm phạm tôn ti, nhất là bất trung, là phản nghịch, trọng tội, hơn cả tội sát nhân. Chồng lại nhà vua bị coi là phạm ý trời và lòng người bởi vua là đấng được trời và dân lựa chọn. Xúc

phạm vua, khi quân là phạm đạo thống, thiên thống và nhân luân. Kiều của Nguyễn Du trung hiếu, hiếu điều đó nên thuyết phục Từ Hải: *Làm cho để tiếng về sau/ Ngàn năm ai đó khen dẫu Hoàng Sào.* Đây là lý do quan trọng nhất để Kiều tư vấn cho Từ. Lý do thấp hơn, dù quan trọng là đức hiếu sinh, lòng hiếu thảo với cha mẹ và của cải. Từ Hải là người anh hùng - tài tử. Không thể nói Từ Hải là lãnh tụ "nông dân khởi nghĩa". Từ Hải chỉ là kẻ nổi loạn. Khác hẳn với các cuộc khởi nghĩa như Thái bình thiên quốc, Nghĩa hòa đoàn, Mỹ Lương..., Từ Hải không có cương lĩnh, mục tiêu nào. Từ nổi loạn cho thỏa chí tang bồng, hành động chỉ để hành động. Cái chết của Từ Hải là hậu quả của sự bất tín của vua quan, khi họ đã "thành toán miếu đường", việc chiêu an là hình thức. Nguyễn Du và các nhân vật nói rằng, Kiều *"Hại một người cứu muôn người"* và *"Bán mình là hiếu, cứu người là nhân"*. Điều này có nghĩa là, dù Từ Hải bại vong nhưng muôn người được sống còn, đức hiếu sinh và lòng

nhân của thiên địa được bảo toàn. Theo Nho giáo, sống là nhân, chết là bất nhân. Tính mệnh con người là quan trọng nhất. Một trong các lý do Kiều viện dẫn để thuyết phục Từ Hải quy hàng là *"Ngẫm từ đây việc binh đao/ Đồng xương Vô Định đã cao ngang đầu"*. Từ đó, có thể thấy, đối với Kiều và Nguyễn Du, sự sống là đáng trọng. Chiến tranh, binh đao đồng nghĩa với việc sát hại con người. Trong thơ chữ Hán, Nguyễn Du cũng nhiều lần đề cập đến vấn đề này. "Nhân" ở đây, do vậy là cứu vớt con người, bảo tồn sự sống của nó, phản đối việc sát戮. Hành động của Kiều là cao cả, nhân đạo, đứng về phía hiếu sinh.

Nho giáo trong Truyện Kiều là Nho giáo đã được thế tục hóa, tồn tại và được nhìn nhận trong cuộc đời. Nó có màu sắc Việt Nho. Điều này thấy trong suy nghĩ và quan sát về trời, quý thần, tam cương ngũ thường... Trừ trong Truyện Kiều là trừu tượng của người Việt, khác với trời trong Nho kinh; cương thường cũng

được quan sát và thực hành từ các điều kiện của cuộc đời, không kinh viện, sách vở. Nhìn từ góc độ cương thường, luân lý, nhân vật trung tâm của tiểu thuyết Nôm này không chỉ có tài sắc mà còn có luân lý. Nhà vua tài hoa Minh Mệnh nói Truyện Kiều *"nếu danh giáo và phong lưu cho hậu thế"* (5). Cả hai khía cạnh này đều quan trọng như nhau trong chân dung Kiều. Truyện Kiều còn có nhân vật tài tử, là nhân vật đặc thù trong văn học thời đại Nguyễn Du. Tài tử, nhất là tình yêu của họ, do vượt qui phạm xã hội nên đau khổ và bại vong.

(1) Nguyễn Tôn Nhan, *Nho giáo Trung Quốc*, NXB Văn hóa Thông tin, 2005, tr.1083.

(2) Trần Trọng Kim, *Nho giáo*, NXB TP. Hồ Chí Minh, 1992, tr.90.

(3) Trần Ngọc Vương, *Nhà Nho tài tử và văn học Việt Nam*, NXB Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2018, tr.84.

(4) Sách Mạnh Tử, *Tứ thư* (Đoàn Trung Còn dịch), NXB Thuận Hóa, 2015, tr.189.

(5) Minh Mệnh, *Tổng thuyết Truyện Kiều*, in trong *Truyện Kiều và các nhà Nho thế kỷ XIX* (Phạm Đan Quế biên soạn), NXB Thanh Niên, 2003, tr.46.

T.N.H.T

27 VĂN NGHỆ THÁI NGUYÊN

SỐ 12 - RA NGÀY 25 THÁNG 6 NĂM 2022

Sân khấu truyền thống khó mà không khó

Hoài Hương

Sân khấu truyền thống trước thảm họa đại dịch COVID-19 đã đầy trắc trở và khó khăn để tồn tại và "sống". Sau dịch, khó khăn khó khăn hơn, và đang là thách thức không nhỏ để gìn giữ loại hình nghệ thuật sân khấu này.

Trong Hội nghị Văn hóa toàn quốc tháng 11/2021, có rất nhiều ý kiến của các nhà quản lý, chuyên gia về văn hóa, nghiên cứu về nghệ thuật truyền thống và nghệ sĩ bản thảo về việc làm sao để cho sân khấu truyền thống thoát khỏi nguy cơ tụt hậu, "mất trắng" cả loại hình nghệ thuật lẫn khán giả, làm sao để tồn tại trong tình hình hiện tại, khi mà với cả một số loại hình từng đông khán giả nay cũng "hao hụt" sự quan tâm từ phía người thưởng thức - dẫn đến sân khấu "tắt đèn".

Điều gì đang xảy ra?

Trước thảm họa COVID-19, sân khấu truyền thống đã rất khó để tồn tại, để "sáng đèn", phải chật vật mới có thể lay lắt "sống", đợi Hội diễn hay Liên hoan để có thể có cơ hội diễn, cơ hội được tiếp cận khán giả. Khi dịch bệnh ập đến, hoạt động biểu diễn nghệ thuật truyền thống gần như "chết lâm sàng". Các nhà hát chỉ có thể tranh thủ đó đây giữa các kỳ giãn cách, thu nhập gần như bằng không. Và dù muốn hay không, việc giảm lương, cắt biên chế, chấm dứt hợp đồng với nghệ sĩ cũng đã diễn ra. Nhà hát Tuồng Việt Nam, đơn vị không có kinh phí để "nuôi quân", nhiều nghệ sĩ, nhạc công phải tìm công việc khác. Nhà hát Cải lương Việt Nam buộc phải chấm dứt hợp đồng với một số diễn viên, đợi khi nào có việc mới ký tiếp hợp đồng theo gói công việc. Nhà hát Chèo Việt Nam, từ khi dịch COVID-19 bùng phát đến nay, diễn viên hợp đồng của đơn vị đã nghỉ hết, chỉ còn 19 diễn viên theo diện biên chế. Nhà hát Nghệ thuật Phương Nam (TP. Hồ Chí Minh) buộc phải thỏa thuận với nghệ sĩ, diễn viên ngành xiếc, múa rối về việc chậm trả lương, giảm lương. Nhiều nghệ sĩ của Nhà hát Múa rối Việt Nam vì không có vở diễn và không có lương, cũng chuyển đi làm các công việc khác như bán hàng online, thợ nhóm kính, lái xe...

Phần nữa, trước đây, các đơn vị nghệ thuật sân khấu truyền thống được Nhà nước bao cấp để hoạt động, thì từ sau giai đoạn thử nghiệm (2015 - 2020), theo tinh thần Nghị định số 43/2006/NĐ-



Nghệ thuật truyền thống như: tuồng, chèo, cải lương... đang rất khó khăn trong cách tiếp cận công chúng - Một trích đoạn tuồng cổ do các nghệ sĩ Nhà hát Tuồng Việt Nam biểu diễn. Nguồn ảnh: nhandan.vn

CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ "Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập", nhiều đơn vị đã chính thức được giao quyền tự chủ. Nhưng cho tới hiện tại, chỉ có vài đơn vị sân khấu truyền thống tạm thời thích nghi với vấn đề tự chủ, còn phần lớn vẫn đang loay hoay, chật vật, thậm chí có nguy cơ đánh mất bản sắc vì để có nguồn kinh phí hoạt động và trả lương cho các nghệ sĩ đã phải chạy theo các chương trình giải trí nhằm đáp ứng thị hiếu tức thời của một bộ phận công chúng. Ở các đơn vị nghệ thuật địa phương thì do quy chế, phải sáp nhập vào các trung tâm văn hóa nên nghệ thuật sân khấu có nơi đang bị tha hóa, rơi vào tình trạng nghiệp dư, tính chuyên nghiệp, bản sắc nghệ thuật truyền thống đều bị phai nhạt, mất màu. Nhưng điều quan trọng nhất, nói như bà Trịnh Thúy Mùi - Chủ tịch Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam, là vấn đề thiếu hụt "nhân sự" nói chung của ngành sân khấu, nói riêng của sân khấu truyền thống: "Đội ngũ chủ lực, thế hệ vàng của nền văn nghệ Việt Nam, từng

được đào tạo tại các nước Đông Âu xã hội chủ nghĩa đã không còn nhiều. Đội ngũ sáng tạo nghệ thuật sân khấu hiện chủ yếu được đào tạo trong nước, rất thiếu điều kiện tiếp cận với những tinh hoa văn học thế giới, do đó, rất hiếm những tài năng xuất chúng trong đội ngũ sáng tạo. Đội ngũ sáng tác văn học nghệ thuật trẻ có trình độ chuyên nghiệp, có thực tế dày dặn, có vốn sống, giỏi nghề vẫn hết sức thiếu vắng và đang có dấu hiệu "đứt gãy" về sự kế tục..."

Có thể thấy, hàng năm Nhà nước mở nhiều trại sáng tác kịch bản sân khấu, nhưng thực tế vẫn nhiều vở yếu, thiếu vở hay. Qua các đợt tổ chức Liên hoan, Hội diễn, Tìm kiếm tài năng trẻ..., cho dù có rất nhiều huy chương vàng, bạc,... nhưng thực tế chưa có tác phẩm đỉnh cao, có nhiều tác dụng tích cực đối với cộng đồng, hay có tính lan tỏa. Ở các sân khấu truyền thống, có rất nhiều nghệ sĩ được phong danh NSUT, NSND, nhưng sân khấu biểu diễn vẫn rất khiếm tốn

khán giả, dẫn đến việc sân khấu phải "xếp màn", "tắt đèn".

Mặt khác, nghệ sĩ trẻ, dù được học hành đào tạo bài bản về sân khấu truyền thống, vẫn từ bỏ sở trường để đến với hoạt động giải trí thời thượng, vừa nhanh nổi tiếng vừa dễ có thu nhập cao, như đóng phim truyền hình, làm Youtube, kinh doanh trên mạng, tham gia các gameshow... Không ít nghệ sĩ dù đã có thời gian gắn bó với nghề, rất tâm huyết muốn bám trụ sân khấu truyền thống nhưng vì miếng cơm manh áo vẫn phải dứt áo ra đi. Việc "chảy máu" nguồn nhân lực vốn đã là một thực tế đáng lo ngại, giờ thêm "cú hích" của dịch bệnh, làm sân khấu truyền thống càng thêm lao đao.

Khán giả không "mặn mòi"

Nghệ thuật sân khấu truyền thống vốn đã gian nan để níu chân khán giả nói chung, đặc biệt khán giả trẻ nói riêng, trước sức hút của các loại hình giải trí sử dụng công nghệ hiện đại. Không những thế, trong quan niệm của phần lớn khán giả, thì sân khấu truyền thống, chỉ nên dành cho thành "bảo tàng", chỉ nên trình diễn theo hướng giới thiệu như một kiểu "di sản tư liệu" nghệ thuật truyền thống", chứ giờ mà còn ngồi hàng mấy tiếng để xem một vở cải lương, tuồng cổ, chèo, hay ca kịch dân gian - mà nhiều khi nó không thực tế, không hiện thực, tệ hơn là chẳng hiểu gì về điệu thức ngâm ca, cách thức trình diễn, các điệu bộ ước lệ sân khấu,... xem ra rất lãng phí thời gian.

Trong Hội nghị Văn hóa toàn quốc tháng 11/2021, PGS-TS Phan Trọng Thường, Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng lý luận, phê bình văn học nghệ thuật trung ương cũng đã bày tỏ quan ngại rằng phần lớn thế hệ thanh thiếu niên hiện nay quay lưng lại với nghệ thuật truyền thống, coi đó là cổ hủ, lỗi thời: "Họ dường như không còn khả năng cảm nhận cái hay của những làn điệu dân ca, những vở chèo thấm đượm hồn phách dân tộc. Họ có biết đâu rằng phải đạt đến một bản lĩnh văn hóa nào đó, một trình độ văn hóa nào đó mới có thể cảm nhận được cái hay, cái đẹp ẩn chứa bên trong mỗi làn điệu, mỗi điệu thức ca...".

Chưa kể, sân khấu truyền thống của Việt Nam một phần không hút khán giả cũng bởi những lạc hậu trong cách trình diễn sân khấu, vì với khán giả hôm nay, khi đi xem, là thỏa mãn cả nghe - nhìn, nếu như phần nghe không am hiểu lắm, thì bù lại phần nhìn - thiết kế sân khấu, trang phục, cảnh trí, các kỹ thuật ánh sáng... phải có gì để xem, phải có gì tạo nên cảm hứng, chứ "muốn nằm cũ" thì khó mà mang họ tới sân khấu để xem được. Và ngay cả hiện tại, việc lạm dụng quá nhiều màn hình LED để tiết kiệm thiết kế bày trí bối cảnh cũng làm khán giả chán vì đã già càng "già chán" hơn.

Giải pháp nào có thể để sân khấu truyền thống "hồi sinh"?

Thời công nghệ 4.0, tại sao các sân khấu



Nhà hát Ca Múa Nhạc dân gian Việt Bắc luôn bảo tồn và phát triển nghệ thuật ca múa dân gian vùng Việt Bắc. Gần đây nhất, giai đoạn chống dịch COVID- 19, sân khấu của Nhà hát vẫn "sáng đèn" bằng những chương trình phát trực tuyến và giới thiệu các tiết mục trên mạng xã hội. Tiết mục "Múa Tắc Xinh" của dân tộc Sán Chay do đoàn dân dựng biểu diễn. Ảnh: Quang Khải.

nghệ thuật truyền thống không "lợi dụng" những mặt mạnh của công nghệ, để tìm cách tiếp cận và mở rộng khán giả nghe - xem.

Đã từng có ý kiến đề nghị Cục Nghệ thuật Biểu diễn xây dựng một Nhà hát trực tuyến là nơi cung cấp các chương trình sân khấu nghệ thuật truyền thống cho khán giả vừa giải quyết việc không thể tổ chức biểu diễn trực tiếp tại sân khấu, nhưng vẫn có thể biểu diễn trực tuyến đến khán giả, phù hợp với xu hướng công nghệ hiện nay. Nhưng cũng có ý kiến cho rằng, các yếu tố đặc trưng của sân khấu nghệ thuật truyền thống là cách điệu và ước lệ cổ về không phù hợp với không gian mạng, mà chỉ có thể tương tác trực tiếp với khán giả, nên trực tuyến sẽ giảm hiệu ứng cảm xúc. Nếu cứ khư khư giữ quan điểm này thì đến bao giờ sân khấu nghệ thuật truyền thống mới có thể hoạt động? Thay vì bằng cách phát sóng các vở diễn sân khấu trên truyền hình, hay trích đoạn video lên Youtube, Tik Tok,... là một cách "tình thế" để giới thiệu với khán giả, để khán giả biết sự tồn tại của đơn vị, của vở diễn, để mưa dầm thấm lâu, tích dần số khán giả, rồi từ khán giả mà lan tỏa tới khán giả...

Và đã có những Nhà hát sân khấu nghệ thuật truyền thống "tiền phong" thế nhiệm. Nhà hát Chèo Việt Nam đã chuyển sang hoạt động trên nền tảng số ngay sau khi dịch bệnh lan tràn và nguy cơ sẽ làm "đóng băng" toàn bộ hệ thống sân khấu biểu diễn. Nhà hát đã tổ chức những cuộc thi hát chèo trực tuyến trên trang Facebook của Nhà hát, đặc biệt từ tháng 8/2021, Nhà hát Chèo Việt Nam khởi động chuỗi chương trình trực tuyến "Giữ lửa đam mê" trên trang Facebook. Sau 8 số thực hiện trong năm 2021, nhận được nhiều phản hồi tích cực và mong ngóng của khán giả, Nhà hát đang xây dựng những chương trình tiếp theo để sớm ra mắt.

Tương tự, từ tháng 10/2021, Nhà hát Tuồng Việt Nam cũng thực hiện các chương trình "Giới thiệu nghệ thuật tuồng với khán giả trẻ" bằng những cách tiếp cận hấp dẫn. Trong chương trình, bên cạnh được thưởng thức các trích đoạn tuồng mẫu mực, như: "Ông già công vợ đi xem hội", "Trần Quốc Toàn ra trận",... khán giả trẻ còn được trao đổi, trò chuyện, giải đáp thắc mắc xung quanh nghệ thuật tuồng. Mô hình này vừa được trình diễn trực

tiếp trên sân khấu, vừa đưa đến các trường học để tiếp cận với học sinh, đồng thời đăng tải trên kênh Youtube của Nhà hát Tuồng Việt Nam. Chương trình "Giới thiệu nghệ thuật với khán giả trẻ" là hoạt động quan trọng của nhà hát trong năm 2022, với nhiều thay đổi, từ trẻ hóa nghệ sĩ biểu diễn đến mở rộng kênh tiếp cận, thông qua việc liên kết với các trường học; mời học sinh, sinh viên tham gia giao lưu; đăng tải trên nền tảng số...

Nhà hát Múa rối Việt Nam cũng xây dựng chương trình "Cùng trải nghiệm với nghệ thuật múa rối nước truyền thống", đưa bộ môn nghệ thuật đặc sắc này đến với nhà hát trong năm 2022, với nhiều thay đổi, trải nghiệm biểu diễn và làm ra các con rối. Ví dụ Chương trình "Múa rối du xuân với 5K" lồng ghép các trò múa rối cùng thông điệp phòng, chống dịch COVID-19. Với nghệ thuật cải lương vừa truyền thống, vừa cách tân, Nhà hát Cải lương Việt Nam cũng tìm hướng đến với khán giả bằng cách kết hợp nghệ thuật cải lương với nghệ thuật xiếc, như trong vở "Cây gậy thần", "Thượng Thiên Thánh Mẫu"; phối hợp với các tổ chức dàn dựng những vở diễn về vấn đề xã hội đang quan tâm...

Đã có những thể nghiệm thành công, nhưng thiết nghĩ, việc nâng cấp chất lượng các chương trình trên nền tảng số, để tạo thêm nhiều cơ hội tiếp cận khán giả, cũng rất cần sự đầu tư chuyên nghiệp về phương tiện kỹ thuật, nhân lực. Và vấn đề này, một lần nữa, các đơn vị sân khấu nghệ thuật truyền thống không thể tự mình có thể "bươn chải", mà rất cần có sự quan tâm của các bộ - ngành hỗ trợ.

Có lẽ các vấn đề về nhân sự, về chính sách hỗ trợ các đơn vị nghệ thuật sân khấu truyền thống thuộc về "vĩ mô" liên quan đến nhiều bộ - ngành quản lý, và không thể ngay lập tức mà giải quyết rốt ráo, nhanh chóng. Điều cần nhất trong lúc này, là các biện pháp giải quyết tình thế, để làm sao, sân khấu truyền thống có cơ hội được "sống", được tồn tại, và được đón nhận. Một khi những cái "được" tính thể giải quyết, thì những vấn đề lâu dài bền vững cũng có cơ sở để theo dõi mà thực hiện.

Thiết kế đô thị - lý luận và thực tiễn:

Tầm quan trọng của văn hóa và thiết kế đô thị

(Kỳ 2)

KTS. Lê Cao Hải



Đô thị Roma - TS sưu tầm



Tuyến phố Tráng Tiên - Hà Nội

Ngôi nhà xây phải có thiết kế. Đô thị xây lại càng phải có thiết kế hơn. Sau người chủ trương là nhà thiết kế kiến trúc. Tham gia vào thiết kế đô thị là sự vận động của thời gian và của xã hội. Đó là những phạm trù sâu và rộng của văn hóa đô thị.

Bản chất rộng của thiết kế đô thị

Nếu quan niệm thiết kế đô thị không chỉ là những đồ án vẽ trên giấy, thì các đô thị Việt trong quá khứ xa xưa đã được tạo dựng theo thiết kế. Theo cách nghĩ đó, nghệ thuật xây dựng đô thị là sản phẩm kết tinh từ thiết kế đô thị.

Hai nguyên tắc cơ bản chi phối thiết kế đô thị Việt truyền thống, đó là:

- Về quy hoạch, sự phân chia rạch ròi lãnh thổ đô thị thành những khu tách biệt theo chức năng và theo cơ cấu xã hội; sự xếp đặt các công trình kiến trúc theo những trình tự cứng nhắc, cũng căn cứ vào chức năng và tôn ti trật tự xã hội.

- Về kiến trúc, sự thể chế hóa các loại hình kiến trúc cơ bản; sự quy cách hóa cao độ quy mô, kích cỡ và kiểu cách kiến trúc của chúng thông qua số gian, cấu trúc và trang trí mái; phân cấp và chuẩn mực hóa các thủ pháp bài trí nội ngoại thất.

Nhờ tuân thủ hai nguyên tắc trên mà Thăng Long và Huế là các đô thị Việt kinh điển, đặc trưng bởi sự thống nhất trên những cái lớn, sự đa dạng trong những cái nhỏ. Chúng là sản phẩm trực tiếp

của chế độ phong kiến, đặt tôn ti trật tự làm nền móng cho tòa kiến trúc xã hội ngàn năm. Ở nền kiến trúc Trung Hoa, hai nguyên tắc nêu trên trị vì tuyệt đối, từ Tráng An đến Bắc Bình.

Người châu Âu trong nghệ thuật xây dựng đô thị đặc biệt chú trọng hai yếu tố: trục lộ và sự gắn kết các công trình kiến trúc thành một thể không gian - thẩm mỹ. Cấu trúc điển hình của đô thị châu Âu, từ thời cổ đại, đã bao gồm: trục lộ, ô phố, quảng trường và quần thể kiến trúc. Roma, Paris và Saint - Petersburg là ba ví dụ chói lọi của nghệ thuật xây dựng đô thị Âu châu.

Từ góc độ tổ chức không gian đô thị, ở Roma: giữa những khối kiến trúc dày đặc của các ô phố, hiện hữu những cái sân - khoảng không khép kín từ phía dành cho sinh hoạt cộng đồng. Từ đó mở ra những con phố, chầy và đột ngột hòa vào những quảng trường rộng lớn, nơi ngự trị cả một quần thể kiến trúc và điêu khắc. Giải quyết sự chuyển hóa không gian như thế, quả là biệt tài của các nhà tạo tác đô thị bậc thầy của Italia.

Tinh hoa của nghệ thuật tổ chức không gian Á Đông là sự chuyển hóa không gian và cảnh quan kiến trúc trên những đường trục. Tinh hoa nghệ thuật tổ chức không gian Âu châu là quần thể kiến trúc.

Từ sự xem xét lịch sử xây dựng đô thị, ta có thể thấy: Bản chất của thiết kế đô thị là sự phân định hợp lý việc sử dụng đất đai, sự sắp đặt đúng chỗ các công trình kiến trúc, sự tạo lập các mối liên kết kiến trúc và không gian giữa chúng, sự tạo lập trật tự đô thị theo nghĩa rộng, dẫn tới sự hình thành môi

trường sống của xã hội đô thị và cùng với đó là cảnh quan đô thị.

Đô thị - kiến trúc đô thị và con người, hai thực thể ấy, như nước với đất, song tồn trong thích ứng, điều chỉnh và hoàn thiện lẫn nhau theo thời gian, tạo nên những chốn đô thị - nhất thể, nơi không tách biệt cái nọ ra khỏi cái kia.

Văn hóa phải là nền tảng của thiết kế đô thị hiện nay

Hình hài và thể xác của các đô thị hiện hữu ở ta hầu hết khởi đầu từ thế kỷ XIX, định hình ở thế kỷ XX.

Những đô thị lớn về không gian và về quỹ kiến trúc như Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, các đô thị có tích lũy kiến trúc đáng kể như Hải Phòng, Đà Nẵng, Nha Trang, Cần Thơ... đều chưa thể hiện đậm nét những nguyên tắc và thủ pháp xây dựng đô thị Á Đông hoặc Âu châu, như đã nêu một phần ở trên. Huế và Đà Lạt là những ngoại trừ.

Thời Pháp thuộc để lại nhiều dấu ấn trên cơ thể các đô thị Việt Nam. Do những hoàn cảnh lịch sử đặc biệt và do sự phát triển thuộc địa ở mức hạn chế, người Pháp chưa thể xây dựng những đô thị hoàn chỉnh, mà chủ yếu ở dạng những khu phố Tây, xây ghép vào phần đô thị bản địa, với sự cải tạo hạn chế thành phần này, hoặc ở dạng những cấu trúc đô thị xây mới, có quy mô không lớn. Thuộc dạng thứ nhất là các khu phố Tây ở Hà Nội, Sài Gòn, Hải Phòng và Huế. Thuộc

dạng thứ hai là các thành phố Đà Lạt, Nha Trang, Vũng Tàu.

Ở Hà Nội, trong thiết kế đô thị, người Pháp đã giải quyết thành công sự gắn kết và chuyển hóa giữa khu phố cũ của người Việt với khu phố thuộc địa, với sự xác lập vai trò trung chuyển đặc trưng của hồ Hoàn Kiếm, quy mô và hệ tỷ xích không gian không tách biệt giữa hai phần mới và cũ. Đặc biệt họ đã tạo ra một trục phố, bắt đầu một cách kinh điển từ Nhà hát Lớn và quảng trường lớn, chuyển sang đường Tràng Tiền, Hàng Khay, Tràng Thi, Điện Biên Phủ và kết thúc bởi không gian quảng trường lớn, nơi tọa lạc Phủ Toàn quyền và các thiết chế kiến trúc có trọng lượng khác. Trục phố này tuy không thẳng, không đủ rộng và chưa định hình về phương diện tổng thể kiến trúc, song đã thực hiện xuất sắc vai trò gắn kết các không gian đô thị, khác biệt về hình thái với nhau.

Về phương diện tạo lập những quần thể kiến trúc đô thị, thì quả là một thiếu thốn, hạn chế nên đến bây giờ chúng ta chỉ có thể thấy ở một số đô thị phát triển về sau như Đà Nẵng, phần nào là Huế khi các nhà quy hoạch đã cố gắng sử dụng chất liệu tạo không gian từ tự nhiên là sông Hàn, sông Hương, và chất liệu nhân tạo như cầu Rồng, cầu Tràng Tiền hay di sản vật thể kinh thành Huế mở ra các không gian bến thuyền, vườn hoa, quảng trường kết nối giữa các quần thể kiến trúc. Mỗi lần đến Huế ta có thể cảm nhận được mùi thời gian, mùi gốm, mùi thị trấn ở đô thị này, vì thế mà Huế được định hướng là đô thị di sản - tâm nhìn phát triển đô thị của chính quyền hiện nay.

Quy hoạch đô thị thường chỉ chỉ phối bình diện ngang, ít chỉ phối không gian ba chiều, lại càng không có ý nghĩa trong việc định đoạt diện mạo và chất lượng thẩm mỹ kiến trúc đô thị, càng không tạo cảm nhận vật liệu tạo hình.

Người thực thi thiết kế đô thị là một kiến trúc sư trưởng và một nhà quản lý kiến trúc đô thị - cả hai đều thiếu vắng ở đô thị nước ta. Thiếu uy lực của một bàn tay nhà quản lý, thiếu cá tính của một kiến trúc sư - nhạc trưởng, chỉ huy dàn nhạc kiến trúc đô thị. Cơ chế tổ chức tương như hoàn hảo không thể thay thế cho những người cầm trịch.

Những sự thiếu vắng ấy càng nhận ra, khi ngay ở Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, chúng ta có thể nhận ra một tòa nhà hoặc vài ngôi nhà đẹp, song chúng ta không thể tìm ra một dãy nhà đẹp, một tổng thể kiến trúc đẹp, một panorama đô thị ôn hòa.

Một vài ngôi nhà đẹp trên một phố không làm cho nó đẹp lên là bao nhiêu. Cả trăm ngôi nhà đẹp ở một thành phố không làm cho nó đẹp lên là bao nhiêu. Phố và thành phố chỉ đẹp thực sự, khi nó có được cái đẹp tổng thể. Cái đẹp tổng thể chỉ có thể có khi nó được trù liệu, được thiết kế.

Trong công cuộc cải tạo và xây dựng đô thị ở ta trong thập niên qua, thiết kế quy hoạch đã được thực hiện và có tác dụng trong việc xác định các định hướng phát

triển của từng đô thị, trong việc phân định chức năng các khu đất, đặc biệt là các khu trung tâm. Tuy vậy, vai trò của thiết kế đô thị trong quy hoạch đô thị nói chung mờ nhạt, hiệu quả về tổ chức không gian, về tạo dựng diện mạo và thẩm mỹ kiến trúc đô thị hết sức hạn chế.

Thành phố Thái Nguyên và thành phố Việt Trì, xây dựng mới cách nay vài chục năm, là những ví dụ điển hình lặp lại hoàn toàn mô hình phố - đường cổ truyền: chúng được triển khai dọc hai bên quốc lộ, kéo dài hàng chục cây số. Những chuỗi nhà to và nhỏ, cao và thấp, được đánh tới số vài nghìn. Điểm nhấn, điểm nút, quảng trường, khoảng trống - đều không. Lẽ lẽ những ngôi nhà nào đó có vẻ được thiết kế, song đô thị thì không.

Yêu cầu thiết kế đô thị

Thiết kế đô thị "từ đầu" cần phải đặt ra và giải quyết hai bài toán, ngoài quy hoạch theo cách hiểu thông thường, đó là kiến tạo những cơ thể đô thị được trù liệu để tiến tới hoàn chỉnh về mọi phương diện, trong đó cần đặc biệt quan tâm đến sự hiện hữu của mọi thành phần cấu thành nó.

Các công trình kiến trúc phải được sắp đặt trong trật tự không chỉ riêng về mặt bình đồ, mà chúng phải được gắn kết và phối hợp về mặt không gian, hình khối và diện mạo. Thiết kế đô thị "can thiệp" có đối tượng là kiến trúc không gian của đô thị hoặc toàn đô thị hiện hữu. Nội dung chủ yếu của thiết kế đô thị trong trường hợp này là cải tạo, hoàn thiện và phát triển tiếp nối.

Ba cấu thành cơ bản của thiết kế đô thị

Thiết kế đô thị liên quan tới ba cấu thành cơ bản: Công năng, trật tự, thẩm mỹ.

- Công năng là xuất phát điểm, là nguyên cơ, là cái cần đáp ứng để đảm bảo cho sự vận hành.

- Trật tự là tổ chức, là sắp đặt, là sự giải quyết cân bằng các mối quan hệ trong điều tiết, đảm bảo cho tính bền vững.

- Thẩm mỹ là sự hài hòa giữa công năng và trật tự, sự hài hòa giữa vi mô và vĩ mô, giữa kiến trúc và môi trường, giữa hai cái nói trên với con người và xã hội, là sự kiến tạo môi trường nhân văn của đô thị.

Đối với các đô thị đã tồn tại trong lịch sử, kiến trúc sư thiết kế đô thị bắt buộc phải tính đến ba thì: dĩ vãng, hiện tại và tương lai. Từ đó thiết kế đô thị phải đạt được những yêu cầu sau:

- Kiến tạo những cơ thể đô thị được trù liệu để tiến tới hoàn chỉnh về mọi phương diện, trong đó cần đặc biệt quan tâm đến sự hiện hữu của mọi thành phần cấu thành nó, như đối với các khu ở cần có các trục lộ, phố - cửa hàng, các thể loại kiến trúc, các không gian công cộng và dịch vụ, các quảng trường, vườn hoa và diện tích cây xanh hồ nước, các điểm nhấn đô thị, các phối cảnh và cảnh quan kiến trúc...

- Các công trình kiến trúc phải được sắp đặt trong trật tự không chỉ riêng về mặt bình đồ, mà chúng ta phải được gắn kết và phối hợp về mặt không gian, hình khối và diện mạo.

- Mỗi đô thị chỉ thực sự đẹp và hoàn chỉnh khi công trình kiến trúc lớn phải được đặt và thiết kế trong quần thể, khi các công trình kiến trúc thứ yếu khác phải được xây cất trong trật tự, lấy sự thống nhất về cơ bản để tạo nền về đẹp từ trật tự thẩm mỹ



Một đường phố khu vực trung tâm Đà Lạt cách đây chừng 50 năm về trước mang nét đẹp cổ điển, đồng bộ về kiến trúc. Ảnh: Sandy1618 - TS sưu tầm

đô thị.

Việc bổ sung vào không gian kiến trúc có sẵn các công trình mới không bắt buộc là chúng phải đồng dạng với kiến trúc cũ, mà có thể ở dạng ngôn ngữ trung lập hoặc ôn hòa, thậm chí tương phản. Đưa giải pháp thiết kế kiến trúc tương phản vào một cơ thể đã hình thành thường dẫn đến nguy cơ làm tan vỡ nó, song ở một số ít trường hợp, các kiến trúc sư tài năng đã thành công.

Ở Thái Nguyên nói riêng, và ở Việt Nam nói chung, thiết kế đô thị hiện nay chủ yếu là dưới dạng "can thiệp" nhằm giải quyết bức thiết yêu cầu cải tạo đô thị mà ở đó đòi hỏi phải giải quyết đồng bộ các công việc từ quản lý đô thị, kinh tế đô thị, đất đai cùng với việc thực thi hiệu quả tối đa của thiết kế đô thị.

Kết hợp hài hòa giữa lý luận và thực tiễn quy hoạch và quản lý đô thị trong thiết kế đô thị

Giờ đây chúng ta nói nhiều về thiết kế đô thị. Sự phát triển thiếu điều tiết chẳng những thách thức thể hệ chúng ta, mà còn có nguy cơ trở thành di sản nặng nề cho con cháu. Thực tiễn quy hoạch và quản lý đô thị hôm nay đòi hỏi tạo lập hai cơ sở mang tính nền tảng cho thiết kế đô thị:

- Nắm vững và hiểu rõ tình trạng của các đô thị từ các phương diện quỹ kiến trúc, đặc điểm tổ chức không gian và hình thái học đô thị, chất lượng kiến trúc thẩm mỹ... đồng thời đưa ra từ đó những giải pháp phù hợp cho thiết kế đô thị, vận dụng vào quy hoạch các đô thị mới và cải tạo các đô thị cũ.

- Làm chủ tri thức và khai thác tối đa các bài học rút ra từ nghệ thuật xây dựng đô thị kinh điển và hiện đại. Nếu kiến trúc công trình và công nghệ xây dựng đã tiến rất xa, thì nghệ thuật tổ chức không gian đô thị cho đến nay vẫn có thể kế thừa hầu hết các thủ pháp đã được nâng thành nghệ thuật từ các thời trước. Chẳng hạn, các thủ pháp về tổ chức và phân định không gian, tổ hợp các quần thể, chuyển hóa không gian, tạo lập phối cảnh và panorama, điểm nhấn và đường bao, nhịp điệu và sự lặp lại... Dĩ nhiên, cần kết hợp các tri thức của nghệ thuật quy hoạch kinh điển với các thành tựu của quy hoạch đô thị hiện đại.

Lúc này các nhà quy hoạch đô thị hầu như bị hút vào các dự án quy hoạch chung và quy hoạch điều chỉnh. Để hiểu, công cuộc đô thị hóa đang tăng tốc nằm ngoài sự tưởng tượng của chúng ta về tương lai cách đây vài thập kỷ. Song xây dựng đô thị mà thiếu thiết kế đô thị đặt trên những nền tảng văn hóa, thì chẳng bao giờ chúng ta tiến tới được những chốn đô thị ngăn nắp, tiện lợi, dễ sống và đẹp trong sự hòa đồng.*

Ảnh hưởng của Nho giáo trong Truyện Kiều

Trần Ngọc Hồ Trường

Truyện Kiều không chỉ chịu ảnh hưởng của các thực hành Đạo giáo và các triết lý Phật giáo. Nó còn chịu ảnh hưởng sâu đậm của Nho giáo. Các vấn đề quan trọng của Nho giáo là trời (mệnh trời, thiên nhân tương phó...), quý thần, tam cương ngũ thường, nhà Nho từ từ đều có mặt trong truyện Nôm hàng đầu này. Khảo sát các ảnh hưởng nói trên cung cấp thêm bằng chứng để xem xét các nhân vật, do đó bổ khuyết cho các quan niệm, cách hiểu lâu nay về chúng. Ảnh hưởng của Nho giáo ở đây còn cần phải được phân tích để tìm xem Nguyễn Du đã tiếp biến nó khác và giống Nho kinh ra sao. Có thể nói, tất cả các khía cạnh trong Truyện Kiều, đặc biệt là con người, quan hệ giữa chúng với nhau và với trời, với quý thần đều được nhìn từ góc độ Nho giáo. Các kiểu hình ảnh của nhà Nho cũng vậy, được Nguyễn Du nhìn từ con mắt Nho giáo nhưng theo cách riêng, trong quan niệm của thời đại ông.

Trời trong Truyện Kiều

Đối với Nho giáo (và Đạo giáo), trời là vị thần tối cao. Trời cùng với tổ tiên, vua, thầy là cội rễ của đạo. Do vậy mới có lễ tế trời, thờ phụng tổ tiên và thực thi đạo trời. Đó là các điển lễ. Các nhà Nho quan niệm, "người không lấy đạo thờ cha mẹ để thờ trời, không phải là người nhân" (1). Trời còn là cha mẹ, do đó, kính trời là luân lý. Trời ban cho con người nhân nghĩa lễ tín. Theo mệnh trời là hạnh phúc, trái lại là đau khổ. Trời theo Nho giáo, công chính, ngăn trở kẻ cường bạo. Trời kiểm ái (thương hết thấy), phi công (không tấn công) và bảo trợ kẻ có nhân nghĩa. Trời toàn trợ các cội, quán xét khắp chốn. Trời có ý thức, có chí khí, mặc định muôn sự. Trời có tính cách, nhân cách, có hình khí, có thái độ, biết quán sát thiên địa ở cõi đời. Dựa vào hành vi, tâm đức của con người mà trời bảo trợ hoặc trừng phạt, tức là "thiên địa phúc thiện họa dâm" (đạo trời ban phúc cho kẻ thiện, gieo họa cho kẻ ác). Kẻ thiện là kẻ giữ cương thường, kẻ ác là kẻ coi thường cương thường. Trời luôn công bằng, có lòng nhân. Con người chỉ nên thuận theo mệnh trời, không oán trách (bất oán thiên).

Đó là quan niệm về trời của Nho giáo. Tuy nhiên, trời trong Truyện Kiều có các sai biệt. Truyện Kiều mang quan niệm "thiên nhân tương phó", "thiên nhân cảm ứng". Trời theo đó, luôn có các ứng đối đối với hành vi của con người. Nếu con người thiện thì trời cho âm - dương thuận hòa, nếu con người ác thì âm - dương bất hòa. Các hiện tượng tự nhiên lạ lùng, các tai dị, các kiểu thời tiết bất định, không theo quy luật... là các cách biểu hiện, cho biết trời cảm ứng với người. Trong Truyện Kiều khi Kiều ra đi trong đau khổ thì "Trời hôm mây kéo tối rầm", "Bạc phau cầu gió, đen rầm ngàn mây". Trời trở nên đen tối, như giận dữ với kẻ gây tai họa và như đồng cảm, thông hiểu số phận người bị đẩy dụa. Trời cũng



Ảnh minh họa (Nguồn: internet)

Tan sương đầu ngõ, vén mây giữa trời. Thế nhưng trời cũng xô xiên, gây dấy dứt: Trời làm chi cực bấy trời/ Vì ai vu thác cho người họ tan. Trời bất nhân, "giày tía vò hồng": Hóa nhĩ thật có nữ lòng/ Làm chi giày tía vò hồng lấm nao. Trời quyền năng, không ai có thể kháng cự, trốn tránh được sự đặt định của ông ta: Biết thân chạy chẳng khỏi trời/ Cũng liều mặt phấn cho rồi ngày xanh. Trời đổ kỳ với tài tình, tài sắc: Nghĩ đời mà ngán cho đời/ Tài tình chi lắm cho trời đất ghen. Trời làm cho tài sắc đảo điên, bầm dập: Hồng quân với khách hồng quân/ Đã xoay đến thế, còn vãn chưa tha. Hơn thế, rui may "âu cũng sự trời"; trời chưa ban phép thì khó lòng có thể làm được gì: Người đầu muốn quyết, trời nào đã cho... Trời như vậy, đa nhân cách, đa diện, phức tạp, khó hiểu, bất thường, chứ không chỉ là ông trời quang minh chính đại. Đặc biệt, trời gây khổ đau cho tài sắc. Trời như vậy, bất công với tài sắc, hiếu trung. Trời của Nguyễn Du, của người Việt, do đó khác với trời trong Nho kinh và trong niềm tin của Nho gia. Trời do đó, không chỉ có nhân mà còn bất nhân. Hình như đối với kẻ tài sắc, khác người, hơn đời, sự bất nhân, bất công trời dành cho họ là khó tránh khỏi. Tài sắc, do đó, theo Nguyễn Du, đã hoàn toàn cô độc, không còn biết kêu thần, cậy nhờ vào đâu.

Đây chính là nỗi đau lớn nhất của con người thời trung đại, trong các xã hội ngập tràn kẻ ác. Tuy vậy, Nguyễn Du vẫn có niềm tin ở trời. Theo ông, đó là đáng sắp đặt, lập trình muôn sự ở miền nhân gian, miền nguyệt hoa, can thiệp, chỉ phối số phận con người, cho nên kết thúc Truyện Kiều, nhà thơ nói: Cho hay muôn sự tại trời. Tuy nhiên, các nhân vật Truyện Kiều và Nguyễn Du vẫn nghi ngờ rằng, có ông trời toàn trị nhưng không công tâm. Từ đó, nhà thơ và các nhân vật nói tới khả năng của con người: Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều; Có trời mà cũng có ta. Và sự thật, các nhân vật tài sắc, bằng luận lý và tài năng của mình, đã ít nhiều tìm được hạnh phúc. Đây là mạch ngầm của tư tưởng nhân văn ngợi ca năng lực của con người trong Truyện Kiều, nhấn mạnh quan điểm "việc người là gốc" (nhân sự vi bản). Sự bất công của trời là một trong các nguyên do đưa đến những suy nghĩ về cái phi lý. Phi lý trở thành một chủ đề quan trọng trong Truyện Kiều. Chủ đề này đề cập đến những cuộc đời, những số phận trái ngược với logic và các quy luật thông thường. Nhân sinh do vậy, được cảm nghiệm, bàn luận ở góc độ của cái phi lý. Với Nguyễn Du, đời điên đảo, khổ hận là do nó phải vận hành không theo các nguyên lý thông thường mà phải theo các thể thức bất quy tắc. Trời đã hoạch định số phận con người một cách trái ngang, vô lý.

Quý thần trong Truyện Kiều

Quý thần, theo Nho giáo, là tinh linh, tinh thần của kẻ đã khuất, đặc biệt là của kẻ có công đức. Quý thần cũng còn được coi là linh diệu của khí âm dương. Quý thần có chức năng thưởng phạt. Đó là thường kẻ có nghĩa, phạt kẻ bất nhân bất nghĩa. Quý thần được tế rất trọng hậu, vì chúng thuộc ba cột trụ trong điển lễ (hai cột trụ kia là trời và tông miếu). Tế quý thần để cầu xin phúc báo. Phạm tội với quý thần bị xem là lớn hơn tội sát nhân. Thờ kính quý thần là biểu hiện của lễ, do đó phải thành kính, nghiêm cẩn. Kẻ được quý thần phù giúp là kẻ lương minh, không trái ngược với thiên địa, giáo truyền của đạo. Người ta chế tác lễ nhạc cũng để thờ tế quý thần. "Tế thần phải như thần đang ở trước mặt" (Tế thần như thần tại). Nguyễn Du có quan niệm khác. Ông không coi chỉ có kẻ có công huân, đức hạnh, phẩm tiết sau khi chết mới hóa sinh thành quý thần. Đạm Tiên là thần ma. Kiều gọi

giác mộng gặp Đạm Tiên là "thần mộng" (giác mộng gặp quỷ thần). Đã là thần ma nên Đạm Tiên mới "hiển linh" và ngu ở "mê tây thiên". Đạm Tiên "nổi danh tài sắc". Nguyễn Du nói: "*Kiều rằng: Những đấng tài hoa / Thúc là thế phách, còn là tinh anh*". Cái "tinh anh" ở đây chính là diệu khí tự thành quý thần. Như vậy, cái "tài hoa", "tài sắc" mà "bạc mệnh", có số phận "mong manh", khi qua đời cũng có thể trở thành quý thần. Do đó, linh khí thể tài sắc không tiêu tan mà thành quý thần, có thể hiển hiện để loan báo tương lai cho kẻ đồng thanh khí. Đây là quan niệm mới, khác lạ, bổ sung thêm cho quan niệm về quỷ thần của Nhà giáo. Khi tài hoa đến đây có thể sánh ngang với những kẻ có võ công văn võ đức trên cõi đời. Đặc biệt, đối với riêng giới tài tử, họ là thần linh đáng kính trọng và gần gũi nhất. Đối với người Việt, ở vùng/ miền/ thành/ làng nào cũng có các vị thần cai quản, đặt tại. Người ta thì hoạn nạn, dịch bệnh, mất mùa, hạn hán, thủy tai... đều do quỷ thần bị xúc phạm gây ra. Quỷ thần linh thiêng là thế, cho nên phải lấy "lòng thành"(2) để cúng tế. Thế mà trong Truyện Kiều, Bạc Bà, Bạc Hạnh lại bất kính, giễu cợt, xúc phạm quỷ thần bằng cách bày trò tế cúng: *Một nhà dọn dẹp linh đình/ Quét sân, đặt trầu, rửa bình, thấp nhang/ Bạc sinh quỷ xuống với vầng/ Quà lời nguyên kết Thành hoàng, Thờ công*. Suo mần kịch đối trả này, Bạc Hạnh bắt Kiều cho hành văn. Trong khi đó, đối với người trung đại, mặt trăng, mặt trời là các vị thần. Các vị này được cúng tế nghiêm cẩn, như khi tế tự núi sông, tổng miếu. Mặt trăng và mặt trời được xem là tai mắt của trời, có chức năng quan sát, soi chiếu, là phương tiện thể hiện ý trời, như làm nhân thực, nguyệt thực chẳng hạn. Mặt trăng và mặt trời thuộc tam quang (cùng với sao), là thiên thần. Mặt trời được gọi là thần đại minh, mặt trăng được gọi là thần đại minh. Thế mà, cũng như Bạc Hạnh, Bạc Bà, Tú Bà và Mã Giám Sinh đã xem thường, dúi trả, đùa cợt, khinh khi thần mặt trời, mặt trăng, Tú Bà thì thốt: *Mai sau ở chẳng như lời/ Trên đầu có bóng mặt trời rọi soi*, còn Mã Giám Sinh thì quả quyết: *Mai sau đâu đến thế nào/ Kia gương nhật nguyệt soi vào quỷ thần*. Trên thực tế, ai cũng biết họ hành xử như thế nào với tài sắc và kết cục, họ bị trừng phạt ra sao.

Nhà Nho trong Truyện Kiều

Nhà Nho là một kiểu loại nhân cách có thể được nhìn bằng công thức. Họ sợ mệnh trời, lời thánh hiền. Họ giữ đạo, tu tâm để không hổ thẹn với thiên địa, đồng loại cũng như ra công báo vệ đạo thống, tôn ti ở đời. Họ có đức, trần phủ đạo cương nội thường, dốc lòng gìn giữ chúng cho mình và cho tha nhân. Họ quan tâm tới nhân tài thế đạo, an trí loạn lạc và quốc kế dân sinh. Họ luôn muốn giúp đời cứu thế, giáo hóa dân chúng, coi chúng như sự mệnh của mình. Họ gắng sức để cách vật trị trí, thành ý chính tâm, họ

tế, trí, binh, au lo cho sự an nguy của vua, quốc gia. Họ gắng sức học hành để đỗ đạt, ra làm quan, phù giúp đời để làm vinh cha mẹ và bản thân. Họ xem công danh, chức vị, tiền tài là những cái đáng được truy cầu. Thế nhưng, nhà Nho trong Truyền Kiều, ở đây là Kim Trọng và có thể còn có cả Thúc Sinh, khách viễn phương... lại thuộc mẫu hình khác, là tài tử. Họ chỉ chú trọng và được đánh giá cao ở "tài và tình" (3). Tài tử, theo Nguyễn Du, phải đẹp trai "phong tu tài mạo tốt vời", phong tình, nổi tiếng bởi tài năng văn chương, thích thú, ưa chuộng cầm kỳ thi họa, thuộc dòng tộc có truyền thống. Đặc biệt, tài tử coi tình yêu là mục đích, cái lớn nhất trong cuộc đời, chứ không phải công danh, kinh sử, vua và triều. Họ tìm đến người đẹp. Khi họ gặp nhau thì "Một vùng như thế cây quỳnh cành dao". Tài tử coi sắc đẹp là tiêu chí, sau đó mới nói đến phẩm hạnh khi yêu. Đạo khổ lớn nhất đời tài tử, không phải là không đạt được công danh mà là do tình yêu bị chia xa, ngăn trở. Tài tử khi yêu bất chấp các quy phạm thông tục, như quy phạm về trình tiết chẳng hạn. Họ yêu chỉ vì yêu. Kim Trọng yêu đương đến mức bỏ bê phận sự là học hành, đời sống cực nhiều lần và còn có cả việc "Rất tâm treo an tử quan". Tài tử còn coi tiền bạc là rở rúng. Điều này thấy ở Từ Hải và Thúc Sinh. Tuy coi tình yêu là lớn lao, là mục tiêu cuộc đời nhưng tình yêu của tài tử thường đau khổ. Cuộc đời quá là hà khắc với tình yêu tài tử - giai nhân. Điều này là phổ biến. Đời không dung tha, bồi đắp cho tình yêu đó. Thời trung đại, có lẽ những gì vượt ra ngoài khuôn phép đều bị đời trừng phạt. Mạnh Tử cũng nói, tình yêu không do cha mẹ đặt định, tự tìm đến nhau, sẽ bị "người trong xã kình thị" (4), do tập đức "Châu Trần còn có Châu Trần nào hơn". Có lẽ do xã hội trung đại là xã hội của trật tự, đẳng cấp, bầy đàn, có thể thống nhất những ai không tuân theo trật tự đó đều bị coi là kẻ xúc phạm đạo thống, nên phải chịu tội biến. Tình yêu tài tử cũng là hành động xâm phạm tôn ti trật tự. Tài tử dù da đoan, diêm tĩnh, hay ngôn tình bằng thơ văn, thích tự do yêu đương nhưng họ cũng là những cá nhân bị xã hội quy định. Kiểu và các nhân vật tài tử còn có vị quan thanh, nhàn nhĩa. Như vậy, có hai mặt trong nhân cách của họ. Đó là vừa da tỉnh, da tài, yêu đương phong hoa nguyệt lại vừa trong luân lý, đạo đức Nho gia. Hai mặt này đi song hành, chế định lẫn nhau. Không có tài tử tới hạn hay nói khác khác, không có sự phiến diện, đơn tiết trong nhân cách tài tử.

Trong Truyện Kiều, nổi tiếng là một trong các tiêu chí của tài sắc. Kề tài sắc phải được biết đến, được truyền tụng, tên tuổi phải được lan truyền khắp các vùng miền, chí ít là trong giới tài tử. Tài danh của họ là “danh bất hư truyền”. Đạm Tiên được nói là “nổi danh tại sắc một thì”, Kiều thì danh tiếng “thơm nức hương lân”. Kiều cũng nổi danh trong “Cầm điệu”: “Nghe nổi tiếng cầm điệu/ Nước non luống những lắng tai Chung Kỳ”. Trong Truyện Kiều, danh tiếng của tài sắc là danh thơm, tiếng thơm. Tài Sinh và Từ Hải tìm đến Kiều bởi nghe “tiếng Kiều nhi” và “Bấy lâu nghe tiếng má đào”. Tuy nhiên, Kiều không chỉ có tài sắc. Nàng còn là và quan trọng là người phụ nữ trung thàn, hiếu hòa, hiếu thảo, nghĩa tình và nhân ái với nhân sinh, gia đình. Tài sắc và các phẩm hạnh này làm nên chân dung nàng. Cần nhìn nhận từ hai học phần này, từ đó, sẽ thấy nàng là

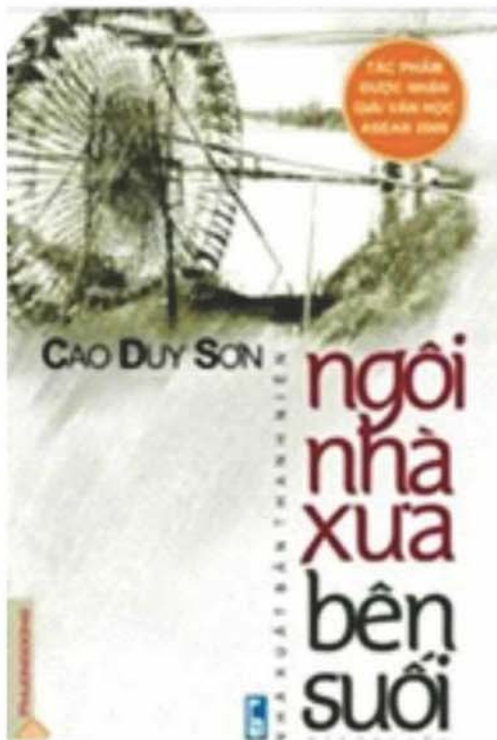
người phụ nữ Á Đông, có nhan sắc và đức hạnh. Nàng được "Thường vi hạnh, trọng vi tài" là vậy. Trong các chủ đề của Truyện Kiều, có chủ đề luân lý. Nguyễn Du ca ngợi, thương xót, đồng cảm với Kiều trước hết bởi nàng là hình mẫu của luân lý. Thế ông, kể về luân thường sẽ có trọng lại, kể bất hạnh sẽ bị trừng phạt. Điều này thấy ở kết thúc tác phẩm. Bằng luân lý, nhân vật trung tâm của ông đã vượt qua các đại nạn. Luân thường là khuôn mẫu cho các hành xử trong cuộc đời của Kiều. Truyện Kiều không thuyết minh cho luân lý. Luân lý ở đây có tính luận đề, là luân lý của người Việt, trước khi là luân lý của Nho gia. Một phần của nó tồn tại ở mọi thời đại. Nhân vật tài sắc, có đức hạnh của Nguyễn Du đau khổ là do sự xung đột luân lý của ta nhân. Ông gọi Bạc Hạnh là "mặt bạc", Sở Khanh có "mặt mọ", kẻ bán ta là "tên xung xuất"... Sự xung khắc giữa tài sắc và những kẻ như thế đã để lại nhiều hậu quả nặng nề về tinh thần cho tài sắc. Thời trung đại là thời của tam cương ngũ thường. Kẻ tuân thủ chúng thì được ca tụng, kẻ xúc phạm chúng bị khinh thị. Dù phần nào phá vỡ các chuẩn mực truyền thống, làm hình thành nên các nhân sinh quan mới mẻ nhưng tài tử luôn bị luân lý ràng buộc. Dù chuộng thi họa, say đắm yêu đương, thích du lãm, thích rượu, khinh đời, coi đời là phù sinh, danh lợi là phù danh, phú lợi nhưng tài tử vẫn là kẻ tuân theo luân lý.

Nhân vật đại diện cho văn hóa, học vấn thời trung đại của nhà Nho. Họ thuộc giới tinh hoa vì có tri thức, hiểu biết. Trong con mắt của nhân sinh, trong đó có phụ nữ trẻ, họ được trọng vọng, nể nang. Kim Trọng là "văn nhân", Thúc Sinh thì thuộc "nội thư hương"; đến như Sở Khanh cũng với vẻ "họa văn", "áo khăn dịu dàng", đóng giả là Nho sĩ, đến như Kiều lần lần, tưởng như "cùng mạch thư hương". Đặc biệt, Mã Giám Sinh cũng tự đề cao mình, cho mình là danh giả, bằng cách xưng tên là Mã Giám Sinh (*Hồi then, rằng: Mã Giám Sinh*). Giám sinh là học trò, Nho sinh. Đối với nhà Nho, kể có học phải có khuôn phép từ lời ăn tiếng nói cho đến trang phục, đi đứng, suy nghĩ, hành động, ứng xử phải có lễ. Thế nhưng hành vi, cử chỉ, lời nói, cách ứng xử của Mã Giám Sinh không tương hợp với danh phận. Ông nay gần đời, đưa cả "danh thiếp", "kiểu hoa", "quận huyên" (dân số) đến rước Kiều. Đây quả là một màn kịch bầy bán, con toán toán. Mã Giám Sinh như vậy, đã phi bành giới hạnh nhà Nho, trong đó có cả việc lừa đời quý thân nhà đó.

Là nhân vật của luân thường, Kiều mang mặc cảm về sự bất hiếu, bên cạnh mặc cảm của bậc mệnh, mặc cảm về trình độ và mặc cảm cho rằng đời mình đã hoàn tất. Kiều thường xuyên ca thán: *Công chu nghĩa me kiếp nào trót xong; Đường sinh đời ọt tót trơ chưa đến; Tóc trơ chưa chứt đến ơn sinh thành...* Kiều bởi vậy, hàm ơn cha mẹ, coi báo đáp cha mẹ là món nợ, là trách nhiệm cao cả, đương nhiên. Khi cha mẹ báo đến, Kiều đau khổ, dằn vặt, day dứt. *"Lâm cơn trước phải đền ơn sinh thành"* là suy tư của Kiều. Kiều coi trọng dấn thân, ở đây là phận làm con. Do đó, nặng cho mình phải coi phận sự trãi hiếu, như thế mới đúng với phận vị. Đối với Nho giáo, hiếu là "thiên địa chi nhân nghĩa" (nghĩa của trời đất). Hiếu là cội nguồn của nhân. Hiếu là thờ kính, thương yêu cha mẹ, lập nghiệp, lập thân, không chi cho mình mà còn để làm hiển vinh cha mẹ, không được hủy hoại thân thế cha mẹ cho...

(Xem tiếp trang 27)

Đôi điều trao đổi về vấn đề địa



Ảnh minh họa (Nguồn: internet)

Là người sáng tác, ai cũng biết rằng, những vật liệu đầu tiên gom nhặt để làm nên câu chuyện - nó chẳng xa lạ ở đâu, mà ở chính quanh mình, ở chính mảnh đất quê hương mình.

Xin nêu một vài ví dụ về các nhà văn nổi tiếng mà mảnh đất quê hương và tác phẩm đã làm nên một thương hiệu của họ.

Nhà văn nổi tiếng Trung Quốc Mạc Ngôn đã từng giành giải thưởng Nobel văn học. Vùng Cao Mật quê ông là một vùng đất nhỏ bé, nghèo khó thuộc tỉnh Sơn Đông. Vậy mà tất cả các tác phẩm của Mạc Ngôn về đề tài nông thôn, dù viết về quá khứ hay hiện tại đều về vùng đất Cao Mật. Tác giả Nguyễn Văn Hùng khi nghiên cứu về điều này đã viết (trên tạp chí Văn nghệ quân đội): "Ông có quan niệm nhà văn phải có mảnh đất của riêng mình, nơi họ gieo những con chữ để gặt những phận người". "Nó không chỉ là một chỉ dẫn địa lý mà là một khái niệm văn học, một hoàn cảnh văn học". Từ cảnh thật,

sự việc thật ở Cao Mật, ông đã "huyền thoại hóa những cảnh thật thành những miền không gian vừa thực, vừa ảo, vừa gần gũi, vừa linh thiêng. Tiểu thuyết hóa những con người bằng xương bằng thịt nơi đây thành các nhân vật giàu sức sống và ám ảnh".

Đã có giai thoại rằng khi tác phẩm "Cao lương đỏ" của ông ra đời và được dựng thành phim, người ta đã lũ lượt kéo nhau về chiêm ngưỡng vùng quê Cao Mật. Rất nhiều người thất vọng vì không tìm được ra cảm xúc như quang cảnh họ đọc trong tiểu thuyết của ông. Đây phải chăng chính là sự gần bó máu thịt, sự giàu có về trí tưởng tượng và tài hư cấu để mảnh đất Cao Mật của ông có một dấu ấn đậm sâu, linh thiêng như thế?

Với các nhà văn Việt Nam cũng có những điển hình này. Nhà văn Cao Duy Sơn và nhà thơ Y Phương là một ví dụ. Mảnh đất Cô Sơn ở Trùng Khánh - Cao Bằng là quê hương sống và cũng là quê hương văn học trong tác phẩm của các ông. Các tác phẩm làm nên tên tuổi hai ông đều gần bó với nơi này.

Tôi chỉ xin nêu hai tập sách xuất sắc nhất giành nhiều giải cao của hai ông. Nhà thơ Y Phương nổi tiếng với tập tản văn "Tháng giêng, tháng giêng - một vòng dao quắm", nhà văn Cao Duy Sơn với tập truyện ngắn "Ngôi nhà xưa bên suối". Hai tập sách đều gần chung với mảnh đất Cô Sơn, tất nhiên cảm xúc và sự thể hiện khác nhau. Mảnh đất Cô Sơn trong tản văn của nhà thơ Y Phương âm ỉ những hình ảnh qua cách dùng từ đầy mê hoặc, sáng tạo mà nó được bật ra từ tình yêu thương, gần bó máu thịt với mảnh đất này của ông. Cả một miền văn hóa đặc sắc, riêng biệt hiện lên lung linh với một cách thể hiện cũng rất riêng biệt. Những tác phẩm của nhà văn Cao Duy Sơn như *Người lang thang*, *Người săn gấu*, *Cực lạc*, *Ngôi nhà xưa bên suối*, *Đàn trời*, *Hoa bay cuối trời*... dù ở thể loại nào, viết ở đâu, với tình huống nào thì người ta vẫn nhận ra không gian và hồn vía ở miền đất Cô Sơn. Như vậy, tuy ở các thể loại khác nhau nhưng hai nhà văn đều có chung quê hương văn học cho tác phẩm của mình và điều đó góp phần làm nên tên tuổi hai ông.

Trở về với những người viết ở Thái Nguyên.

Tôi là người viết mới nên chỉ có vài tập truyện ngắn ra đời. Điếm lại mấy chục truyện mà chẳng có truyện nào có tên thật một địa danh ở Thái Nguyên. Nhìn lại những người có hàng trăm tác phẩm như nhà văn Hồ Thủy Giang, nhà văn Phạm Đức, Bùi Thị Như Lan, Nguyễn Văn hay một số người viết đã quá cố như bác Trần Quang Toàn, Ngô Quang Tôn cũng

thế. Rồi những bạn viết thân thiết hiện giờ như Bùi Nhật Lai, Minh Hằng, Phan Thái cũng vậy. Vậy vì sao lại có hiện tượng này?

Điều đầu tiên tôi cho là nguyên nhân chủ quan của người viết. Họ muốn không gian truyện mang tính phổ quát rộng rãi chứ không bị bó hẹp ở một địa phương. Một điều nữa là tác giả tránh sự nhạy cảm, phiền hà khi tác phẩm được công bố. Còn điều này tôi cho là yếu tố chủ yếu nhất, đó là người viết chưa đủ yêu, đủ ngắm, đủ ám ảnh, đau đầu, đủ tài năng để xây nên một quê hương văn học cho riêng mình. Không phải cứ muốn ghi tên địa danh thật vào tác phẩm nào cũng được. Địa danh chỉ có trong truyện khi nó là xuất phát điểm của cảm hứng để mọi từ truyện được hiện lên từ đó. Hay nói cách khác, từ truyện cứ phải quay về mảnh đất ấy thì cảm xúc người viết mới thăng hoa, phát triển. Việc này nó còn liên quan đến cả đề tài được viết. Đề tài ấy đã gần bó sâu nặng với cuộc đời tác giả. Mọi hư cấu trong truyện đã có một đời sống thực ẩn sâu vào tiềm thức tác giả cả một quá trình. Nên có tên địa danh trong vài tác phẩm không phải đã là có quê hương văn học. Quê hương văn học chỉ có khi hồn vía, không gian, đặc điểm cuộc sống con người nơi đó luôn hiện hữu với mọi góc độ của tác giả.

Có người cho rằng nhà văn Bùi Thị Như Lan đã có quê hương văn học trong tác phẩm. Tôi lại cho là các tác phẩm của chị chuyển về đề tài miền núi chứ chưa phải có quê hương văn học. Đọc truyện của chị ta có thể nhận ra không gian, tâm lý nhân vật của cả miền núi vùng Đông Bắc chứ không riêng cho một địa danh nào.

Vừa qua tôi thấy xuất hiện nhà văn Nguyễn Đức Hạnh đã có nhiều dấu ấn địa danh ở Thái

Y Phương

thằng giềng
thằng giềng

MỘT VÒNG
ĐẠO QUẮM

Trần Văn

HOÀNG ANH

HOÀNG ANH

HOÀNG ANH

Vừa qua anh vừa cho in tập truyện ngắn đầu tay "Tiếng chuông chùa Từ Đàm" với 18 truyện mà phần lớn có địa danh ở Thái Nguyên. Như vậy, trong các nhà văn ở Thái Nguyên, có lẽ Nguyễn Đức Hạnh là người đầu tiên ở Thái Nguyên đưa địa danh thời vào hầu hết các truyện ngắn đã xuất bản của mình. Liệu nhà văn đã khẳng định được học hươg văn học cho mình chưa thì còn phải đợi các tác phẩm tiếp theo của nhà văn trả lời. Nhưng tôi nghĩ làm được như vừa của cũng là người đi đầu ở Thái Nguyên đưa địa danh thời vào tác phẩm.

Trên đây cũng chỉ là những trao đổi mang
thiện nghĩ cá nhân. Rất mong các bạn viết cùng
trao đổi.

“Ru một mình” tiếng vọng của

Hồ Thủy Giang

Theo quan niệm của Mikhail Bakhtine, nhà lí luận văn học Nga (1895 - 1975) “Thơ là tiếng nói độc bạch”, cũng có nghĩa, thơ là sự diễn tả một niềm vui, một nỗi buồn, một nỗi nhớ nhưng, một suy tưởng từ tác giả... thì thơ của Võ Thị Thu Hằng chính là vậy. Tập thơ “Ru một mình”, ngay từ cái tên đã như một xuất phát điểm cho nhân vật trữ tình từ đó “bước ra” để “độc bạch” cùng những “nỗi niềm” thuộc về bản ngã. Đó là những lời ru với thiên nhiên, với tình yêu... Nhưng thực ra, cuối cùng vẫn là sự hướng về tiếng ru của chính trái tim mình: “Ngủ đi nào, ngủ đi thôi/ hãy ru cho cạn những lời lặng im” (Ru). “Lời lặng im” là lời ru sâu thẳm của tâm trạng.

Võ Thị Thu Hằng là một cây bút trưởng thành từ một câu lạc bộ thơ (Câu lạc bộ Thơ lục bát tỉnh Thái Nguyên) - nơi thường chỉ là chốn vui chơi của những người yêu thơ, lấy thơ để thư giãn tâm hồn. Tuy đã viết tới vài trăm bài thơ, nhưng tập “Ru một mình” là tập thơ đầu tiên của chị. Từ thuở nhỏ cho đến tận khi trưởng thành, Võ Thị Thu Hằng đã từng phải lăn lộn kiếm sống, như bán nước với, nước chè rong ở các nhà ga thời bao cấp, rồi bán rau, hoa quả và nhiều nghề tự do khác. Có lẽ vì vậy mà thơ Võ Thị Thu Hằng nhiều nỗi buồn hơn niềm vui, nhiều nước mắt hơn nụ cười, nhiều nỗi lo toan hơn viên mãn, tròn đầy. Với thơ nói riêng, với văn chương nói chung thì “Cái vết” của tuổi thơ luôn hằn dấu và ám ảnh khó nguôi trong tâm lí con người.

Khá dễ dàng nhận thấy, hai chủ đề cốt yếu nổi lên trong “Ru một mình”, đó là nỗi niềm của tác giả trước thiên nhiên và với tình yêu đôi lứa.

Thiên nhiên trong con mắt của Võ Thị Thu Hằng là một thiên nhiên không lớn lao, to tát kiểu như thiên hà, vũ trụ hoặc hùng vĩ như sông dài, biển rộng, núi cao... mà là một thiên nhiên bé nhỏ, dường như cận kề ngay trước mắt, những thứ có thể đập trực tiếp vào da thịt, tâm hồn, trái tim con người. Đó là những sương, nắng, gió, mưa, bão giông, rét mướt; những xao động nhẹ nhàng của những cơn “Mưa giao mùa”, cơn “mưa mùa hạ”, “Mưa phố núi”, của những “Tháng Tư”, “Tháng Bảy”, của những “Rét Nàng Bân”, của “Cọ”, của “Lá”, của “Trăng”, của “Phố đêm”, của “Hoa xoan”, của “Bóng chiều”...

Thiên nhiên trong thơ Võ Thị Thu Hằng thường mang dáng vẻ mong manh như chính tâm hồn tác giả:

*Phố co ro trong đợt rét cuối mùa
Trăng mờ theo tiếng thở than của gió*

(Phố đêm)

Đôi khi, tác giả để nỗi trống trải của tâm hồn

minh hòa trong nỗi thương nhớ vu vơ cùng cây cỏ:

*Ai ơi có nhớ ta không
Cỏ khâu lên gió bão đông qua rồi*

(Hoa cỏ may)

Cũng có lúc, tả thiên nhiên nhưng chính là tả nỗi cô đơn của mình:

*Khi chiếc lá cuối cùng của mùa thu ra đi
Cây cứ ngỡ cô đơn sẽ mãi là duyên phận*

(Hồi sinh)

Một điều khá đặc biệt, cứ mỗi khi nhắc đến mưa là tâm trạng tác giả lại trở nên ủy mị và đầy huyền cảm. Qua tập thơ, ta như cảm thấy được một thiên nhiên mưa nhiều màu sắc: mưa bay, mưa chơi vơi, mưa nhạt màu, mưa dầm dìa, mưa nhạt nhòa, mưa bất chợt, mưa tình nghịch, mưa nhảy nhót, mưa lặng thinh, mưa nghiêng chiều, mưa óa vờ, mưa pháp phồng, mưa đuổi theo nhau, mưa vỡ từng hạt nước, mưa quên ướt tóc, mưa rơi như nước mắt, mưa ướt cả ngọt ngào, mưa gầy, mưa giận hờn, mưa uốn cong lời hẹn... Cả một seri mưa. Những giọt mưa muôn hình muôn vẻ như rơi ướt từng trang sách. Võ Thị Thu Hằng đã đem đến cho độc giả một thiên nhiên mưa đẹp và buồn. Và, hình như chỉ trong mưa, tâm hồn tác giả mới được đánh thức, khai mở, mới có sự xui khiến vô hình nào đó để có thể nhìn thấy những điều mà những lúc bình thường khó nhận ra.

Với Võ Thị Thu Hằng thì nước mưa không phải là thứ không màu, không vị bay lất phất hoặc ào ạt trong trời đất mà là nước mắt trong đêm:

*Giọt giọt rơi rơi như nước mắt
Thầm thì trong đêm vỡ từng hạt nước*

(Mưa giao mùa)

Mưa là kỉ ức, là những hoài niệm về những gì đã và đang mất trong đời người:

*Bỗng dưng nhớ ngày xưa da diết
Mong một lần nghe lại tiếng mưa xa*

(Mưa giao mùa)

Trong những giọt mưa thừa thải đầy trời đất kia nhưng dường như vẫn thiếu một tiếng mưa xa của một thời xưa cũ. Có những nhà thơ khi cầm bút thường nặng lòng với sông, với núi, với cánh đồng, với bóng đa, bên nước làng quê... còn Võ Thị Thu Hằng thì nặng lòng với mưa như vậy.

Một điều khá lạ trong thơ Võ Thị Thu Hằng là cứ mỗi lần xuất hiện những cơn mưa là dường như lại có sự ám ảnh trong từng nhịp đập của con tim. Đó không còn là những cơn mưa thiên nhiên nữa mà là mưa tâm trạng. Có thể nói, có một thiên nhiên mưa đầy huyền cảm trong thơ Võ Thị Thu Hằng.

Điểm nhấn thứ hai của tập thơ là nỗi niềm của tác giả trước tình yêu.

Tình yêu trong thơ Võ Thị Thu Hằng cũng yếu đuối và mong manh như khi viết về thiên nhiên. Tình yêu vốn đã bất an, nhưng với Võ Thị Thu Hằng thì sự bất an còn tăng lên gấp bội. Rất nhiều bài thơ, câu thơ trong tập, cả trong ý thức và vô thức như đã dự cảm một cuộc chia li, một sự tan vỡ khó tránh khỏi. Nói một cách khác, sự tan vỡ như đã ếm vào, tan vào từng phút giây hạnh phúc, nồng say:

*Đừng tặng em một nửa nụ cười
Một nửa biết đâu rơi mất
Chẳng ai dám chắc
Trái tim tưởng đánh rơi trong má
lúm đồng tiền.*

(Một nửa nụ cười)

Khao khát yêu, yêu nồng nàn nhưng nhiều khi chỉ là trong tưởng nhớ, trong cô đơn, vô vọng, trong kỉ ức đã tan phai trước thời gian:

*Em về bên góc ga cũ bồi hồi
Sân ga vắng còn em và chiếc bóng
Đợi tàu xưa mang trả về kỉ ức
Bao lâu rồi mình để lạc mất nhau*

(Ga cũ)

Tình yêu trong thơ Võ Thị Thu Hằng là tình yêu của xa cách, tình yêu chưa định hình mà đã thấp thoáng chia li:

*Quên đi nhé cái ngày xưa vụng dại
Người quay lưng xa cách tận cuối trời*

(Xin em đừng khóc)

Đôi khi những câu thơ buông ra như một tiếng thở dài:

*Giấu sau vành nón nụ cười
Hỏi rằng mai biết còn lời để trao*

(Trăng)

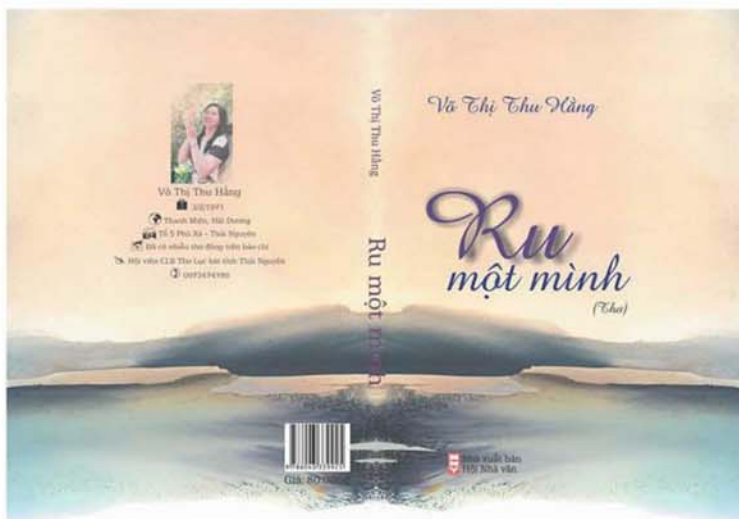
*Héo may héo cả nụ cười
Quay lưng tình đã rời còn đâu*

(Ừ thì đành thờ dài thôi)

Tình yêu vốn bình đẳng, luôn bình đẳng, những vẫn có một sự thật là trong sâu thẳm trái tim của người phụ nữ luôn tiềm ẩn một sự yếu mềm. Không khác được. Đối với phụ nữ, sự yếu mềm hình như đã có từ bản năng, từ vô thức. Thơ Võ Thị Thu Hằng hướng về tâm lí này. Dựa vào một thực tế sinh học, bộ não cá vàng chỉ có thể lưu lại trí nhớ trong bảy giây, qua bảy giây là quên hết, tác giả đã “ước” mình cũng có được bộ não như của cá vàng, để có thể nhanh chóng quên đi mọi phiền muộn (trong tình yêu). Chỉ có những người thường phải “nếm mùi” buồn đau trong tình yêu mới có sự ước

những nỗi niềm

(Đọc "Ru một mình" của Võ Thị Thu Hằng, Nhà xuất bản Hội Nhà văn, năm 2021)



ao nghiệt ngã như vậy. Bởi tình yêu đối với họ thật bất an, phía trước là mong manh, đổ vỡ. Họ không muốn sự khổ đau giầy vò con tim bé nhỏ, dễ tổn thương của mình, cũng là một cách trốn chạy. Nhưng nghĩ cho cùng thì đó cũng chỉ là những phút giây an ủi, tự ru mình:

*Chẳng còn anh
Em muốn giữ lại cho riêng mình một chút*

*Nhưng vốn con tim thường hay đau
Nên em ước sau bảy giây
Chúng ta chưa từng có thươc ban đầu*

(Ước)

Nếu như ở nhiều tác giả nữ khác đứng trước tình yêu thường giương cao ngọn cờ nữ quyền với một tâm hồn mạnh mẽ, quyết liệt thì với Võ Thị Thu Hằng, không thể nói khác, tình yêu trong thơ chị là một tình yêu ủy mị và si mê đến tận cùng, một tình yêu "chúng mình cần nhau như lá cây cần thổ", một tình yêu: "Ồ lạ thế, bài thơ trăm lời rế/ Rế ngả nào câu cuối vẫn là anh" (Đích). Hoặc là sự cam phận trước những mối tình đơn phương để ôm mãi nỗi tương tư: "Chỉ còn lại chút hạnh hao/ Của người xa ấc lạc vào tương tư" (Lạc). Xa hơn nữa, là sự đắm đuối đến mức vong thân vì tình yêu, chấp nhận cả

thói trắng hoa của bạn tình, để rồi, khi nào "một môi rồi thì về với em thôi":

*Thích vấy vũng thì anh cứ đắm say
Cứ đi tận cùng của đam mê khao khát
Khi nào môi một
Hãy tựa vào vai em*

(Một môi rồi thì về với em thôi)

Đọc thơ tình yêu của Võ Thị Thu Hằng có thể một số độc giả, đặc biệt là phụ nữ chắc khó có sự đồng cảm. Nhưng cái "tặng" tình yêu của Võ Thị Thu Hằng là thế. Tác giả không thể dối lòng, không thể đóng vai những người mạnh mẽ. Ấu cũng là một sự thẳng thắn, chân thành. Thì xa xưa trong dân gian cũng đã từng vọng tới hôm nay những câu thơ đầy xót xa, cam chịu: "Chàng ơi phụ thiếp làm chi/ Thiếp như cơm nguội những khi đói lòng". Tình yêu vốn muôn màu muôn vẻ. Cốt yếu là sự thành thật với chính mình. Hơn nữa, đó cũng là một "màu yêu", một sự "nếp mình" mà rất có thể lại chiếm được cảm tình không ít của phái mày râu.

Tình yêu trong thơ Võ Thị Thu Hằng là vậy. Giống như một lời ca cô đơn, giống như một giấc mơ hư ảo, một ác mộng, thấp thoáng qua những lời ru, mà cũng chỉ là "ru một mình".

Nhìn chung về thi pháp, thơ Võ Thị Thu Hằng nằm trong khu vực thơ truyền thống, chỉ chủ yếu lấy tình lấy tử cùng sự giải bày tâm trạng để bù đắp cho những gì chưa kịp vươn tới của sự cách

tân, hiện đại... Tuy nhiên, thẳng hoặc, ta cũng gặp được những câu thơ mang màu sắc gần gũi với thơ tượng trưng, siêu thực, tuy chỉ là tự phát. Ví như:

Em cố mượn tượng hình dung anh bằng nỗi nhớ

Nhưng không tài nào tô màu cho cho những đám mây bay

(Hồi sinh)

Hay:

Người đàn bà mặc áo màu đêm thăm thẳm đến nao lòng

Màu thời gian trên tóc cứ phai theo thương nhớ

Hình như trên áo có màu tro bếp

Hòa lẫn màu của tiếng thở dài trĩu nặng

(Người đàn bà mặc áo màu đêm)

Nhưng trong cả tập, ta cũng nhận thấy hai bài thơ (Ước và Người đàn bà mặc áo màu đêm) như một dự báo, như một tín hiệu ban đầu về sự cách tân của cây bút mới này. Nếu có sự trưởng thành hơn, độc giả hoàn toàn có thể kì vọng vào sự khởi sắc của Võ Thị Thu Hằng trên một hành trình mới.

Như đã nói ở trên, đây là tập thơ (gồm 52 bài) được chọn lọc trong vài trăm bài thơ của Võ Thị Thu Hằng. Nhưng có lẽ vốn là người làm thơ không chuyên, nên trong tập vẫn không tránh khỏi sự dễ dãi trong chọn lọc hình ảnh, từ ngữ... Tập thơ vẫn để lọt những câu thơ tầm tã, thậm chí hết sức thiếu tinh thần lao động nghệ thuật, như:

*Yêu nhau ai nở xa rời
Đừng để băng giá phai phôi thật thà*

(Vay)

Hoặc quen và nhạt:

*Hình như trời đã cuối xuân
Băng khuôn mưa bụi thưa dần, nắng lên*

(Cuối xuân)

Thế rồi đã sang sông

Trường xưa bạn cũ ai mong ai chờ.

(Thư mùa hạ)

Trong thời buổi thơ cùng các tập thơ ra đời như bướm bướm của ngày hôm nay, chọn được một tập thơ đọc được, một bài thơ sạch nước cần đã là một việc khó. Tập "Ru một mình" của Võ Thị Thu Hằng tuy chưa thật sự nổi bật nhưng là một tập thơ đáng được lưu ý. Nhất là nó đã đem đến cho độc giả một tình cảm đẹp, một vẻ đẹp hồn nhiên, có thể đánh thức tâm hồn con người bằng trái tim chân thành của tác giả.

Mẹ Sauvage

Guy de Maupassant (Pháp)

Dịch giả: Trần Ngọc Bian



Minh họa: Nguyễn Gia Đình

I.

Đã 15 năm rồi, tôi chưa trở lại Virelogne. Tôi sẽ trở lại đó để đi săn với bạn tôi là Serval vào mùa thu tới. Bạn tôi đã xây lại lâu đài bị bọn Phô tàn phá.

Tôi rất thích vùng đất ấy. Đó là một góc ngon lành của thế giới vì nó gợi lên mỹ cảm cho đôi mắt nhìn. Người ta yêu quý nó bằng tình yêu của con tim và trí óc. Chúng tôi ngắm nhìn vùng đất và bị nó quyến rũ. Chúng tôi có những kỷ niệm ngọt ngào với sông suối, rừng rú, ao hồ, đồi núi ở đó và mềm lòng vì những sự kiện hạnh phúc mà chúng tôi có nơi ấy. Chúng tôi nhớ có lần, vào một ngày đẹp trời, chúng tôi đã đến bìa rừng, đến bờ sông và những vườn cây đầy bông hoa và vào một sáng mùa xuân, chúng tôi đã gặp những người phụ nữ trên đường. Hình ảnh của họ lưu dấu trong tim chúng tôi. Họ mặc áo quần màu sáng và để lại trong tâm tư chúng tôi cảm giác khó quên sau lần chuyện trò.

Tôi yêu đồng nội vùng Virelogne, với cây cối lúp xúp, với các con suối chảy qua, giống như là các mạch máu của đất. Ở đó, chúng tôi câu tôm càng xanh, cá hồi và lươn. Tuyệt vời làm sao! Chúng tôi có thể tắm sông và luôn nhìn thấy những cô gái trẻ thơ ngây đang đùa nghịch trong đám cỏ cao trên bờ con sông hiền hòa.

Tôi thấy mình thanh thoát như một con dê, mắt nhìn những con chó sục sạo phía trước. Ở cách tôi 100 mét về bên phải, Serval đang càn quét đồng cỏ linh lăng. Tôi vạch đám cây lúp xúp để tới và phát hiện có một ngôi nhà tranh đã đổ nát. Tôi bỗng nhớ là tôi đã thấy ngôi nhà này lần cuối cùng vào năm 1869. Ngôi nhà khi đó có các dây nho bò lên và có những con gà mái đi lại trước cửa. Có nỗi buồn nào như nỗi buồn khi đứng trước một ngôi nhà đổ nát, trơ khung không?

Tôi cũng nhớ lại là vào một ngày rất mệt mỏi, người phụ nữ chủ ngôi nhà này đã mời tôi một ly rượu nho và Serval đã kể tôi nghe chuyện của gia đình bà. Chồng bà làm nghề săn bắn trộm và đã bị hiến binh giết chết. Con trai của bà tôi đã từng gặp đôi lần. Anh ta cao to, lạnh lùng và cũng là tay săn bắn thú rừng có tiếng. Người ta gọi gia đình bà là gia đình dã man. Đó là tên thường gọi hay biệt hiệu?

Tôi hú gọi Serval. Anh đang đuổi theo một con chim cao cánh. Tôi hỏi anh: -Tại sao người ta gọi họ như thế? Anh kể tôi nghe câu chuyện sau đây.

II.

Khi chiến tranh nổ ra, con trai của bà Sauvage được 33 tuổi và nhập ngũ, để mẹ anh ta ở lại một mình. Người mẹ già không thất vọng nhiều vì như người ta nói, bà có tiền.

Bà sống một mình trong căn nhà đã nói ở trên, xa làng xóm và sát bìa rừng. Và lại, bà không biết sợ vì dạng người già khẳng khiu, thô sấp như bà không biết vui và biết buồn. Hơn nữa, phụ nữ già nông thôn không bao giờ biết buồn vui. Đây là điều thật lạ! Họ thần nhiên, vô tư trước cuộc đời vốn buồn và không mấy sáng sủa. Người trong vùng ồn ào ở quán nước nhưng nét mặt của bà Sauvage thì luôn nghiêm trang. Khuôn mặt bà không bao giờ có nụ cười.

Bà Sauvage tiếp tục sống đơn côi trong ngôi nhà tranh thường bị tuyết phủ. Mỗi tuần bà vào làng một lần để mua bánh mỳ và thịt. Sau đó trở về ngôi nhà ọp ẹp. Để phòng chó sói, bà khoác trên vai cây súng trường sét gỉ của con trai bà và cầm trên tay một cây gậy. Bà bước đi chậm rãi trên tuyết, lưng hơi còng, mắt liếc ngang dọc, nòng súng chìa lên trên chiếc khăn trùm đầu màu đen dùng để che đầu và mái tóc bạc. Đây là loại khăn người ta giờ không còn thấy nữa.

Một ngày kia, quân Phô tới. Họ chia nhau ở trong dân, tùy theo khả năng của từng gia đình. Có bốn người lính ở tại nhà

bà Sauvage vì họ nghĩ bà giàu có. Đó là bốn người trai trẻ da dẻ vàng tươi, râu vàng, mắt xanh, mập mạp, ngay cả khi mệt mỏi do chiến trận và là bốn chàng tử tế, dù họ là kẻ chiếm đóng. Họ tỏ ra ân cần với bà, không hại bà, giúp đỡ bà nếu có thể, dù mệt mỏi và hao phí sức lực. Người ta thấy họ tắm gội ở giếng nước vào buổi sáng và nấu nước. Trong những ngày tuyết rơi dày, da họ có màu đỏ và trắng như người phương Nam. Trong khi đó, bà Sauvage đi tới đi lui lo nấu món súp. Người ta còn thấy họ dọn dẹp nhà bếp, cọ rửa sàn nhà, chế củi, lột vỏ khoai tây và làm tất cả các công việc nặng nhọc khác. Họ như là bốn đứa con trai đang vây quanh bà mẹ của họ.

Nhưng bà Sauvage không thôi nghĩ về con trai bà. Đó là đứa con trai mũi khoằm, mắt nâu, hàng ria mép dày, như một miếng đệm đen trên môi. Một ngày nọ, bà hỏi những người lính đang trú đóng trong nhà mình:

- Các anh có biết trung đoàn 23 Pháp đang hành quân ở đâu không? Con trai tôi ở đó.

Họ trả lời là họ không biết gì cả. Nhưng họ hiểu được nỗi đau của những bà mẹ có con ra trận nên càng chăm sóc bà nhiều hơn. Bà thương bốn chàng trai kẻ thù này nhiều. Người dân quê không có lòng căm thù. Lòng căm thù chỉ có ở tầng lớp trên. Những kẻ hèn mọn phải chịu thiệt thòi nhiều hơn, vì họ là những người nghèo. Các gánh nặng trên đời làm họ kiệt sức. Họ bị giết bằng búa tạ, là đích của đại bác. Họ là số đông phải hứng chịu sự tàn ác của chiến tranh, vì họ yếu ớt và ít có khả năng kháng cự. Họ không biết đến sự hy sinh chiến, danh dự không dễ bị kích động. Họ không nhân danh chính trị để đẩy hai quốc gia vào cuộc chiến đã 6 tháng. Với họ, kẻ thắng không khác kẻ bại.

Người trong vùng nói với bà Sauvage về những chàng trai Đức đang ở nhà bà: - Thế là bốn anh chàng này đã có chỗ trú ngụ!

Một sáng nọ, khi đang ở nhà một mình, bà mẹ già thấy ở đằng xa, trên đồng cỏ, có một người đàn ông đang đi về phía bà. Bà biết rõ, đó là người đưa thư. Anh ta trao cho bà một tờ giấy đã được gấp lại. Bà lấy kính đeo mắt trong chiếc túi bà may ra và đọc:

"Thưa bà Sauvage, xin báo cho bà một tin buồn. Con trai Victor của bà đã bị giết chết hôm qua vì một quả đạn cắt thân thể anh ấy ra làm hai phần. Tôi ở sát bên anh ấy lúc đó, cũng như luôn ở bên anh trong đơn vị. Anh ấy từng nói với tôi là hãy báo trước cho bà biết là nếu còn sống, anh ấy có khi sẽ trở về trong thương tật."

Tôi thấy trong túi anh ấy một chiếc đồng hồ mà anh ấy sẽ đem về tặng bà khi chiến tranh kết thúc.

Xin gửi bà lời chào thân ái

Cesaire Rivot

Khóa 1, Trung đoàn hành quân 23"

Thư đề ngày gửi 3 tuần trước đó. Bà không khóc, không còn biết đến khổ đau, chỉ đứng thẫn thờ, như trời trống. Bà ngắm ngời: "Thế là Victor đã bị giết". Sau đó, nước mắt bà tuôn rơi, con tim bà ngập nỗi đau. Bà thống khổ, kinh hoàng khi nghĩ về con trai mình. Bà vĩnh viễn đã không còn được ôm hôn nó! Hiến binh đã giết chết cha nó, giờ bọn Phổ lại giết con trai bà. Con trai bà bị một quả đạn cắt làm đôi. Bà như đang thấy cảnh tượng khủng khiếp: Đầu con trai bà gục xuống, mắt trợn ngược, miệng ngậm một góc của hàng ria mép, như thế đang giận dữ.

Sau đó, người ta làm gì với thi thể của con trai bà? Giá như họ trao lại cho bà thi thể của nó, như người ta đã trao lại thi thể chồng bà cho bà, với viên đạn nằm giữa trán!

Bà nghe có tiếng ồn. Đó là âm thanh của bốn người lính Phổ trở về làng, bà nhét vội lá thư vào túi, lặng lẽ trở lại làm công việc như thường ngày, và âm thầm chùi nước mắt.

Bốn người lính vui nhộn vì họ tình cờ bắt được một con thỏ to. Họ ra hiệu với bà Sauvage là bà và họ sắp có món ngon. Bà ngay lập tức chuẩn bị bữa trưa. Nhưng khi thấy con thỏ bị giết, lòng bà đau nhói. Đây là lần đầu tiên bà thấy như thế! Một người lính nằm nấp đầm đầm vào sau mang tai con thỏ, hạ gục nó. Khi con thỏ đã chết, bà lột da nó. Nhưng khi thấy máu, bà kinh hoàng và buông tay ra. Dòng máu ảm đông lại, làm bà run rẩy từ đầu đến chân. Bà nhìn con thỏ bị cắt ra làm hai, màu đỏ ói và hình như nó còn thở.

Khi ngồi vào bàn với những người lính Phổ, bà không ăn một miếng nào. Họ ăn ngẫu nhiên, không quan tâm tới bà. Bà ngồi cạnh họ, không nói gì và thần nhiên đến mức họ không nhận ra điều gì, dù ý định của bà đã chín muồi.

Bỗng bà nói, "Tôi vẫn chưa biết tên các anh, dù chúng ta sống với nhau đã một tháng rồi". Họ không khó để hiểu những gì bà nói và đọc tên họ. Thế là đủ. Bà viết tên của họ ra giấy, kèm theo địa chỉ gia đình họ. Bà lấy kính ra đeo vào và đọc kỹ từng dòng, sau đó bà gấp tờ giấy lại, nhét vào túi áo, phía dưới lá thư báo tin con trai bà bị giết.

Sau bữa ăn, bà nói với những người lính:

- Tôi sẽ giúp các anh.

Bà mang củi khô lên gác xếp sát mái là nơi họ ngủ. Họ ngạc nhiên với việc làm này nhưng bà nói nó giúp họ bớt lạnh. Họ phụ giúp bà. Họ chất các bó củi khô cao lên tới mái nhà. Gác xếp với bốn bức tường lớn đã đầy củi khô, ấm áp và thơm tho. Bốn người lính sẽ ngủ rất ngon.

Vào bữa tối, những người lính lo lắng khi thấy bà Sauvage cũng không ăn gì. Bà nói với họ bà bị co thắt dạ dày. Sau đó, bà nhóm lửa để sưởi ấm còn bốn người lính Đức thì leo lên gác xếp bằng chiếc thang như thường lệ.

Khi cái bẫy đã được đóng lại, bà mẹ già leo lên thang, sau đó nhẹ nhàng mở cửa ra quan sát rồi đi xuống tìm bó rơm bà đã đặt ở nhà bếp. Bà đi chân không trên tuyết, nhẹ đến mức không ai nghe được gì. Thi thoảng, bà lắng nghe tiếng gáy sâu và đều của bốn người lính đang ngủ.

Khi đã chuẩn bị xong, bà quăng một bó rơm vào nhà và khi nhà bắt lửa, bà quăng tiếp vào các

bó rơm khác, sau đó, bà bước ra xa và đứng ngó.

Sau vài giây, ngôi nhà tranh bùng cháy dữ dội, khủng khiếp. Một luồng lửa vọt ra khỏi cửa sổ hẹp, rực sáng trên tuyết.

Có tiếng la hét trên gác xếp, tiếng người vùng vẫy gào rống một cách đau đớn và hãi hùng. Sau đó, cái bẫy đổ sập bên trong, lửa xoay bay lên từ gác xếp, xuyên qua nóc nhà, vọt lên trời như một cây đuốc khổng lồ. Cả căn nhà cháy rực.

Người ta chỉ còn nghe tiếng lửa cháy lép lép, tiếng các bức tường kêu răng rắc và tiếng các xà nhà đổ sụp. Sau đó, mái nhà bắt ngờ sụp xuống, khung nhà cháy đen đứng giờ xương trong đám khói và trong những tia lửa sáng đủ màu sắc.

Cả vùng rực sáng vì lửa, sáng như một chiếc khăn trải bàn được nhuộm đỏ. Xa xa, có tiếng chuông rung.

Bà Sauvage đứng im trước căn nhà đổ, tay cầm súng của con trai bà, như thể đang lo lắng là liệu có người lính nào chạy thoát được không.

Khi biết là mọi sự đã hoàn tất, bà quăng súng vào đồng lửa. Có tiếng nổ vang lên.

Dân trong vùng và quân Phổ chạy đến. Họ thấy có một phụ nữ già ngồi im lặng và hải lòng trên một khúc cây. Một sĩ quan Đức nói với bà bằng thứ tiếng Pháp sành sỏi:

- Lính của tôi đâu?

Bà đưa cánh tay gầy guộc chỉ vào đồng lửa đó đang dần tắt và mạnh mẽ đáp:

- Trong đó.

Mọi người vây quanh bà. Viên sĩ quan hỏi:

- Tại sao nhà cháy?

Bà đáp:

- Tôi đốt.

Người ta không tin, nghĩ rằng vụ hỏa hoạn là do một hành động điên rồ. Khi mọi người vây quanh và chờ nghe, bà kể lại toàn bộ câu chuyện, từ khi bà nhận được lá thư cho đến khi bốn người lính la hét ngôi nhà cháy. Bà cũng không quên nói rõ là bà không thấy hối tiếc khi đốt nhà.

Nói xong, bà lấy trong túi ra hai mẫu giấy và đưa cho mọi người xem bằng ánh sáng yếu ớt còn lại của đám cháy. Bà lấy kính ra đeo và chỉ vào một mẫu giấy và nói: "Đây, con trai Victor của tôi đã chết". Bà đưa ra mẫu giấy thứ hai, hất hàm chỉ đồng lửa đó nói: "Đây là tên của chúng, do chúng viết". Bà lặng thinh đưa mẫu giấy thứ hai cho viên sĩ quan. Ông này chớp lấy hai vai bà. Bà nói:

- Anh hãy kể lại mọi sự và nói với cha mẹ chúng là tôi đốt nhà. Victor Simon ơi, mẹ không bao giờ quên con!

Viên sĩ quan ra lệnh cho bọn lính. Họ tóm lấy bà, đẩy bà đứng vào sát vách tường còn nóng. Sau đó, 12 tên lính đứng đối diện với bà, cách 20 mét. Bà không cử động. Bà biết sự việc. Bà đang đợi.

Theo lệnh, một tràng súng bắn nổ vang. Bà mẹ già không ngã gục. Bà khuỵu xuống như bị cắt hai chân. Viên sĩ quan tiến đến. Bà gần như bị cắt làm đôi, bàn tay nắm chặt lá thư đầm ướt máu.

Bạn Servat của tôi nói thêm:

- Đó còn là lý do làm cho bọn Đức phá hủy lâu đài của tôi trong vùng.

Tôi nghĩ về những người mẹ của những chàng trai bị chết cháy và hành động anh hùng nhưng đã man của bà mẹ già đã bị xử bắn. Tôi cúi xuống nhặt lên một viên đá nhỏ bị lửa thiêu cháy đen•

Đổi mới...

(Tiếp theo trang 15)

...phương thức truyền thống (hội họp trực tiếp) sang trực tuyến. Ít ai nghĩ rằng sẽ có một ngày, các cuộc hội thảo, tập huấn, rồi đến cả trại sáng tác cũng được tổ chức online. Nhiều văn nghệ sĩ chỉ quen viết về trên giấy và hội họp trực tiếp, nay bỗng mồm làm quen với máy tính, điện thoại thông minh với các ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho việc kết nối từ xa, làm quen với những cuộc họp mà những người họp ngồi kín màn hình trước mặt, làm quen với việc đưa tác phẩm lên mạng xã hội để dự thi, xét tuyển tham gia triển lãm. Những cuộc liên hoan, triển lãm, biểu diễn nghệ thuật ... vốn không thể thiếu được khán giả trực tiếp thưởng thức và cổ vũ, nay chuyển sang việc ghi hình phát sóng trên truyền hình, báo chí điện tử, hoặc phát trực tiếp trên các mạng xã hội Facebook, YouTube,... kèm theo việc quảng bá để thu hút người xem qua mạng.

Có lẽ Hội Kiến trúc sư Việt Nam là Hội đi đầu trong ứng dụng các nền tảng số vào tổ chức các hoạt động chuyên môn. Không tính đến hoạt động sáng tạo cá nhân của kiến trúc sư lâu nay vẫn sử dụng công nghệ thông tin làm phương tiện chính, thì các hoạt động do Hội tổ chức như hội thảo, tập huấn nghiệp vụ, diễn đàn nghề nghiệp, đào tạo phát triển nghề nghiệp... luôn được chú trọng thực hiện trên môi trường số, kết nối và chia sẻ thông tin đến hội viên rất hiệu quả.

Hội Nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam cũng thích nghi khá nhanh với đời sống số. Nhiều cuộc thi, triển lãm được tổ chức theo hình thức chấm và trưng bày kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến. Với sự kết nối của Hội, các nghệ sĩ nhiếp ảnh còn nhanh chóng tham gia các hoạt động nhiếp ảnh quốc tế và xuất sắc đem về nhiều giải thưởng từ những cuộc thi nhiếp ảnh quốc tế.

Ở quy mô địa phương, một số Hội VHNT như Đắk Lắk, Gia Lai, Thái Nguyên, Hội Nhà văn Thành phố Hồ Chí Minh... cùng một số đơn vị sự nghiệp khác cũng nỗ lực chuyển sang các hình thức hoạt động trên môi trường số. Như: phát triển tạp chí điện tử hoặc các trang thông tin điện tử tổng hợp, tổ chức các chương trình nghệ thuật theo chủ đề, các cuộc thi, trại sáng tác văn học nghệ thuật, ... Cùng với đó là việc số hóa tác

phẩm phục vụ quảng bá, phát hành ra thị trường và lưu trữ trên các nền tảng kỹ thuật số.

Tuy nhiên, nhìn trên bình diện rộng lớn của Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam với 40.000 hội viên thì những nỗ lực trên còn rất khiêm tốn và mới chỉ mang tính khởi động. Nhiều Hội (cả địa phương và trung ương) chưa quan tâm lắm đến chuyển đổi số, một số khác thì khá lúng túng, loay hoay chưa tìm được hướng để thích nghi với hoàn cảnh mới.

Ngay cả mái nhà chung của các Hội Văn học nghệ thuật cả nước - Cơ quan thường trực Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam cũng có sự lúng túng ấy. Sau Đại hội lần thứ X (tháng 1/2021), cho dù đã có sự chuyển giao thế hệ toàn diện hứa hẹn nhiều khởi sắc, nhưng ở tầm vĩ mô, hành động thích ứng và chủ động hội nhập với công cuộc chuyển đổi số, từ phía Liên hiệp dường như chưa có gì đáng kể. Nếu chúng tôi không nhầm thì ngay cả một trang web chính thức, phục vụ cho việc cung cấp, trao đổi thông tin trong hệ thống 74 tổ chức thành viên của mình và hoạt động đối ngoại với các cơ quan, tổ chức, cộng đồng trong xã hội, Liên hiệp cũng chưa có.

Và không phải trong đội ngũ lãnh đạo các hội không có những ý kiến phủ nhận sự tác động của công nghệ số, đời sống số vào hoạt động văn học nghệ thuật; coi lĩnh vực sáng tạo văn học nghệ thuật có đặc thù riêng, thành quả phụ thuộc tài năng sáng tạo của từng cá nhân văn nghệ sĩ chứ không phải do máy móc công nghệ mà có, cho nên hoạt động văn học nghệ thuật không ảnh hưởng, sự tác động của công nghệ.

Nhìn sang ngành văn hóa thì thao du lịch để thấy sự khác biệt và khoảng cách rất xa giữa chúng ta và họ. Vậy Liên hiệp và các hội chuyên ngành trực tiếp liên quan đến ngành văn hóa sẽ lãnh đạo đội ngũ văn nghệ sĩ hội viên của mình trong ngành thế nào, định hướng cho họ những gì trong kỷ nguyên mới, khi giờ này văn bản đang đứng ngoài sự vận động tích cực để không tụt hậu với đời sống số của họ?

3. Từ thực trạng trên, chúng tôi hết sức mong muốn và trân trọng đề nghị lãnh đạo Liên hiệp, Đoàn Chủ tịch Liên hiệp dành sự quan tâm thỏa đáng cho việc xây dựng chủ trương đổi mới nội dung, phương thức hoạt động văn học nghệ thuật trên cơ sở từng bước gắn với công cuộc chuyển đổi số. Xem ứng dụng công nghệ thông

tin và chuyển đổi số như một nhiệm vụ, một nghĩa vụ của một cơ quan trung ương đại diện cho toàn thể văn nghệ sĩ nước nhà. Từ đó Liên hiệp là trung tâm chỉ đạo, kết nối các hội thành viên trong những chương trình, hoạt động, việc làm cụ thể, để tạo sự kết nối - lưu giữ - chia sẻ thông tin, tài nguyên, giá trị sáng tạo của văn nghệ sĩ trong một môi trường mới bên cạnh môi trường truyền thống. Xa hơn nữa, là kết nối với các hoạt động văn học nghệ thuật khu vực ASEAN và quốc tế.

Công cuộc chuyển đổi số trong một tổ chức Hội từ những bước đầu tiên đã đặt ra những điều kiện mang tính thách thức to lớn. Đó là: con người, tài chính, cơ chế. Một nguồn tài chính cần thiết để mua sắm trang thiết bị và chi trả nhân công. Một cơ chế phù hợp để vận hành. Quan trọng nhất là nguồn nhân lực, bao gồm nhân lực chuyên nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin và nhân lực lãnh đạo điều hành, trên cơ sở những hiểu biết nhất định về chuyển đổi số. Cả ba điều kiện trên đều là những thách thức lớn đối với hệ thống các hội, vốn quen vận hành theo những phương thức truyền thống.

Mặc dù vậy, theo chúng tôi, Liên hiệp và các hội thành viên, tùy theo tình hình thực tiễn của hội mình mà lựa chọn cách đầu tư ưu tiên phù hợp, thực hiện từng bước. Không phải sự đầu tư nào cũng tốn kém, nhất là đầu tư để điều chỉnh tư duy của đội ngũ, trong đó quan trọng nhất là tư duy của những người đứng đầu.

Sự thay đổi từ phía đời sống xã hội, nhà nước và cá nhân văn nghệ sĩ khiến Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam và các Hội thành viên không thể tiếp tục đứng ngoài cuộc. Chúng ta không thể tiếp tục thụ động trong khi xã hội thay đổi. Việc điều chỉnh tư duy và cách làm cũ trong hoạt động Hội, tiếp cận tri thức mới, nhất là ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số để chủ động thích nghi với hoàn cảnh mới là cần thiết, vì sự tồn tại của chính tổ chức Hội của mình, vì nguyện vọng của hội viên nhất là lớp hội viên trẻ. Đó là nhiệm vụ khó khăn nhưng không thể tiếp tục trì hoãn, nhất là khi nhu cầu về tinh thần của công chúng và của toàn xã hội đã tiến xa hơn rất nhiều so với những gì chúng ta đang làm*

N.T.Q

Văn nghệ Thái Nguyên...

(Tiếp theo trang 5)

...anh kể: Cộng tác với VNTN bắt đầu từ những năm 2014, khi đó anh đang là Trưởng phòng Kinh tế của Báo Thái Nguyên. Những ngày đầu viết bài cho VNTN anh luôn được Tổng Biên tập Nguyễn Thúy Quỳnh động viên và tin tưởng. Đó là những đề tài gai góc, giải quyết những vấn đề xã hội, trong đó có những loạt bài có tác dụng phơi bày và "giải bài toán khó" cho các cấp chính quyền của tỉnh. Những bài viết ấy đã được nhiều người quan tâm, nhiệt tình đón nhận và phản hồi tích cực. Anh thấy rất vui vì đã cộng tác với VNTN, nơi có một Tổng Biên tập nữ dám đương đầu và đăng tải những vấn

đề đó.

Với tư cách là người đứng đầu một cơ quan báo chí trên địa bàn, anh cho biết: Tôi chứng kiến trong thời gian qua VNTN rất phát triển và có những bút phá mạnh, từ báo giấy đến nay chuyển thành tạp chí và tạp chí điện tử. VNTN như có luồng gió mới. Cầm trên tay cuốn tạp chí dài dặc, trình bày hiện đại, chân thực, đẹp cả về nội dung và hình thức... tôi đã thấy VNTN đang hướng tới một tòa soạn hiện đại, tòa soạn hội tụ, đa phương tiện, đa nền tảng, đây chính là bước đi tất yếu của các cơ quan báo chí hiện nay. Từ góc độ những người làm báo tôi rất ngưỡng mộ và tự hào vì Thái Nguyên đã có một tờ tạp chí văn nghệ như thế.

Chủ động nhập cuộc

Cách mạng 4.0 mang đến cho báo chí cả những cơ hội và những thách thức lớn. Bắt kịp xu thế của thời đại, trong thời gian qua VNTN đã chủ động nhập cuộc và việc đầu tiên phải nói tới là thiết lập Tạp chí VNTN điện tử.

Để tạp chí điện tử đi vào hoạt động đúng như giấy phép thiết lập, Hội VHNT, Tòa soạn VNTN đã có những bước chuẩn bị bài bản kỹ lưỡng. Bên cạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, bổ sung nhân lực, VNTN đã từng bước đổi mới nội dung như: tiếp tục phản ánh những vấn đề chính trị - xã hội được độc giả quan tâm dưới lăng kính văn nghệ; chú ý vào những bài viết phóng sự, ký sự

Sẽ triển khai...

(Tiếp theo trang 14)

...Ghi nhận những ý kiến đóng góp của các Hội, lãnh đạo Liên hiệp sẽ tiếp tục tham mưu sửa đổi văn bản để phù hợp với thực tế, hợp lý trong cách thực hiện công tác hỗ trợ sáng tạo trong thời gian sắp tới.

Cũng trong khuôn khổ Hội nghị, đã diễn ra Hội thảo khoa học "Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam: thực trạng - giải pháp và nhiệm vụ trong thời kỳ mới", với 35 ý kiến tham luận của lãnh đạo các Hội địa phương tham gia. Nhìn chung, các tham luận đều nêu được những tồn tại trong công tác Hội và đề ra những giải pháp có giá trị. Đó là những trăn trở của những người chịu trách nhiệm về công tác Hội ở các địa phương trên cả nước.

Tham luận nhà nghiên cứu Bùi Văn Tiếng, Ủy viên Đoàn Chủ tịch Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam, Chủ tịch Liên hiệp các Hội VHNT TP. Đà Nẵng cho rằng: việc xây dựng tổ chức hội ở địa phương, điều quan trọng vào lúc này là làm sao thống nhất được nhận thức về địa vị chính trị của hệ thống tổ chức các hội VHNT từ trung ương đến các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Làm thế nào để tổ chức hội VHNT thực sự được xem là một tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị, được thực hiện theo quy định tại Khoản 7 Điều 8 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015: "Ngân sách nhà nước đảm bảo cân đối kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị và các tổ chức

chính trị - xã hội".

TS.KTS Phan Đăng Sơn, Chủ tịch Hội Kiến trúc sư Việt Nam đưa ra ý kiến thiết thực để "Tìm giải pháp phù hợp triển khai ý kiến chỉ đạo của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ 2, cùng việc triển khai kết luận 76-KL/TW và Đề xuất giải pháp phối hợp kết nối đồng hành hoạt động giữa các Hội trong khối VHNT các cấp" như: "Liên hiệp cần có những dự định và đề xuất kết nối hoạt động của các lĩnh vực trong những chương trình sự kiện đồng nhất. Xem như đây là một nhiệm vụ cũng trọng tâm trọng điểm. Liên hiệp không dừng ở việc chỉ tổng hợp báo cáo các lĩnh vực, các hội gửi lên, thành báo cáo chung như hiện nay. Các Hội, các chuyên ngành trong khối, cũng cần chủ động tìm kiếm những cơ hội giới thiệu và kết nối đồng hành trong hoạt động chuyên môn"...

Nghệ sĩ Đặng Thị Phụng, Chủ tịch Hội VHNT Tây Ninh nêu ra thực trạng không đồng nhất về cách gọi, giao chỉ tiêu biên chế, chính sách đối với các Hội và người làm việc tại Hội, từ đó đề xuất, kiến nghị về cơ chế tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính cho các Hội VHNT tỉnh, thành phố đúng theo quan điểm của Đảng về Hội "đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà Nước, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, góp phần xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc". Đồng thời, nghệ sĩ còn "đề nghị Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tích cực tham mưu Chính phủ phân bổ kinh phí hỗ trợ năm 2022 trở nhất vào đầu quý III nhằm tạo điều kiện cho các Hội sử dụng có hiệu

quả nguồn kinh phí trung ương". Đây là một trong những tham luận được đồng đạo ý kiến đồng tình tại hội thảo.

Đoàn Thái Nguyên do nhà thơ Nguyễn Thúy Quỳnh làm trưởng đoàn, cũng mang tới Hội thảo một ý kiến đầy tâm huyết với nhan đề: "Đổi mới hoạt động văn học nghệ thuật trên cơ sở tiếp cận các ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số". Tham luận đã chỉ ra nhiều thực tế rất đáng quan tâm. (Mời xem trên tạp chí VNTN điện tử).

Phát biểu chỉ đạo tại hội nghị, ông Trần Thanh Lâm, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương đánh giá cao Liên hiệp và các Hội, dù gặp nhiều khó khăn nhưng thời gian qua vẫn hoàn thành công việc với nhiều nỗ lực, đạt được nhiều thành tựu, đồng thời nêu ra những hạn chế, tồn tại. Liên hiệp cần chủ động, tích cực, có kế hoạch để tham gia vào việc tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết 23 của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng, phát triển văn học nghệ thuật trong thời kỳ mới, chuẩn bị tổng kết 50 năm văn học nghệ thuật nước nhà sau ngày thống nhất, triển khai xây dựng các hệ giá trị quốc gia: hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình chuẩn mực con người Việt Nam.

Thay mặt Đoàn Chủ tịch, nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân - Chủ tịch Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam đã cảm ơn những ý kiến chỉ đạo cũng như các tham luận của các Hội. Trong thời gian tới, Đoàn Chủ tịch sẽ cùng Đảng đoàn lãnh đạo Ủy ban toàn quốc triển khai những công việc theo hướng ngày càng chặt chẽ, cụ thể và có hiệu quả hơn.

T.T



Các đại biểu dự Hội nghị



Đoàn Chủ tịch điều hành Hội nghị

độc quyền... Ngoài nội dung VNTN cũng đồng thời đổi mới về hình thức thể hiện, những loại hình bài điện tử như: Emagazine, Audio, Video đã xuất hiện ngày càng nhiều và có những tác phẩm thu hút số lượng người xem lớn hơn nhiều so với những bài viết truyền thống.

Đáp ứng nhu cầu thưởng thức ngày càng cao của công chúng, VNTN phát triển theo loại hình báo chí đa phương tiện và cũng để nâng cao chất lượng và giữ ổn định hoạt động của chuyên mục video nhân buổi gặp mặt cộng tác viên VNTN đã ra mắt thêm chuyên mục clip số "Muôn nẻo đường quê". Đây là chuyên mục trên Tạp chí VNTN điện

tử gồm các clip ngắn giới thiệu về đất và người Thái Nguyên, từ những địa danh, vùng quê, làng nghề... đến những hình ảnh cuộc sống thường ngày như: một món ăn, một nét văn hóa truyền thống, một hình ảnh đẹp trong cuộc sống... Trước mắt, chuyên mục sẽ xuất hiện mỗi tuần một số để phục vụ công chúng.

Tham gia đặc lực cùng Tòa soạn thực hiện chuyên mục này là các hội viên thuộc Chi hội Điện ảnh - Truyền hình, Hội VHNT tỉnh Thái Nguyên. Việc sản xuất những clip ngắn không chỉ làm phong phú tạp chí điện tử, mà còn dễ dàng chia sẻ, quảng bá trên các nền tảng điện tử, các trang mạng xã hội, để từ đó lan tỏa được nhiều hơn tình yêu đối với mảnh đất Thái Nguyên giàu truyền thống cách

mạng.

Dự kiến, trong tháng 7 này, Tòa soạn tiếp tục cho ra mắt kênh Podcast mang tên "Xóm Chòi" - là địa danh nơi ở và làm việc của Hội Văn nghệ Việt Nam trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Đây là một kênh Audio, thông qua đó đọc các tác phẩm văn học đăng trên VNTN, có thể mở rộng ra các tiểu phẩm vui cười, các tiểu phẩm sân khấu ngắn...

Phát biểu tại cuộc gặp mặt đồng chí Nguyễn Quốc Thái, Phó Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy ghi nhận và biểu dương những đóng góp của VNTN trong thời gian qua. Đồng chí cũng khẳng định Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy sẽ đồng hành với VNTN trong thời gian sắp tới.

Q.K

THƠ CHÂM

Có cách nào không?

Mỗi ngày dăm ba lượt
xóa tin đến dập dồn!
những "nhân dịp", "khuyến mại"...
"biểu tượng" rồi "ghi ơn"...

Những ngọt ngào đường mật
toàn "miễn phí", "trì hoãn"...
cuối cùng dòng tin ấy:
mới cước ngày, tháng, năm!

Có cách nào triệt hẳn?
các ngành quán lý ơi!
ngày
ngày
ngày...
lãi nhái!
bản mất, phí thời gian!

Thái Thuận Minh

Trò diễn xong

Sân khấu không rạp, không mền
Bao nhiêu trò diễn biến thiên khó ngờ
"Miếng da lừa" thật là to
"Tần trò đời" mới, cam go quá trời!
Quạ mượn áo công mùa vui
Quy Sa tăng đội lốt người... thì sao?

Giăng bồng bong mư cao lừa bịp
Cài đỏ xanh ề kíp chia nhau
Hạ màn sẽ thấy phía sau
Cáo thành tình với ba đầu sáu tay

Chúng hợp tác với nhau cốt để
Vơ tiền thôi, bất kể đúng sai
Miệng lưỡi ngọt như mủ lùi
Mà tâm đen thui, đen thui, bất nghi.

Lò đã nóng củi gì cũng cháy
Khí lòng dân đã dấy sóng cồn
Đáng đau đầu, bởi sống còn
Vấn kiến gan loại những hồn máu ung!

Mai Thắng

Lại chuyện đường ngập

Ừ thì đường ngập tại trời
Tự nhiên muốn hạt tuôn rơi ào ào
Phổ phường bỗng chốc thành ao
Từng dòng xe cộ nghen ngào lướt qua
Ô tô chết máy, mất đà
Người dân bì bõm mà ca cẩm buồn
Từ ngày đô thị mọc lên
Nhà chen lẫn phố, nước chen ngập đường
Bao giờ mới hết tại ương
Bao giờ mới hết ngập đường, hỡi ai?

Lê Thị

Ý KIẾN BẠN ĐỌC

Xử phạt người hút thuốc lá nơi

Tình trạng hút thuốc lá nơi công cộng vẫn diễn ra tràn lan dù Luật Phòng, chống tác hại (PCTH) thuốc lá năm 2013 đã có hiệu lực 9 năm. Mức xử phạt hành vi hút thuốc lá nơi công cộng cũng đã có. Cụ thể là Theo Khoản 1, Điều 25 Nghị định 117/2020/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế có hiệu lực từ ngày 15/11/2020 thì "người có hành vi hút thuốc lá ở những nơi có quy định cấm sẽ bị cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200 - 500 ngàn đồng". Tuy nhiên, việc xử lý những người vi phạm có vẻ như vẫn là... bó tay.

Theo quy định của Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá, cơ sở y tế là nơi cấm hút thuốc lá hoàn toàn trong nhà và cả khuôn viên, nhưng thực tế thì quả thực... đáng lo ngại. Vừa rồi, tôi có đưa người nhà vào Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên để khám chữa bệnh liên quan đến đường hô hấp. Tôi thật sự lo lắng cho người nhà của mình khi thường xuyên chứng kiến tình trạng bệnh nhân, người nhà bệnh nhân ngang nhiên hút thuốc, dù khu vực đó đều có biển cảnh báo "cấm hút thuốc lá". Trong khuôn viên cây cảnh, ghế đá để mọi người nghỉ ngơi, thư giãn - một điểm nhấn để nâng cao tinh thần cho mọi người của Bệnh viện cũng tập trung nhiều người hút thuốc. Có bệnh nhân ra đây ngồi thư giãn một chút nhưng phải chuyển chỗ đến mấy lần bởi không chịu nổi các "ống khói" của những người hút thuốc xung quanh phả vào. Tần thuốc rơi vãi khắp nơi, cả vào những chậu cây cảnh, những khóm hoa. Nhân viên lao công thường xuyên dọn dẹp nhưng cũng chẳng xuể, dọn xong thì chỉ một lúc sau lại có.

Ngay cả khi đưa người nhà mình xuống

đến Bệnh viện K, cơ sở Tân Triều - nơi khám và điều trị cho bệnh nhân ung thư lớn nhất cả nước thì tình trạng người nhà, bệnh nhân hút thuốc còn "vô tư" hơn. Mặc dù bảo vệ thường xuyên nhắc nhở nhưng khi họ không có mặt thì lại "đầu vào đây". Các "tín đồ" của Nicotin lại thân nhiên hút tiếp. Chứng kiến những điều này, quả thật là nỗi ám ảnh không ít của những bệnh nhân, người nhà bởi ai cũng biết rằng thuốc lá, khói thuốc lá là một trong những nguyên nhân phổ biến dẫn đến căn bệnh ung thư.

Bệnh viện, trung tâm y tế là thế, còn những nơi công cộng khác như bến xe, nhà hàng, trung tâm vui chơi giải trí... thì tình trạng hút thuốc lá còn phổ biến hơn. Đạo quanh một số địa điểm công cộng, dễ dàng bắt gặp những người phì phèo thuốc trên tay mà chẳng cần để ý gì đến những ánh mắt khó chịu, khuôn mặt nhăn nhó của những người xung quanh do đang bị tra tấn bởi khói thuốc lá. Họ đang phải đối mặt với độc hại do bị hút thuốc thụ động, nguy cơ mắc các bệnh đặc biệt là ung thư thậm chí còn cao hơn người đang trực tiếp hút.

Theo Nghị định 176/2013/NĐ-CP ngày 14/1/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trên lĩnh vực y tế, lực lượng tham gia xử phạt vi phạm hành chính về PCTH của thuốc lá là thanh tra y tế, chiến sĩ công an đang thi hành nhiệm vụ, chủ tịch UBND cấp xã (phường). Tuy nhiên, khi trao đổi với một số người thuộc các lực lượng trên thì việc xử phạt đối với hành vi này hiện gặp nhiều khó khăn.

Ý kiến cụ thể của một lãnh đạo

GÓC BIỂU HỌA



công cộng: “bài toán” nan giải?

Anh Anh (thành phố Thái Nguyên)



Ảnh minh họa, nguồn: internet

phường như sau: “Việc xử lý những trường hợp hút thuốc lá nơi công cộng rất khó, bởi hành vi hút thuốc của người đó diễn ra bất chợt, nhanh, vị trí không cố định. Nếu xử phạt theo đúng quy trình là sau khi nhận được phản ánh của người dân, lực lượng chức năng thành lập đoàn đến lập biên bản, ra quyết định hoặc đề xuất xử phạt thì cá nhân vi phạm không chỉ thừa thời gian “thủ tiêu” tàn thuốc mà còn đi mất dạng, rất khó để truy tìm và xử lý. Hơn nữa, đơn vị xử lý cũng không thể có đủ nhân lực để bố trí các nơi nhằm kiểm tra, giám sát, phát hiện người vi phạm”.

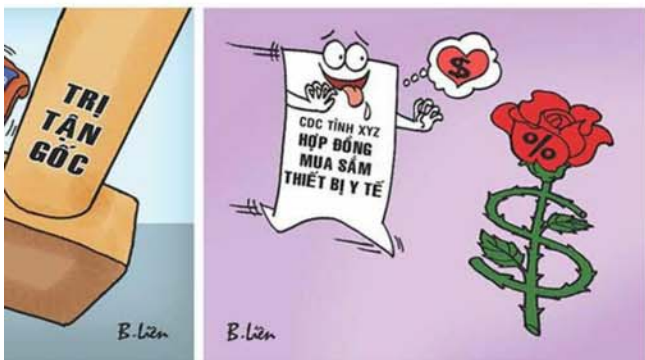
Mới đây, để nâng cao hiệu quả thực hiện Luật PCTH thuốc lá, tăng cường sự giám sát của người dân, kịp thời tiếp nhận, xử lý thông tin phản ánh về các hành vi vi

phạm Luật PCTH của thuốc lá, Ủy PCTH thuốc lá (Bộ Y tế) đã xây dựng và thí điểm ứng dụng Vn0khoithuoc (app trên điện thoại di động), giúp người dân phản ánh các vi phạm liên quan đến thuốc lá tới cơ quan chức năng.

Ứng dụng này cho phép người dân chụp và gửi hình ảnh vi phạm Luật PCTH thuốc lá tới các cơ quan chức năng để có biện pháp xử lý kịp thời. Tuy nhiên, giải pháp này chưa đem lại hiệu quả, bởi không phải ai cũng có điện thoại thông minh, có kết nối internet để chụp, gửi hình ảnh. Ngoài ra, việc chụp và sử dụng ảnh người khác khi không có sự đồng ý của người đó là vi phạm luật pháp.

Quả thực, việc xử phạt và hạn chế người hút thuốc lá nơi công cộng vẫn là bài toán hết sức nan giải. Theo tôi, cần tăng thuế thật cao đối với mặt hàng thuốc lá để “đánh” vào túi tiền người hút thuốc. Lúc đó, họ có thể sẽ cân nhắc túi tiền của mình để giảm hút thuốc dần khi không đủ tiền mua thuốc lá thường xuyên. Đồng thời, nâng cao công tác giáo dục thuyết phục, tuyên truyền, vận động người dân chấp hành quy định cấm thuốc lá nơi công cộng. Đồng thời vận động cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, đoàn viên, thanh niên ký cam kết không hút thuốc lá.

Đi kèm với đó, cần triển khai nghiêm túc, quyết liệt chế tài trong Luật; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thi hành Luật PCTH thuốc lá nghiêm cứu sửa đổi một số quy định cứng nhắc về xử phạt hút thuốc lá nơi công cộng, theo đó cho phép cơ quan chức năng lập biên bản và xử phạt tại chỗ các hành vi vi phạm để người dân “không dám, không thể” hút thuốc lá nơi công cộng*.



Tranh: Trần Bạch Liên

43 VĂN NGHỆ THÁI NGUYÊN
SỐ 12 - RA NGÀY 25 THÁNG 6 NĂM 2022

NGỤ NGÔN

Quạ và chim Bồ câu

Quạ và chim Bồ câu là bạn tốt của nhau, cùng sinh sống trong một khu rừng.

Quạ cảm thấy mọi người đều không thích mình nên quyết định rời đi.

Khi đến chào tạm biệt Bồ câu, Quạ buồn bã nói: “Mọi người ở đây không ưa tôi, họ ghét tiếng kêu của tôi. Tôi thực sự không thể ở lại được nữa, dù rằng không muốn rời đi chút nào”.

Chim Bồ câu nghe xong liền nghĩ ngợi và nói: “Nếu không thay đổi tiếng kêu của mình, thì dù cậu bay đến đâu cũng sẽ không được chào đón”.

Lời bàn: Nếu bạn tìm kiếm nguyên nhân từ người khác, bạn nghĩ thế nào cũng sẽ không thông suốt; khi bạn tìm kiếm nguyên nhân từ chính mình, mọi chuyện sẽ đều sáng tỏ.

Ông già mua báo

Có một cụ già thích đọc báo, hàng ngày ông đều đến cửa hàng gần nhất để mua báo.

Nhân viên bán hàng ở đó thấy ông chỉ mua báo nên rất coi thường, thái độ phục vụ luôn ngạo mạn và thô lỗ.

Bạn của ông lão thấy thế không thể hiểu được liền hỏi: “Cậu ta đối xử với ông như vậy, tại sao ông không mua ở nơi khác?”

Ông già cười đáp:

“Nếu vì so đo với cậu trai đó và đi mua ở chỗ khác. Tôi phải đi loanh quanh nhiều hơn, không chỉ lãng phí thời gian mà còn thêm phiền phức. Hơn nữa, cậu ta không biết lịch sự, cư xử thô lỗ là vấn đề của cậu ta. Tại sao tôi phải thay đổi tâm tính của mình chỉ vì người như vậy?”

Lời bàn: Chúng ta không thể quyết định thái độ của người khác, nhưng chúng ta có thể quyết định thái độ của chính mình. So đo với người khác là dùng những sai lầm của người đó để trừng phạt bản thân mình.

Người thợ xây

Người thợ xây nọ đã làm việc rất chuyên cần và hữu hiệu trong nhiều năm cho một hãng thầu xây dựng. Một ngày kia, ông nghĩ ý với hãng muốn xin nghỉ việc về hưu để vui thú với gia đình.

Hãng thầu rất tiếc khi thiếu đi một người thợ giỏi đã tận tụy nhiều năm. Hãng đề nghị ông cố gắng ở lại giúp hãng xây một căn nhà trước khi thôi việc. Ông ta nhận lời.

Vì biết mình sẽ giải nghệ, cùng với sự miễn cưỡng, ông ta làm việc một cách tắc trách qua quýt, xây dựng căn nhà với những vật liệu tầm thường, kém chọn lọc, miễn có một bề ngoài đẹp đẽ mà thôi.

Mấy tháng sau, căn nhà đã hoàn thành. Người chủ hãng mời ông đến, trao cho ông chiếc chìa khóa của ngôi nhà và nói: “Ông đã gần bó và làm việc rất tận tụy với hãng trong nhiều năm, để tưởng thưởng về sự đóng góp của ông cho sự thịnh vượng của hãng, chúng tôi xin tặng ông ngôi nhà vừa xây xong!”

Thật là bàng hoàng. Nếu người thợ biết mình sẽ xây cất căn nhà cho chính mình thì hẳn ông ta đã làm việc cẩn thận hơn và chọn lựa những vật liệu có chất lượng hơn. Sự làm việc tắc trách chỉ có mình ông biết và nay thì ông phải sống với căn nhà mà ông biết rõ là kém chất lượng như thế nào.

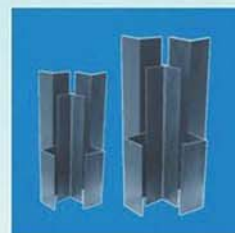
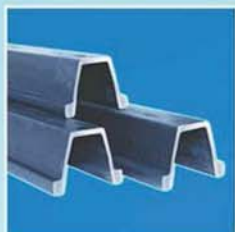
Lời bàn: Câu chuyện người thợ xây cũng tương tự như chuyện đời của chúng ta. Cũng như người thợ già kia, chúng ta thường tạo dựng một đời sống hào nhoáng, tạm bợ, đua đòi không chú trọng tới phẩm chất của nó. Nhiều khi ngồi kiểm điểm những sự bề bời của mình trong quá khứ, chúng ta thấy mình đang phải cam chịu những hậu quả của nó. Cuộc đời là một công trình kiến trúc do chính mình tạo nên. Đời sống hiện tại là kết quả của sự tạo dựng hôm nay. Hãy xây dựng đời mình một cách đúng đắn!*

A.T (st)



CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP THÁI NGUYÊN

Thai Nguyen Iron and Steel Joint Stock Corporation



TISCO®

Lớn Mạnh Cùng Đất Nước



Địa chỉ: Phường Cam Giá, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
Tel: (84-208) 3832 236 / 3833 559 Fax: (84-208) 3832 056 / 3732 102
E-mail: info@tisco.com.vn Website: www.tisco.com.vn

